KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

HÀ HUY KHOÁI (Tổng Chủ biên)
LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – BÙI BÁ MẠNH

TOÁN 2

TẬP MỘT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ HUY KHOÁI (Tổng Chủ biên)
LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN ÁNG – VŨ VĂN DƯƠNG – NGUYỄN MINH HẢI
HOÀNG QUẾ HƯỜNG – BÙI BÁ MẠNH

TOÁN 2

TẬP MỘT

(Bản in thử)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Gửi các em học sinh lớp 2!

Trong sách *Toán 2*, các em sẽ gặp một số biểu tượng chỉ dẫn. Ý nghĩa của chúng như thế này nhé:

khám phá	Tìm hiểu kiến thức mới.
hoạt động	Làm bài tập để thực hành kiến thức.
trò chơi	Vừa học vừa chơi, củng cố kiến thức đã học.
luyện tập	Ôn tập, vận dụng kiến thức đã học qua các bài tập và trò chơi.
Số ?	Tìm số thích hợp.
>; <; = ?	Tìm dấu >; <; = thích hợp.
Đ, S ?	Câu nào đúng? Câu nào sai?

Cùng với hướng dẫn của các thầy cô giáo, những biểu tượng này giúp các em nhận biết được các hoạt động học tập cần thực hiện trong mỗi bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Các em yêu quý!

Sách *Toán 2* được biên soạn dành riêng cho các em. Cuốn sách này giúp các em không chỉ có được những kiến thức, kĩ năng toán học cơ bản ban đầu mà còn tìm thấy toán học trong cuộc sống hằng ngày qua những trò chơi, hoạt động gắn với thực tiễn.

Sách *Toán 2* được viết thật dễ hiểu, các ví dụ hay bài tập luôn gắn với những hình ảnh sinh động, ngộ nghĩnh, hấp dẫn và những tình huống gần gũi để giúp các em cảm nhận được niềm vui học toán.

Để học tốt môn Toán, các em hãy làm theo hướng dẫn của thầy cô, tham gia phát biểu xây dựng bài. Đặc biệt, các em hãy tích cực trao đổi, thảo luận nhóm trong các hoạt động và trò chơi. Làm được điều đó, các em sẽ nuôi dưỡng được tình yêu với toán học và hình thành một thái độ học tập tích cực không chỉ với môn Toán mà cả với các môn học khác.

Hi vọng cuốn sách này sẽ là người bạn đồng hành thân thiết, gắn bó với các em trong suốt năm học.

Chúc các em học tập chăm chỉ và thành công!

MỤC LỤC

Chủ đề	Nội dung	Trang
1	ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG	6
	Bài 1. Ôn tập các số đến 100	6
	Bài 2. Tia số. Số liền trước, số liền sau	10
	Bài 3. Các thành phần của phép cộng, phép trừ	13
	Bài 4. Hơn, kém nhau bao nhiêu	16
	Bài 5. Ôn tập phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100	19
	Bài 6. Luyện tập chung	23
2	PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20	26
	Bài 7. Phép cộng (qua 10) trong phạm vi 20	26
	Bài 8. Bảng cộng (qua 10)	33
	Bài 9. Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị	36
	Bài 10. Luyện tập chung	38
	Bài 11. Phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20	41
	Bài 12. Bảng trừ (qua 10)	47
	Bài 13. Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị	50
	Bài 14. Luyện tập chung	53
3	LÀM QUEN VỚI KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH	57
	Bài 15. Ki-lô-gam	57
	Bài 16. Lít	62
	Bài 17. Thực hành và trải nghiệm với các đơn vị ki-lô-gam, lít	66
	Bài 18. Luyện tập chung	70
4	PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100	72
	Bài 19. Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số	72
	Bài 20. Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có hai chữ số	76
	Bài 21. Luyện tập chung	80

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề	Nội dung	Trang
	Bài 22. Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có một chữ số	83
	Bài 23. Phép trừ (có nhớ) số có hai chữ số cho số có hai chữ số	89
	Bài 24. Luyện tập chung	95
5	LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẲNG	98
	Bài 25. Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng	98
	Bài 26. Đường gấp khúc. Hình tứ giác	102
	Bài 27. Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình. Vẽ đoạn thẳng	106
	Bài 28. Luyện tập chung	110
6	NGÀY – GIỜ, GIỜ – PHÚT, NGÀY – THÁNG	112
	Bài 29. Ngày – giờ, giờ – phút	112
	Bài 30. Ngày – tháng	116
	Bài 31. Thực hành và trải nghiệm xem đồng hồ, xem lịch	119
	Bài 32. Luyện tập chung	122
7	ÔN TẬP HỌC KÌ 1	124
	Bài 33. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20, 100	124
	Bài 34. Ôn tập hình phẳng	129
	Bài 35. Ôn tập đo lường	132
	Bài 36. Ôn tập chung	135
Một số thuật ngữ dùng trong sách		138

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 1 ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

Bài 1 ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

Luyện tập

1 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	3	4	34	Ba mươi tư
	?	?	?	Năm mươi mốt
	?	?	46	?
	?	?	?	?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Tìm cà rốt cho thỏ.

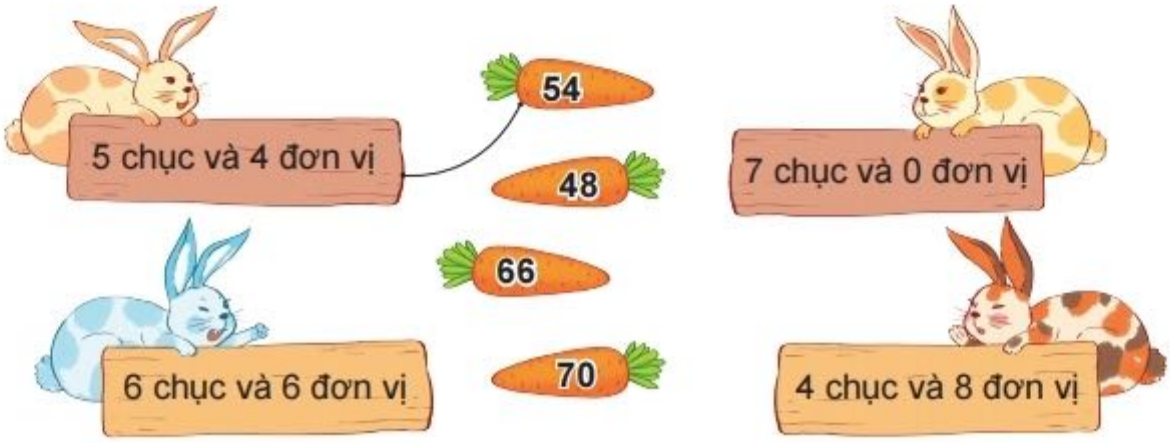

3 Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Số gồm	Viết số	Đọc số
5 chục và 7 đơn vị	57	Năm mươi bảy
7 chục và 5 đơn vị	?	Bảy mươi lăm
6 chục và 4 đơn vị	?	?
? chục và ? đơn vị	91	?

4 a) Tìm những bông hoa ghi số lớn hơn 60.

b) Tìm những bông hoa ghi số bé hơn 50.

c) Tìm những bông hoa ghi số vừa lớn hơn 50 vừa bé hơn 60.

Luyện tập

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

1 Số ?

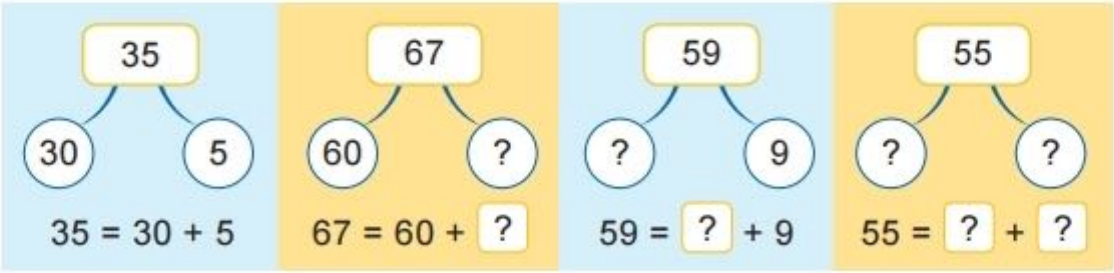

2 Sắp xếp các số ghi trên các áo theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn.

b) Từ lớn đến bé.

3 Số ?

Số	Số chục	Số đơn vị
35	3	5
53	?	?
47	?	?
80	?	?
66	?	?

4 Từ ba thẻ số dưới đây, em hãy lập các số có hai chữ số.

Luyện tập

1 Em ước lượng xem trong hình có khoảng mấy chục viên bi rồi đếm số viên bi trong hình đó (theo mẫu).

a) Mẫu:

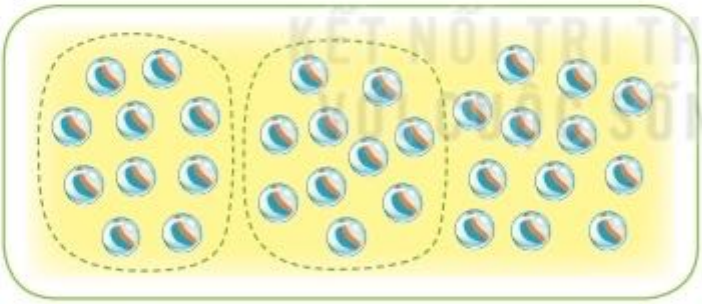

– Em ước lượng:
Khoảng 3 chục viên bi.
– Em đếm được:
32 viên bi.

b)

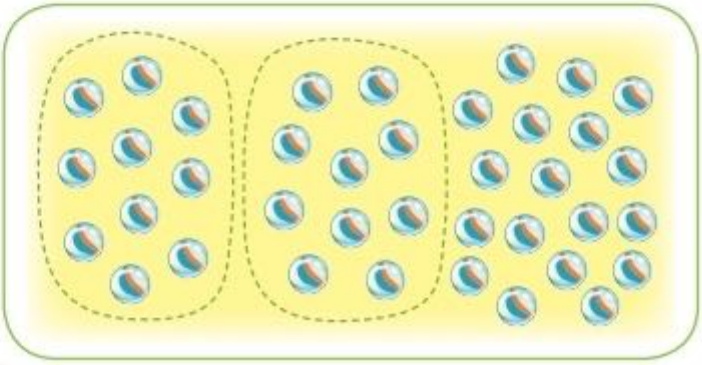

– Em ước lượng:
Khoảng ? chục viên bi.
– Em đếm được:
? viên bi.

2 Em ước lượng xem trong hình có khoảng mấy chục quả cà chua rồi đếm số cà chua trong hình đó.

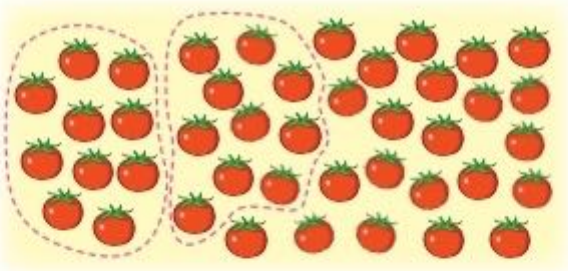

– Em ước lượng:

Khoảng ? chục quả cà chua.

– Em đếm được:

? quả cà chua.

3 Số ?

a) Số 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị, viết là: 87 = 80 + 7.

b) Số 45 gồm ? chục và ? đơn vị, viết là: 45 = ? + ?.

c) Số 63 gồm ? chục và ? đơn vị, viết là: ? = ? + ?.

4

A

65	66
75	76

B

47	48
57	58

C

25	26
35	36

D

43	44
53	54

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24			27	28	29	30
31	32	33	34			37	38	39	40
41	42			45	46			49	50
51	52			55	56			59	60
61	62	63	64			67	68	69	70
71	72	73	74			77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

a) Em lắp bốn miếng bìa A, B, C, D vào vị trí thích hợp trong bảng.

b) Tìm số lớn nhất ở mỗi miếng bìa A, B, C, D rồi viết các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.

Bài 2

TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC, SỐ LIỀN SAU

Khám phá

a)

Rô-bốt đã sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn như hình sau:

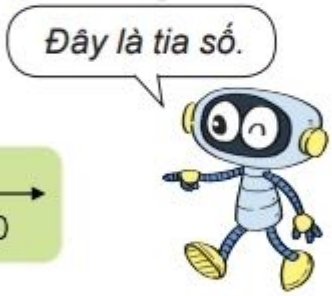

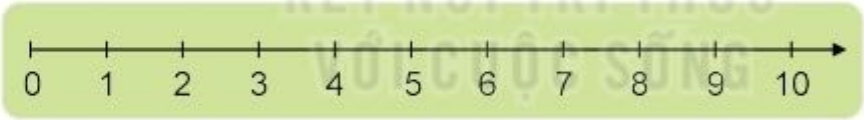

Trên tia số:

- Số 0 ở vạch đầu tiên, là số bé nhất.
- Mỗi số lớn hơn các số ở bên trái nó và bé hơn các số ở bên phải nó.

b)

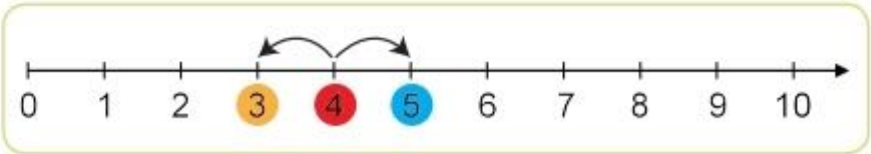

Số liền trước của 4 là 3. **Số liền sau** của 4 là 5.

hoạt động

1 Số ?

a)

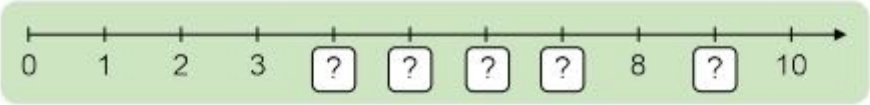

b)

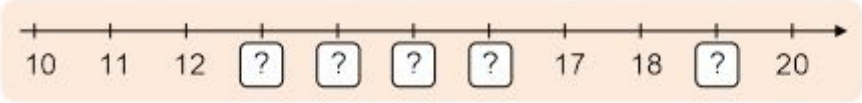

2 Mỗi quả bóng ứng với vạch nào trên tia số?

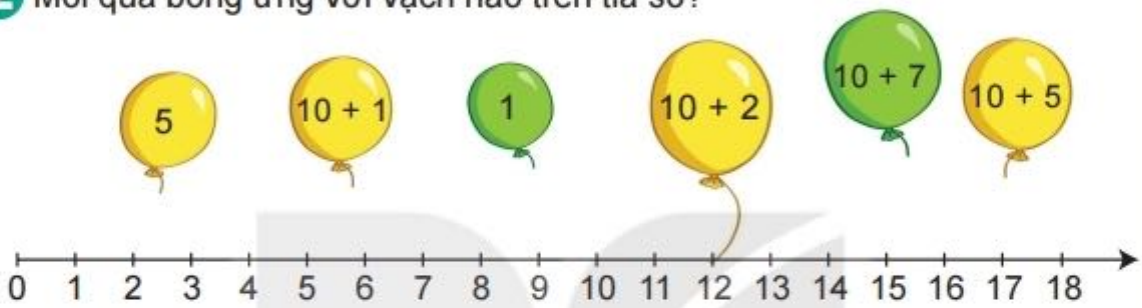

3 Đ, S ?

a) Số liền trước của 16 là 15. ?

b) Số liền trước của 16 là 17. ?

c) Số liền sau của 18 là 17. ?

d) Số liền sau của 18 là 19. ?

e) Số liền trước của 1 là 0. ?

g) Số liền sau của 1 là 2. ?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Tìm trên tia số:

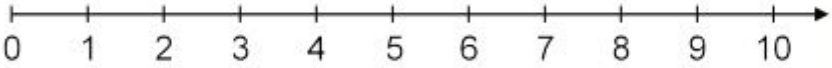

a) Những số bé hơn 5.

b) Những số vừa lớn hơn 3 vừa bé hơn 6.

2 Chọn câu trả lời đúng.

Ghép hai trong ba thẻ số bên được tất cả bao nhiêu số có hai chữ số?

A. 6 B. 5 C. 4

3 Số ?

a) Toa liền sau toa 50 là toa ?.
Toa liền trước toa 51 là toa ?.

b) Toa liền trước toa 49 là toa ?.
Toa liền sau toa 52 là toa ?.

c) Ở giữa toa 49 và toa 51 là toa ?.
Ở giữa toa 50 và toa 53 là toa ? và toa ?.

4 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
59	60	61
?	53	?
?	86	?
?	69	?
?	72	?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Thỏ đen, thỏ nâu, thỏ trắng và thỏ xám đang chuẩn bị chạy thi. Các làn chạy được đánh số lần lượt từ bé đến lớn. Thỏ trắng chạy ở làn số nào?

Bài 3

CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

Khám phá

Số hạng, tổng

6 + 3 = 9

Có tất cả 9 con cá.

6	+	3	=	9
Số hạng		Số hạng		Tổng

6 + 3 cũng gọi là tổng.

Hoạt động

1 Số ?

Số hạng	7	14	20	62
Số hạng	3	5	30	37
Tổng	10	?	?	?

2 Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là:

a) 42 và 35 b) 60 và 17

c) 81 và 16 d) 24 và 52

Mẫu:
$$\begin{array}{r} 42 \\ +\ 35 \\ \hline 77 \end{array}$$

3 Từ các số hạng và tổng, em hãy lập các phép cộng thích hợp.

Số hạng	Số hạng	Tổng
32, 23	21, 4	36, 44

khám phá

Số bị trừ, số trừ, hiệu

12 – 2 = 10

Còn lại 10 con chim.

12	–	2	=	10
Số bị trừ		Số trừ		Hiệu

12 – 2 cũng gọi là hiệu.

hoạt động

1 Số ?

a)

86 – 32 = 54	
Số bị trừ	?
Số trừ	?
Hiệu	?

b)

47 – 20 = 27	
Số bị trừ	?
Số trừ	?
Hiệu	?

2 Số ?

Số bị trừ	57	68	90	73
Số trừ	24	45	40	31
Hiệu	33	?	?	?

3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết:

a) Số bị trừ là 49, số trừ là 16.

b) Số bị trừ là 85, số trừ là 52.

c) Số bị trừ là 76, số trừ là 34.

Mẫu: Số bị trừ là 68, số trừ là 25.

$$\begin{array}{r} 68 \\ -\ 25 \\ \hline 43 \end{array}$$

4 Một bến xe có 15 ô tô, sau đó có 3 xe rời bến. Hỏi bến xe còn lại bao nhiêu ô tô?

? – ? = ?

Bến xe còn lại ? ô tô.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Viết mỗi số 75, 64, 87, 46 thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: 75 = 70 + 5

2 a) Số ?

Màu	Đỏ	Vàng	Xanh
Số ngôi sao	?	?	?

b) Tính tổng của số ngôi sao màu đỏ và số ngôi sao màu vàng.

c) Tính hiệu của số ngôi sao màu xanh và số ngôi sao màu vàng.

3 Trên mỗi toa tàu ghi một số.

a) Đổi chỗ hai toa nào của đoàn tàu A để được các số xếp theo thứ tự từ lớn đến bé?

b) Tính hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số ở đoàn tàu B.

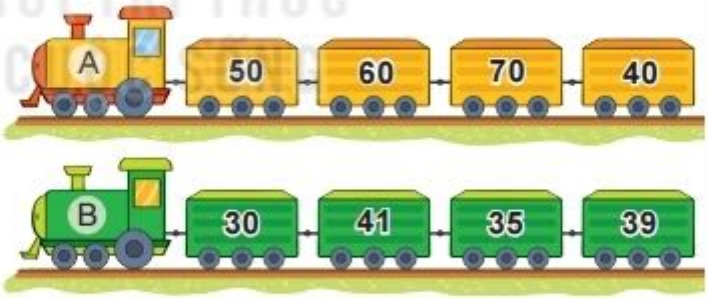

4 Từ các số bị trừ, số trừ và hiệu, em hãy lập các phép trừ thích hợp.

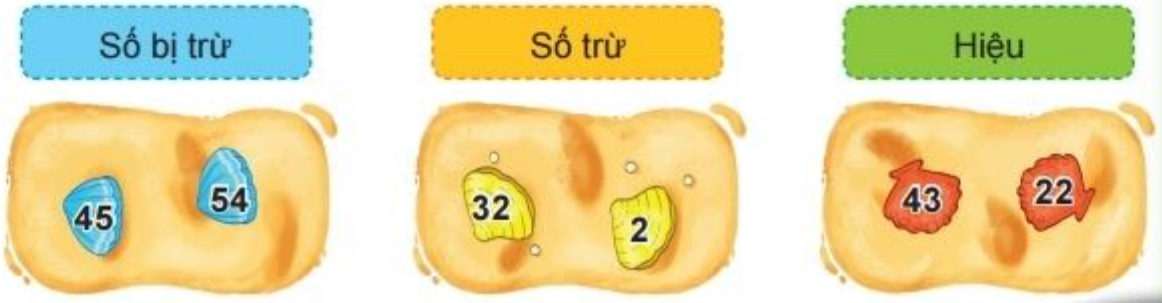

Bài 4

HƠN, KÉM NHAU BAO NHIÊU

khám phá

a) Số gà hơn số vịt mấy con?

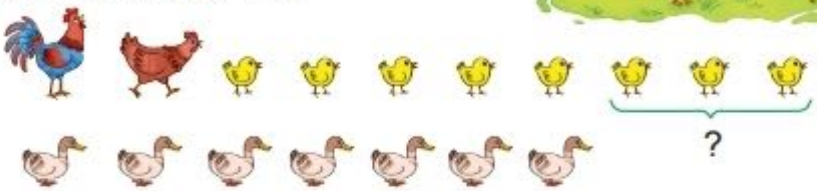

Bài giải

Số gà hơn số vịt là:

10 – 7 = 3 (con)

Đáp số: 3 con.

b) Số ngỗng kém số vịt mấy con?

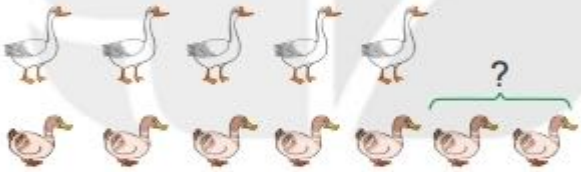

Bài giải

Số ngỗng kém số vịt là:

7 – 5 = 2 (con)

Đáp số: 2 con.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Số chim cành trên hơn số chim cành dưới mấy con?

Bài giải

Số chim cành trên hơn số chim cành dưới là:

? – ? = ? (con)

Đáp số: ? con chim.

2 Việt đã tô màu 6 bông hoa, còn 4 bông hoa chưa tô màu. Hỏi số bông hoa chưa tô màu kém số bông hoa đã tô màu mấy bông?

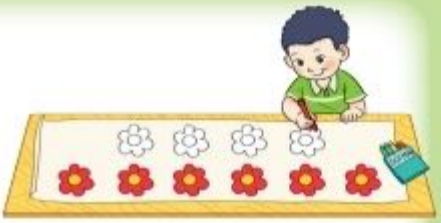

Bài giải

Số bông hoa chưa tô màu kém số bông hoa đã tô màu là:

? – ? = ? (bông)

Đáp số: ? bông hoa.

3 Mai 7 tuổi, bố 38 tuổi. Hỏi bố hơn Mai bao nhiêu tuổi?

4 Một trường học có 5 thùng đựng rác tái chế và 10 thùng đựng rác khác. Hỏi số thùng đựng rác khác hơn số thùng đựng rác tái chế mấy thùng?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Số ?

Mẫu: Băng giấy màu vàng ngắn hơn băng giấy màu xanh mấy xăng-ti-mét?

6 cm – 4 cm = 2 cm

a) Băng giấy màu đỏ dài hơn băng giấy màu vàng mấy xăng-ti-mét?

7 cm – 4 cm = ? cm

b) Băng giấy màu xanh ngắn hơn băng giấy màu đỏ mấy xăng-ti-mét?

? cm – ? cm = ? cm

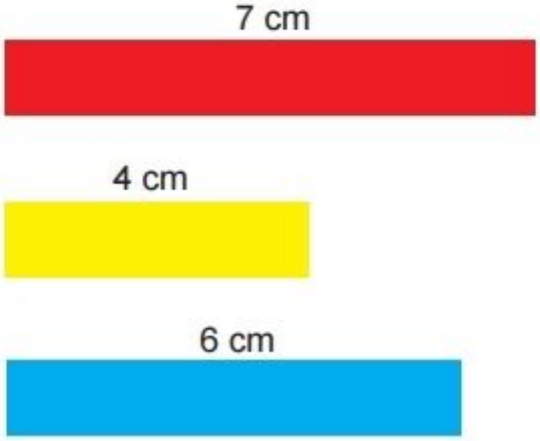

2 a) Bút nào ngắn nhất?

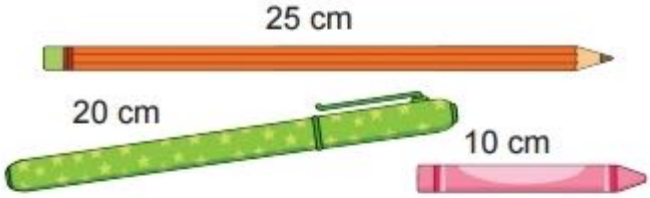

b) Số ?

– Bút chì dài hơn bút mực ? cm.

– Bút sáp ngắn hơn bút chì ? cm.

3 Ba bạn rô-bốt rủ nhau đo chiều cao.

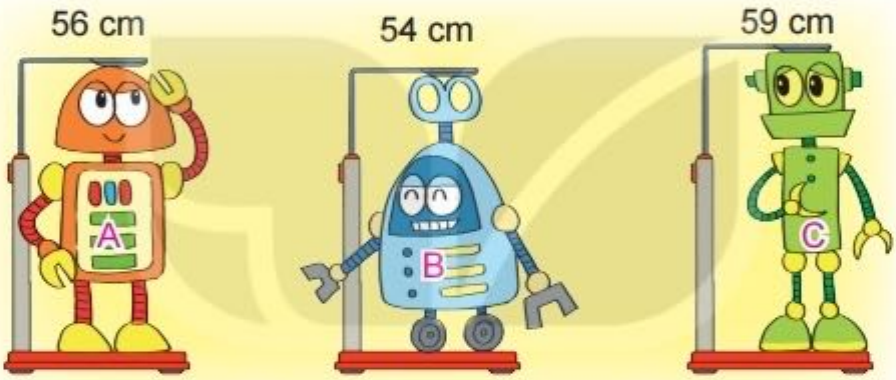

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

a) Rô-bốt nào cao nhất?

b) Số ?

– Rô-bốt A cao hơn rô-bốt B ? cm.

– Rô-bốt B thấp hơn rô-bốt C ? cm.

4 Mai và Nam gấp được các thuyền giấy như hình dưới đây.

a) Mai gấp được hơn Nam mấy cái thuyền?

b) Nam gấp được kém Mai mấy cái thuyền?

Bài 5

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (không nhớ) TRONG PHẠM VI 100

Luyện tập

1 Tính nhẩm (theo mẫu).

a) 60 + 40 = ?
6 chục + 4 chục = 10 chục
60 + 40 = 100

50 + 50
70 + 30
20 + 80

b) 100 – 20 = ?
10 chục – 2 chục = 8 chục
100 – 20 = 80

100 – 30
100 – 50
100 – 90

2 Đặt tính rồi tính.

35 + 4 52 + 37 68 – 6 79 – 55

3 Hai phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

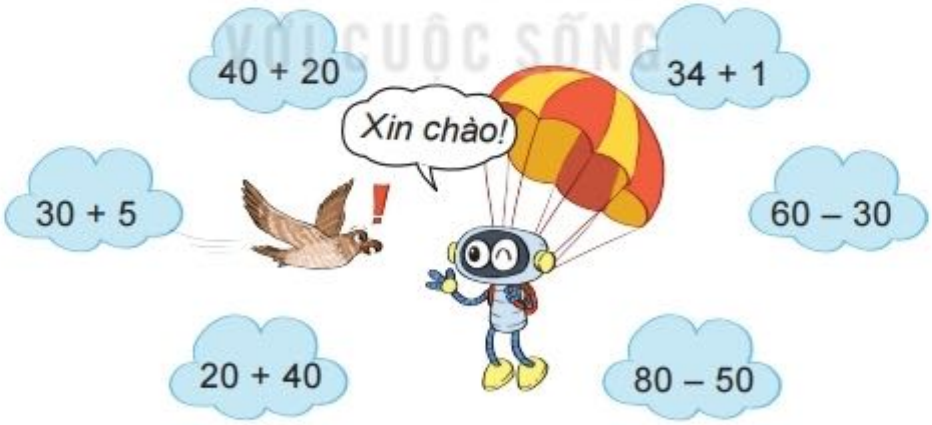

4 Số ?

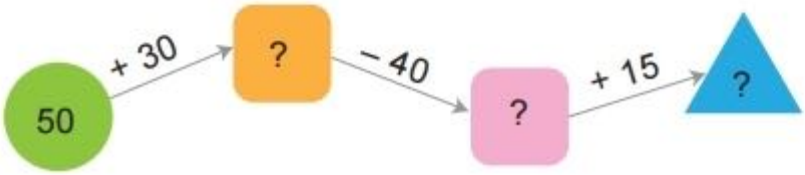

5 Trên thuyền có 12 hành khách, đến bến có 3 hành khách lên thuyền. Hỏi lúc đó trên thuyền có tất cả bao nhiêu hành khách?

luyện tập

1 Đ, S ?

a)
$$\begin{array}{r} 35 \\ +\ 4 \\ \hline 75 \end{array} \ ?$$

b)
$$\begin{array}{r} 59 \\ -\ 6 \\ \hline 53 \end{array} \ ?$$

c)
$$\begin{array}{r} 87 \\ -\ 32 \\ \hline 55 \end{array} \ ?$$

2 Tính.

20 + 6	57 – 7	3 + 40
43 + 20	75 – 70	69 – 19

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Những phép tính nào dưới đây có kết quả bé hơn 50? Những phép tính nào dưới đây có kết quả lớn hơn 50?

4 Tìm chữ số thích hợp.

a)
$$\begin{array}{r} 36 \\ +\ \boxed{?}2 \\ \hline 7\boxed{?} \end{array}$$

b)
$$\begin{array}{r} \boxed{?}8 \\ -\ 46 \\ \hline 5\boxed{?} \end{array}$$

c)
$$\begin{array}{r} 5\boxed{?} \\ +\ \boxed{?}2 \\ \hline 87 \end{array}$$

5 Đàn trâu và bò của nhà bác Bình có 28 con, trong đó có 12 con trâu. Hỏi nhà bác Bình có bao nhiêu con bò?

Luyện tập

1 a) Những phép tính nào dưới đây có cùng kết quả?

b) Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

2 Số ?

a) 10 + ? = 20

b) 30 – ? = 20

c) 50 + ? = 70

d) 80 – ? = 40

3 Tính.

a) 50 + 18 – 45

b) 76 – 56 + 27

4 Một rạp xiếc có 96 ghế, trong đó 62 ghế đã có khán giả ngồi. Hỏi trong rạp xiếc còn bao nhiêu ghế trống?

5 Số ?

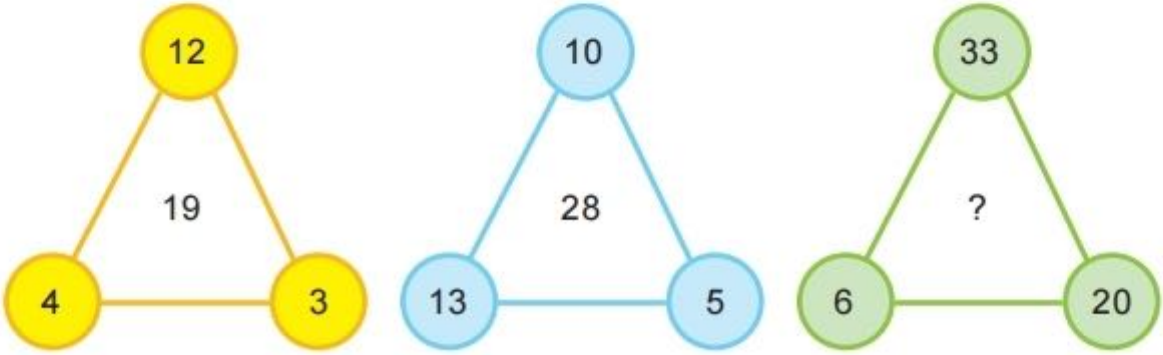

Bài 6

LUYỆN TẬP CHUNG

luyện tập

1 Số ?

a) 15 16 17 ? 19 ? ? 22 ? 24

b) 40 41 ? 43 ? 45 ? ? 48 ?

2 a) Viết mỗi số 27, 56, 95, 84, 72 thành tổng (theo mẫu).

Mẫu: 27 = 20 + 7

b) Số ?

34 = 30 + ?

55 = ? + 5

68 = ? + 8

89 = 80 + ?

3 Số ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
34	35	36
?	40	?
?	59	?
?	77	?

4 a) Viết các số trên xe đua theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Tính tổng của số lớn nhất và số bé nhất trong các số trên xe đua.

5 Lớp 2A trồng được 29 cây, lớp 2B trồng được 25 cây. Hỏi lớp 2A trồng được hơn lớp 2B bao nhiêu cây?

Luyện tập

1 Chọn câu trả lời đúng.

a) Tổng của 32 và 6 là:

A. 92 B. 38 C. 82

b) Hiệu của 47 và 22 là:

A. 69 B. 24 C. 25

c) Số liền trước của số bé nhất có hai chữ số là:

A. 9 B. 10 C. 11

d) Số liền sau của số lớn nhất có hai chữ số là:

A. 98 B. 99 C. 100

2 a) Ghép hai trong ba thẻ số bên được các số có hai chữ số nào?

b) Tính hiệu của số lớn nhất và số bé nhất trong các số vừa ghép được.

3 >; <; = ?

a) 34 + 5 ? 41

98 – 5 ? 89

b) 87 – 32 ? 50 + 5

25 + 53 ? 76 – 4

trò chơi

ĐƯA ONG VỀ TỔ

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô **xuất phát**. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm đó. Nêu kết quả phép tính tại ô đi đến, nếu nêu sai kết quả thì phải quay về ô xuất phát trước đó. Nếu đến được ô may mắn ( ) thì chú ong được bay ngay về tổ.
- Trò chơi kết thúc khi đưa được ong về tổ.

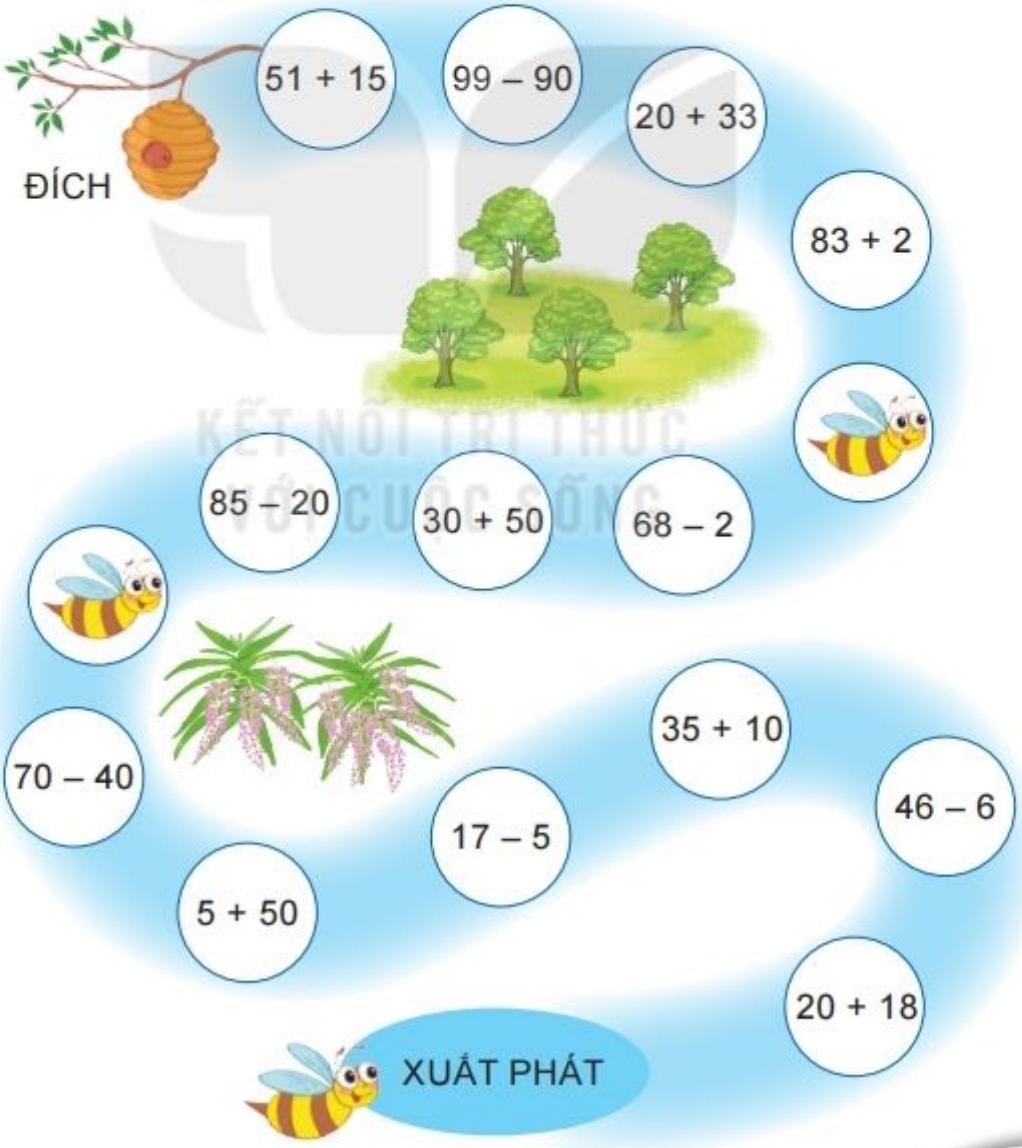

Chủ đề 2

PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20

Bài 7

PHÉP CỘNG (qua 10) TRONG PHẠM VI 20

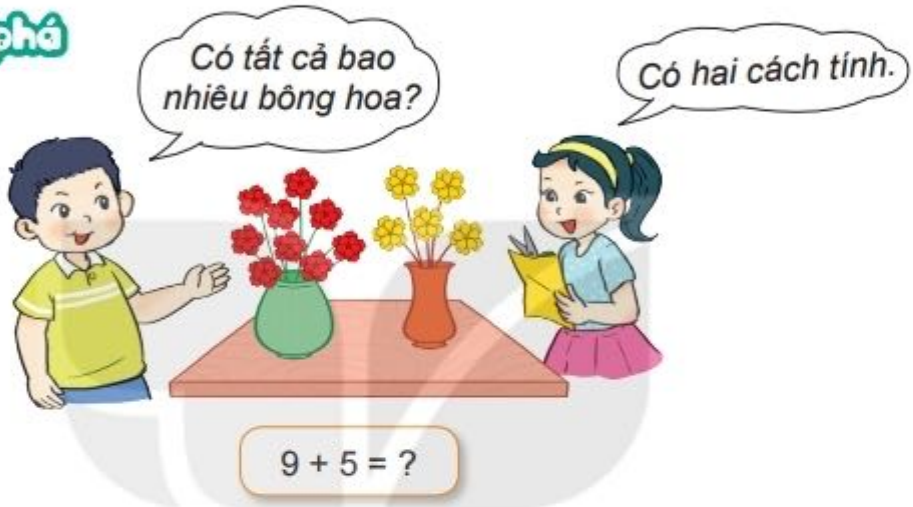

- Đếm tiếp

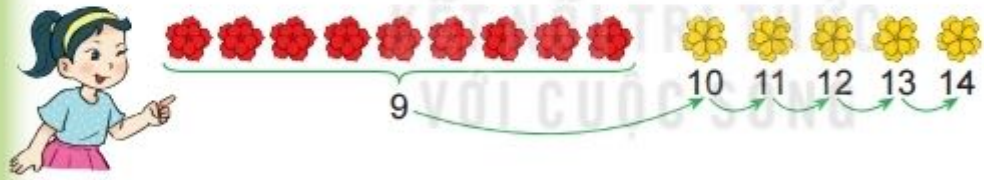

9 + 5 = 14

- Tách số

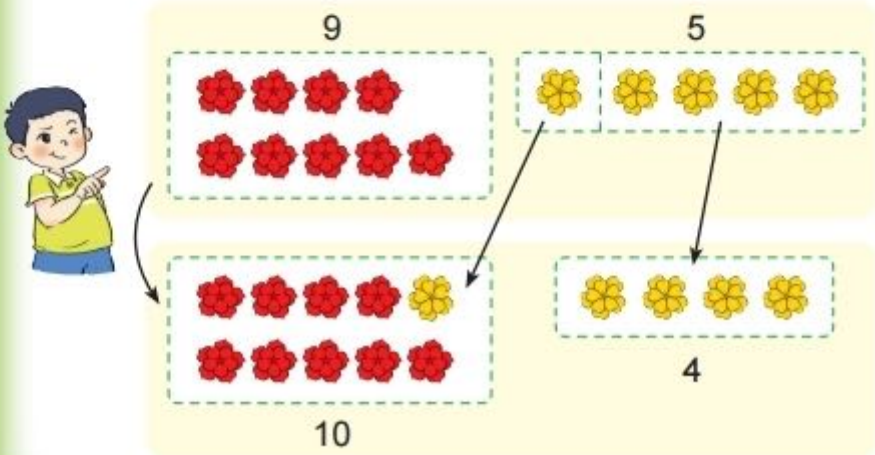

- Tách: 5 = 1 + 4
- 9 + 1 = 10
- 10 + 4 = 14

9 + 5 = 14

hoạt động

1 a) Tính 9 + 6.

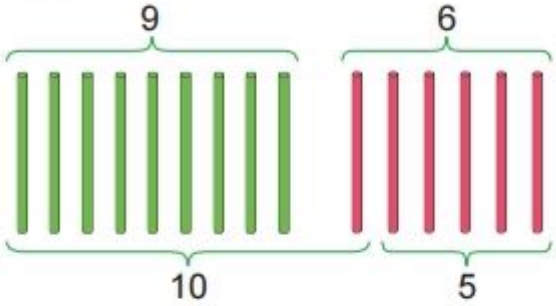

- Tách: 6 = 1 + 5
- 9 + ? = ?
- 10 + ? = ?

9 + 6 = ?

b) Tính 8 + 6.

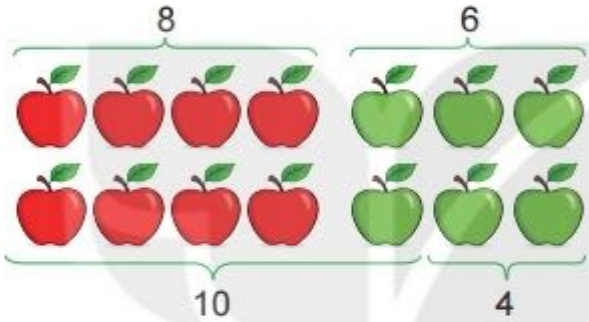

- Tách: 6 = 2 + ?
- 8 + ? = ?
- 10 + ? = ?

8 + 6 = ?

2 a) Tính 9 + 2.

Đếm tiếp: **9**, 10, ?

9 + 2 = ?

b)

Tính 9 + 3.	Tính 9 + 7.
• Tách: 3 = 1 + 2 • 9 + ? = ? • 10 + ? = ? 9 + 3 = ?	• Tách: 7 = ? + ? • 9 + ? = ? • 10 + ? = ? 9 + 7 = ?

c) 8 + 3 = ? 8 + 5 = ? 9 + 4 = ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Tính 3 + 8.

- Cách 1: 3 + 8 = 10 + 1 = ? 3 + 8 = ?

  7 1

- Cách 2: 3 + 8 = 1 + 10 = ? 3 + 8 = ?

  1 2

2 Số ?

+	9	9	9	9	9	9	9	9
	2	3	4	5	6	7	8	9
	11	?	?	?	?	?	17	18

3 Tính.

9 + 5 + 3 6 + 3 + 4 10 – 2 + 5

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Tìm cá cho mèo.

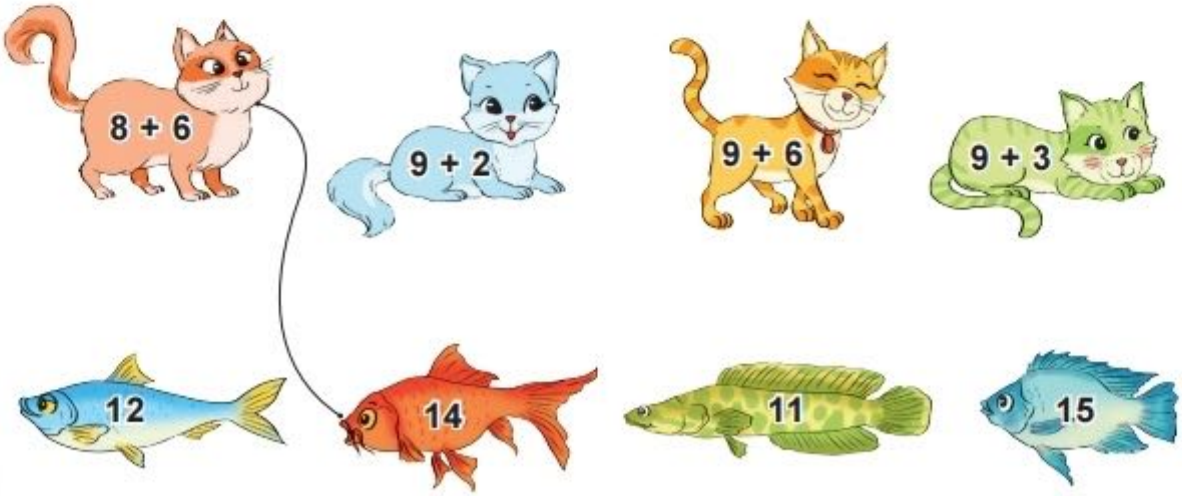

5 Số ?

? + ? = ?

Luyện tập

1 a) Tính 7 + 5.

7 + 5 = 10 + ? = ?

3 ?

7 + 5 = ?

b) Tính 7 + 6.

7 + 6 = 10 + ? = ?

3 ?

7 + 6 = ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 a) Số ?

Số hạng	7	7	7	7	7	7
Số hạng	4	5	6	7	8	9
Tổng	11	?	?	?	15	?

b) Mai tách 14 que tính thành hai nhóm. Em hãy tìm số que tính ở nhóm 2 trong bảng sau:

Nhóm 1	Nhóm 2
10	4
9	?
8	?
7	?

3 a) Tính 8 + 7.

8 + 7 = ?

2 ?

b) Tính 8 + 5.

8 + 5 = ?

2 ?

c) Tính 8 + 8.

8 + 8 = ?

? ?

d) Tính 6 + 5.

6 + 5 = ?

? ?

4 Số ?

+	8	8	8	8	8	8	8
	3	4	5	6	7	8	9
	11	?	?	?	?	16	?

5 Để giúp đỡ các bạn học sinh ở vùng khó khăn, lớp em đã quyên góp được 8 thùng quần áo và 5 thùng sách vở. Hỏi cả quần áo và sách vở, lớp em đã quyên góp được bao nhiêu thùng?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Số ?

a)

Số hạng	6	6	6	6	6	6
Số hạng	4	5	6	7	8	9
Tổng	10	?	12	?	?	?

b)

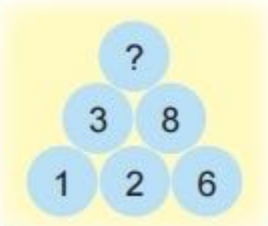

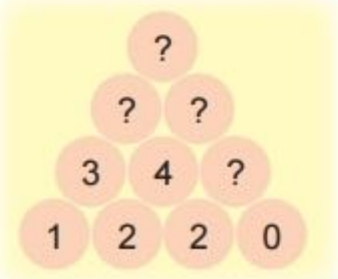

2 Số ?

a)

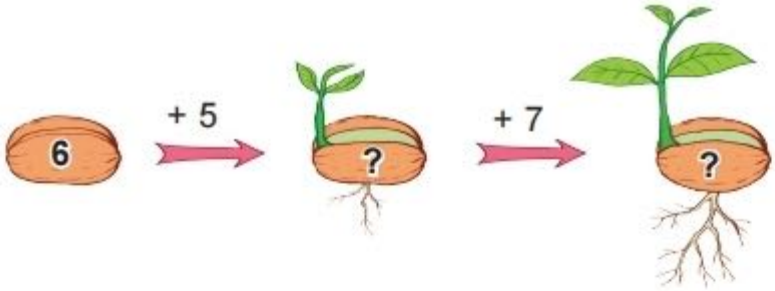

b)

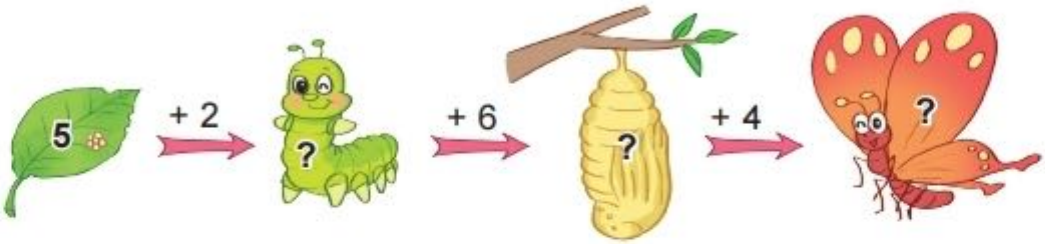

3 Tìm hai phép tính có cùng kết quả.

4 Đoàn tàu chở hàng có 4 toa đã ra khỏi đường hầm, còn 7 toa ở trong đường hầm. Hỏi đoàn tàu đó có tất cả bao nhiêu toa?

Luyện tập

1 Số ?

Số hạng	6	7	8	9	8	7
Số hạng	5	6	6	7	5	7
Tổng	11	?	?	?	?	?

2 Bạn Sao hái những cây nấm ghi phép tính có kết quả bằng 12. Hỏi bạn Sao hái được bao nhiêu cây nấm?

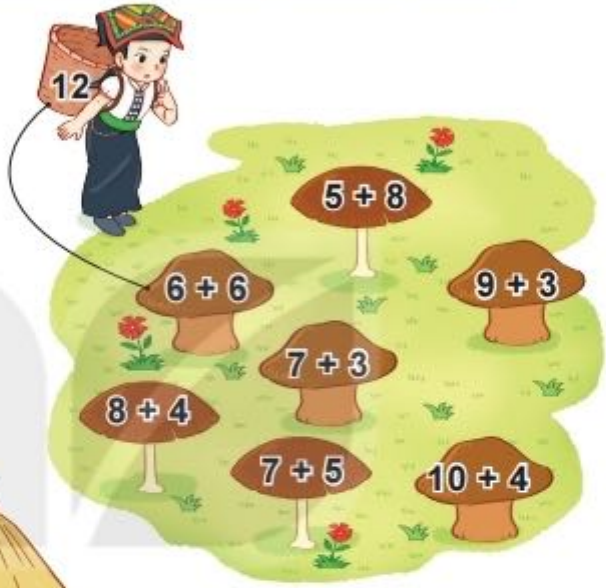

3

a) Tính kết quả của các phép tính ghi ở bậc thang.

b) Những phép tính nào có kết quả bằng nhau?

4 Hai con xúc xắc nào dưới đây có tổng số chấm ở các mặt trên bằng 11?

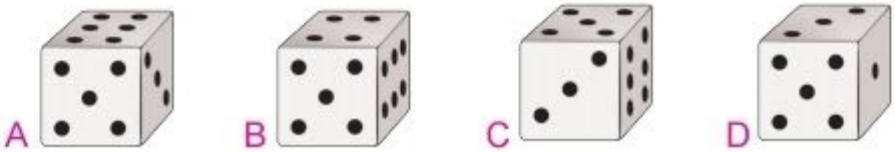

Bài 8

BẢNG CỘNG (qua 10)

Khám phá

9 + 2 = 11							
9 + 3 = ?	8 + 3 = 11						
9 + 4 = 13	8 + 4 = 12	7 + 4 = 11					
9 + 5 = 14	8 + 5 = 13	7 + 5 = ?	6 + 5 = 11				
9 + 6 = 15	8 + 6 = 14	7 + 6 = 13	6 + 6 = 12	5 + 6 = 11			
9 + 7 = 16	8 + 7 = 15	7 + 7 = 14	6 + 7 = 13	5 + 7 = ?	4 + 7 = 11		
9 + 8 = 17	8 + 8 = 16	7 + 8 = 15	6 + 8 = 14	5 + 8 = 13	4 + 8 = 12	3 + 8 = 11	
9 + 9 = 18	8 + 9 = 17	7 + 9 = 16	6 + 9 = 15	5 + 9 = 14	4 + 9 = 13	3 + 9 = ?	2 + 9 = 11

Hoạt động

1 Tính nhẩm.

9 + 5 8 + 3 7 + 7 6 + 6 7 + 6 9 + 4

2 Tìm cá cho mèo.

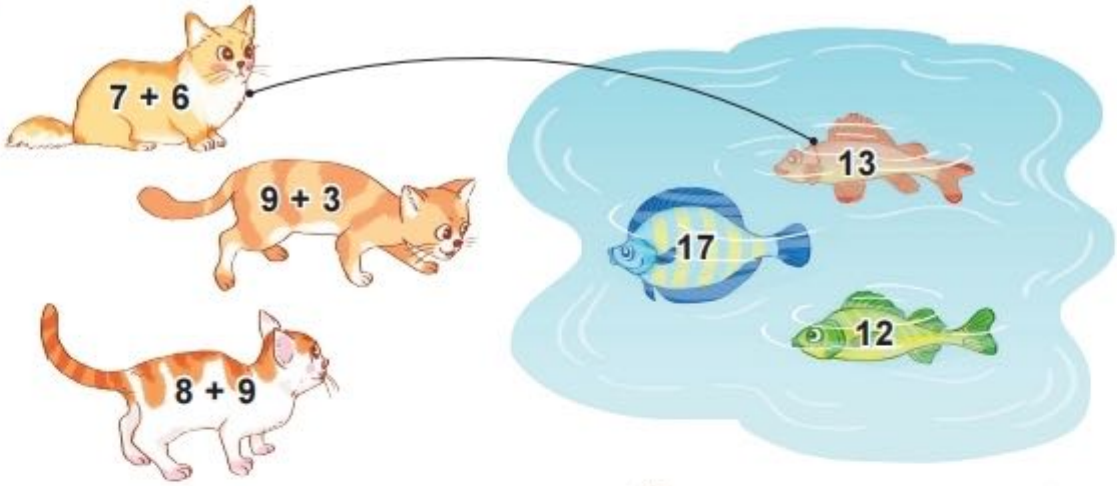

3 a) Những đèn lồng nào ghi phép tính có kết quả bằng nhau?

b) Trong bốn đèn lồng màu đỏ, đèn lồng nào ghi phép tính có kết quả lớn nhất, đèn lồng nào ghi phép tính có kết quả bé nhất?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Số ?

Số hạng	7	9	4	8	6	9
Số hạng	5	3	8	4	7	8
Tổng	12	?	?	?	13	?

2 Số ?

a) 8 $\xrightarrow{+6}$? $\xrightarrow{-4}$?

b) 5 $\xrightarrow{+9}$? $\xrightarrow{+4}$? $\xrightarrow{-8}$?

3 Tìm tổ ong cho gấu.

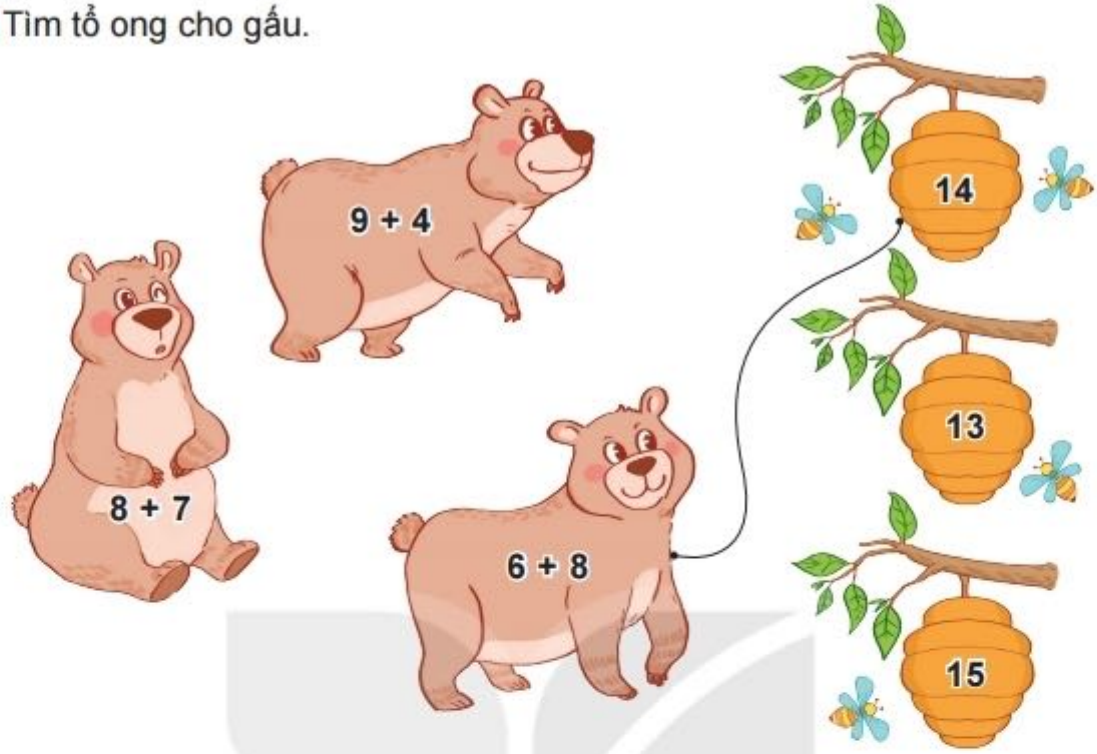

4 >; <; = ?

a) 6 + 6 ? 11 b) 9 + 3 ? 3 + 9

7 + 5 ? 12 9 + 2 ? 7 + 7

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

5 Trong ca-bin thứ nhất có 7 người, trong ca-bin thứ hai có 8 người. Hỏi trong hai ca-bin có tất cả bao nhiêu người?

Bài 9

BÀI TOÁN VỀ THÊM, BỚT MỘT SỐ ĐƠN VỊ

khám phá

Giải bài toán về thêm một số đơn vị

Bài toán: Trên khay có 8 quả trứng, Mai cho thêm 2 quả trứng. Hỏi có tất cả bao nhiêu quả trứng?

Giải bài toán như thế nào nhỉ?

Tìm hiểu xem bài toán cho biết gì, hỏi gì. Tóm tắt bài toán và trình bày bài giải.

Tóm tắt

Có : 8 quả trứng
Thêm : 2 quả trứng
Có tất cả : ... quả trứng?

Bài giải

Số quả trứng có tất cả là:
8 + 2 = 10 (quả)
Đáp số: 10 quả trứng.

hoạt động

1 Lọ hoa có 9 bông hoa, Việt cắm thêm 6 bông hoa. Hỏi lọ hoa có tất cả bao nhiêu bông hoa?

Tóm tắt

Có : ? bông hoa
Thêm : ? bông hoa
Có tất cả : ... bông hoa?

Bài giải

Số bông hoa có tất cả là:
? + ? = ? (bông)
Đáp số: ? bông hoa.

2 Có 8 bạn đang chơi kéo co, có thêm 4 bạn chạy đến cùng chơi. Hỏi lúc đó có tất cả bao nhiêu bạn chơi kéo co?

Tóm tắt

Có : ? bạn
Thêm : ? bạn
Có tất cả : ... bạn?

Bài giải

Số bạn chơi kéo co có tất cả là:
? ? ? = ? (bạn)
Đáp số: ? bạn.

khám phá

Giải bài toán về bớt một số đơn vị

Bài toán: Có 10 con chim đậu trên cành, sau đó 3 con bay đi. Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con chim?

Tóm tắt

Có : 10 con chim
Bay đi : 3 con chim
Còn lại : ... con chim?

Bài giải

Số con chim còn lại là:

10 – 3 = 7 (con)

Đáp số: 7 con chim.

hoạt động

Đàn lợn nhà An có 15 con, mẹ đã bán 5 con. Hỏi đàn lợn nhà An còn lại bao nhiêu con?

Tóm tắt

Có : ? con lợn
Bán : ? con lợn
Còn lại : ... con lợn?

Bài giải

Số con lợn còn lại là:

? – ? = ? (con)

Đáp số: ? con lợn.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Có : 9 thuyền
Thêm : 4 thuyền
Có tất cả : ... thuyền?

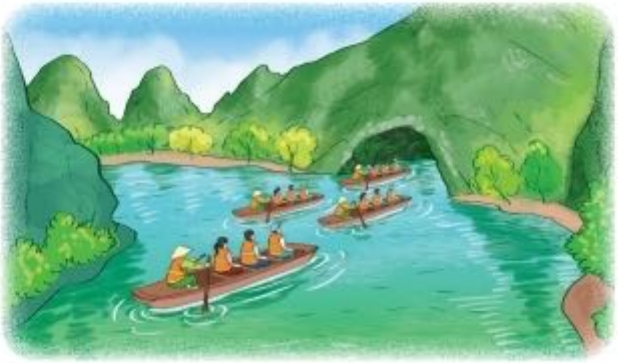

2 Trên xe có 14 bạn, đến điểm dừng có 3 bạn xuống xe. Hỏi lúc đó trên xe còn lại bao nhiêu bạn?

Bài 10

LUYỆN TẬP CHUNG

Luyện tập

1 Số ?

a)

Số hạng	2	3	4	5	6	7	8
Số hạng	9	8	9	7	6	8	5
Tổng	11	?	?	?	?	?	?

b)

2 Hai quạt nào có chung ổ cắm điện?

3 a) Toa tàu nào dưới đây ghi phép tính có kết quả lớn nhất?

b) Những toa tàu nào dưới đây ghi phép tính có kết quả bé hơn 15?

4 Một bạn đã xếp các khối lập phương nhỏ thành ba hình A, B, C (như hình vẽ).

a) Hình nào có số khối lập phương nhỏ nhiều nhất?

b) Hình A và B có tất cả bao nhiêu khối lập phương nhỏ?

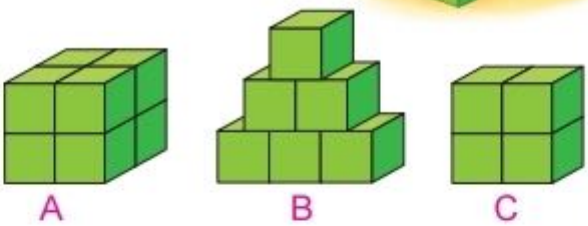

Luyện tập

1 Số ?

+	4	7	6	8	5	7
	8	6	9	4	6	5
	12	?	?	?	?	?

2 Có 6 bạn đang chơi bóng rổ, sau đó thêm 3 bạn chạy đến cùng chơi. Hỏi lúc đó có tất cả bao nhiêu bạn chơi bóng rổ?

3 Dưới hồ nước có 15 con cá sấu, sau đó có 3 con lên bờ. Hỏi còn lại bao nhiêu con cá sấu ở dưới hồ nước?

trò chơi

BẮT VỊT

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô **xuất phát**. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm đó. Nêu kết quả phép tính tại ô đi đến rồi bắt một con vịt ghi số bằng kết quả đó.
- Trò chơi kết thúc khi bắt được 5 con vịt.

Bài 11

PHÉP TRỪ (qua 10) TRONG PHẠM VI 20

khám phá

Việt có 11 viên bi, Việt cho Mai 5 viên bi. Hỏi Việt còn lại mấy viên bi?

11 – 5 = ?

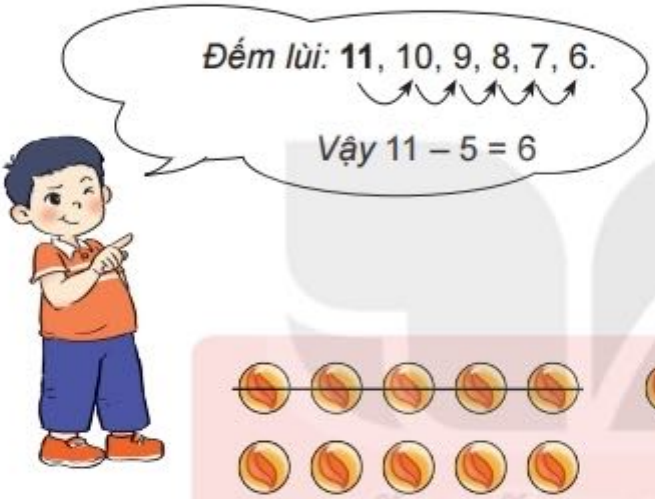

Tách số:

- Tách: 11 = 10 + 1
- 10 – 5 = 5
- 5 + 1 = 6

11 – 5 = 6

Việt còn lại 6 viên bi.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 a) Tính 11 – 6.

- Tách: 11 = 10 + 1
- 10 – 6 = 4
- 4 + 1 = ?

11 – 6 = ?

b) Tính 13 – 5.

- Tách: 13 = 10 + 3
- 10 – ? = ?
- ? + 3 = ?

13 – 5 = ?

2 Tính nhẩm.

11 – 2	11 – 3	11 – 4	11 – 5
11 – 6	11 – 7	11 – 8	11 – 9

3 Tìm chuồng cho mỗi chú thỏ.

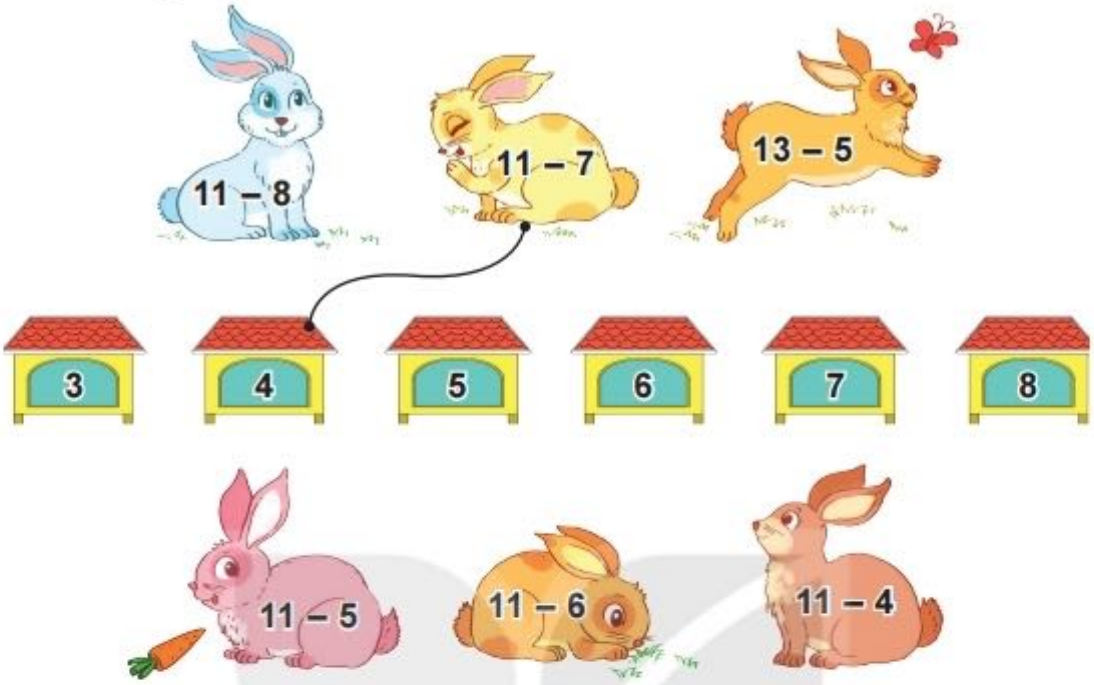

Luyện tập

1

a) Tính 12 – 4.

- Tách: 12 = 10 + 2
- 10 – 4 = ?
- ? + 2 = ?

12 – 4 = ?

b) Tính 13 – 6.

- Tách: 13 = 10 + ?
- 10 – ? = ?
- ? + ? = ?

13 – 6 = ?

2 Tính nhẩm.

12 – 3	12 – 4	12 – 5	12 – 6
12 – 7	12 – 8	12 – 9	12 – 2

3 Số ?

–	13	13	13	13	13	13
	4	5	6	7	8	9
	9	?	?	?	?	?

4 Tìm bông hoa cho ong đậu. Bông hoa nào có nhiều ong đậu nhất?

5 Mai có 13 tờ giấy màu, Mai đã dùng 5 tờ giấy màu để cắt dán bức tranh. Hỏi Mai còn lại bao nhiêu tờ giấy màu?

Luyện tập

1

a) Tính 14 – 5.

- Tách: 14 = 10 + 4
- 10 – 5 = ?
- ? + 4 = ?

14 – 5 = ?

b) Tính 15 – 7.

- Tách: 15 = 10 + ?
- 10 – ? = ?
- ? + ? = ?

15 – 7 = ?

2 Tính nhẩm.

15 – 5	15 – 6	15 – 7
15 – 8	15 – 9	15 – 10

3 Số ?

–	14	14	14	14	14
	5	6	7	8	9
	9	?	?	?	?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Những máy bay nào ghi phép trừ có hiệu bằng 7? Những máy bay nào ghi phép trừ có hiệu bằng 9?

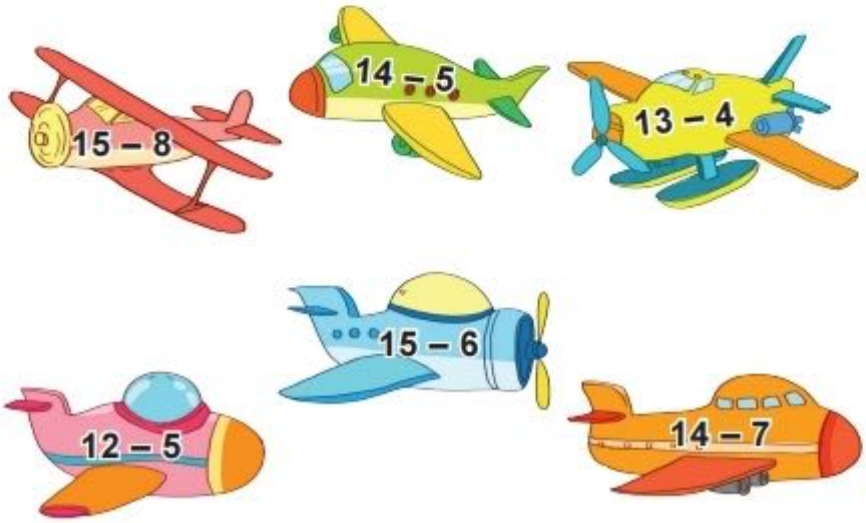

5 Bà có 14 quả ổi, bà cho cháu 6 quả. Hỏi bà còn lại bao nhiêu quả ổi?

Luyện tập

1 Tính nhẩm.

16 – 7	16 – 8	16 – 9
17 – 8	17 – 9	18 – 9

2 Số ?

Số bị trừ	16	17	16	18	17	16
Số trừ	9	9	8	9	8	7
Hiệu	?	?	?	?	?	?

3 Cánh diều nào ghi phép trừ có hiệu lớn nhất? Cánh diều nào ghi phép trừ có hiệu bé nhất?

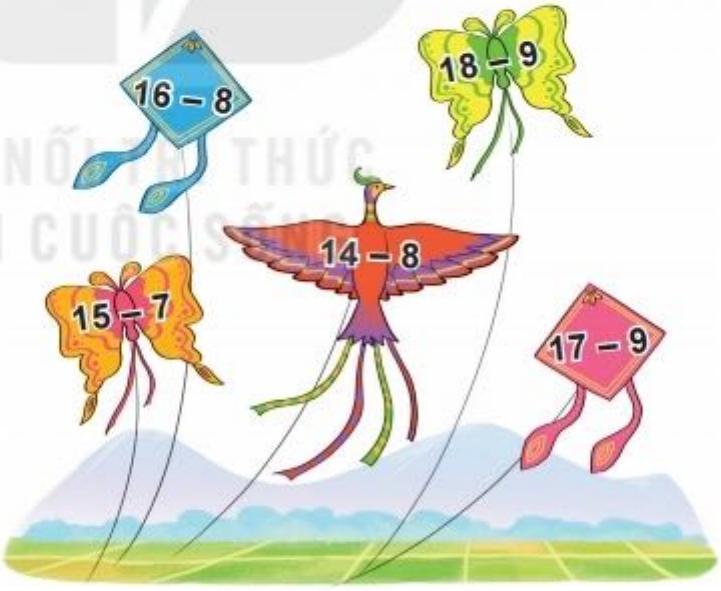

4 Mai hái được 16 bông hoa, Mi hái được 9 bông hoa. Hỏi Mai hái được hơn Mi bao nhiêu bông hoa?

5 >; <; = ?

a) 16 – 8 ? 8

15 – 9 ? 7

b) 17 – 9 ? 13 – 7

18 – 9 ? 15 – 6

Luyện tập

1 Số ?

11 – 6 = ? 13 – 8 = ? 15 – 7 = ? 18 – 9 = ?

17 – 8 = ? 14 – 5 = ? 11 – 8 = ? 12 – 4 = ?

2 Tính.

a) 7 + 5
5 + 7
12 – 7
12 – 5

b) 8 + 6
6 + 8
14 – 8
14 – 6

c) 9 + 8
8 + 9
17 – 9
17 – 8

3 Tính nhẩm.

a) 13 – 3 – 4
13 – 7

b) 15 – 5 – 3
15 – 8

c) 14 – 4 – 1
14 – 5

4 Số ?

18 $\xrightarrow{-9}$? $\xrightarrow{+6}$? $\xrightarrow{-7}$?

5 Có 15 vận động viên đua xe đạp, 6 vận động viên đã qua cầu. Hỏi còn bao nhiêu vận động viên chưa qua cầu?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 12

BẢNG TRỪ (qua 10)

Khám phá

Mình và Rô-bốt cùng hoàn thành các phép trừ sau nhé!

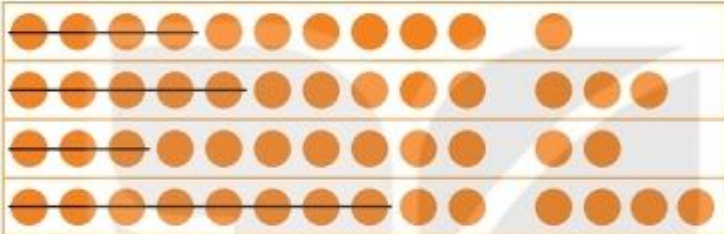	11 – 4 = 7
	13 – 5 = ?
	12 – 3 = ?
	14 – 8 = ?

À, đó là các phép trừ qua 10. Chúng ta hoàn thành luôn bảng trừ (qua 10) nào!

11 – 2 = 9							
11 – 3 = 8	12 – 3 = 9						
11 – 4 = 7	12 – 4 = 8	13 – 4 = 9					
11 – 5 = 6	12 – 5 = ?	13 – 5 = 8	14 – 5 = 9				
11 – 6 = 5	12 – 6 = 6	13 – 6 = 7	14 – 6 = ?	15 – 6 = 9			
11 – 7 = 4	12 – 7 = 5	13 – 7 = 6	14 – 7 = 7	15 – 7 = 8	16 – 7 = 9		
11 – 8 = 3	12 – 8 = 4	13 – 8 = 5	14 – 8 = 6	15 – 8 = 7	16 – 8 = ?	17 – 8 = 9	
11 – 9 = 2	12 – 9 = 3	13 – 9 = 4	14 – 9 = 5	15 – 9 = 6	16 – 9 = 7	17 – 9 = 8	18 – 9 = ?

hoạt động

1 Tính nhẩm.

11 – 6	13 – 8	16 – 7
14 – 7	15 – 6	17 – 9

2 Bạn nào cầm đèn ông sao ghi phép tính có kết quả bé nhất?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?

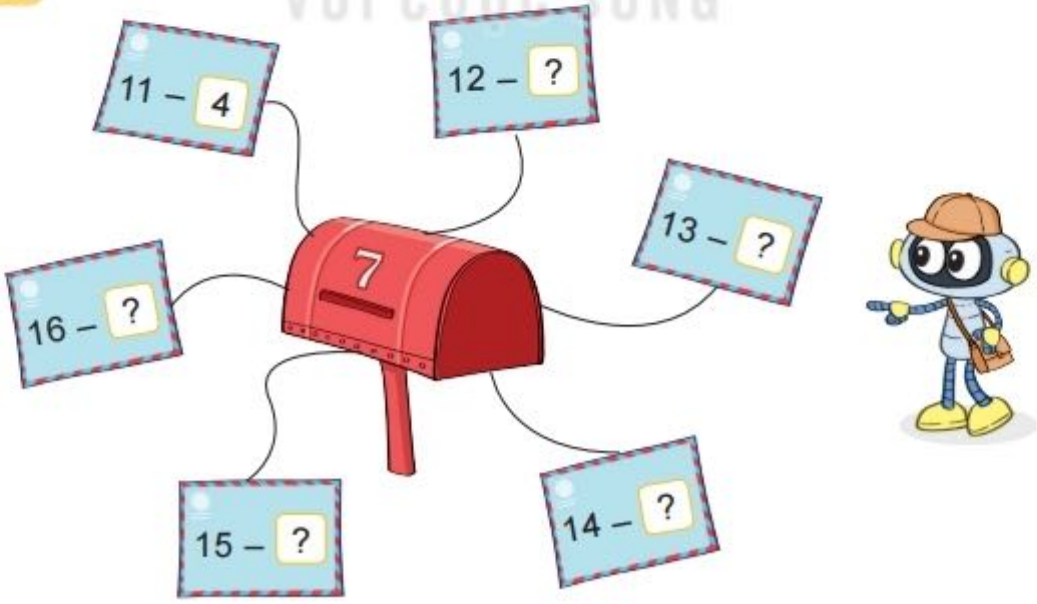

Luyện tập

1 Tính nhẩm.

13 – 6	11 – 2	16 – 8
15 – 7	14 – 5	18 – 9
12 – 4	17 – 8	12 – 3

2 Tính nhẩm.

a) 14 – 4 – 3
14 – 7

b) 12 – 2 – 6
12 – 8

c) 16 – 6 – 3
16 – 9

3 Có 12 bạn và 9 quả bóng, mỗi bạn lấy một quả. Hỏi có bao nhiêu bạn không lấy được bóng?

4 >; <; = ?

a) 14 – 6 ? 7
17 – 9 ? 8

b) 15 – 8 ? 11 – 2
16 – 7 ? 13 – 4

Bài 13

BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN, ÍT HƠN MỘT SỐ ĐƠN VỊ

khám phá

Giải bài toán về nhiều hơn một số đơn vị

Có 6 bông hoa màu đỏ, số bông hoa màu vàng nhiều hơn số bông hoa màu đỏ là 3 bông. Hỏi có bao nhiêu bông hoa màu vàng?

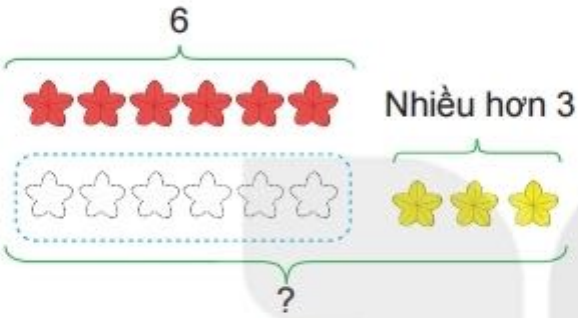

Bài giải

Số bông hoa màu vàng là:

6 + 3 = 9 (bông)

Đáp số: 9 bông hoa.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Trong một lớp học bơi có 9 bạn nam, số bạn nữ nhiều hơn số bạn nam là 2 bạn. Hỏi lớp học bơi có bao nhiêu bạn nữ?

Tóm tắt

Nam: 9 bạn

Nữ nhiều hơn nam: 2 bạn

Nữ: ... bạn?

Bài giải

Số bạn nữ của lớp học bơi là:

? + ? = ? (bạn)

Đáp số: ? bạn nữ.

2 Trên sân có 14 con gà, số vịt nhiều hơn số gà là 5 con. Hỏi trên sân có bao nhiêu con vịt?

Tóm tắt

Gà: 14 con

Vịt nhiều hơn gà: 5 con

Vịt: ... con?

Bài giải

Số con vịt trên sân là:

? ? ? = ? (con)

Đáp số: ? con vịt.

khám phá

Giải bài toán về ít hơn một số đơn vị

Mai gấp được 8 cái thuyền, Nam gấp được ít hơn Mai 2 cái. Hỏi Nam gấp được mấy cái thuyền?

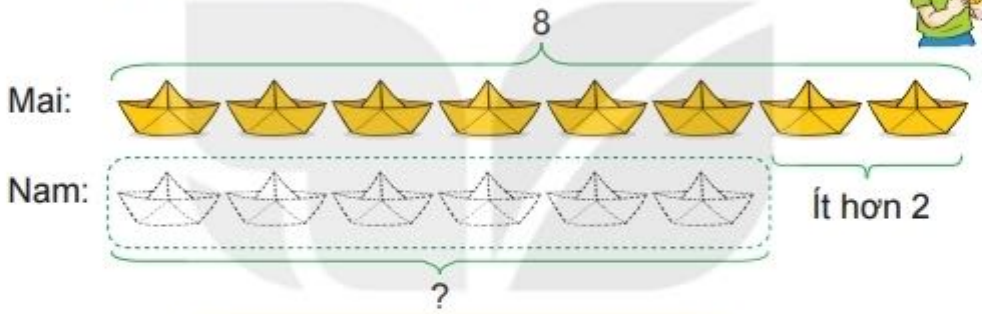

Bài giải

Số thuyền Nam gấp được là:

8 – 2 = 6 (cái)

Đáp số: 6 cái thuyền.

hoạt động

Trong hội thi hát quan họ, thôn Thượng tham gia 9 tiết mục, thôn Hạ tham gia ít hơn thôn Thượng 3 tiết mục. Hỏi thôn Hạ tham gia bao nhiêu tiết mục?

Tóm tắt

Thôn Thượng: 9 tiết mục

Thôn Hạ ít hơn thôn Thượng: 3 tiết mục

Thôn Hạ: ... tiết mục?

Bài giải

Số tiết mục thôn Hạ tham gia là:

? – ? = ? (tiết mục)

Đáp số: ? tiết mục.

Luyện tập

1 Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Tàu thứ nhất: 20 thùng hàng

Tàu thứ hai nhiều hơn tàu thứ nhất: 8 thùng hàng

Tàu thứ hai: ... thùng hàng?

2 Trong ngày hội cồng chiêng, đội Một có 11 người tham gia, đội Hai có số người tham gia ít hơn đội Một là 4 người. Hỏi đội Hai có bao nhiêu người tham gia ngày hội?

Bài 14

LUYỆN TẬP CHUNG

luyện tập

1 Tính nhẩm.

a) 8 + 6 9 + 4 7 + 8
5 + 7 4 + 8 8 + 7

b) 11 – 8 13 – 7 17 – 9
14 – 6 12 – 5 16 – 8

2 Tìm chuồng cho mỗi con chim.

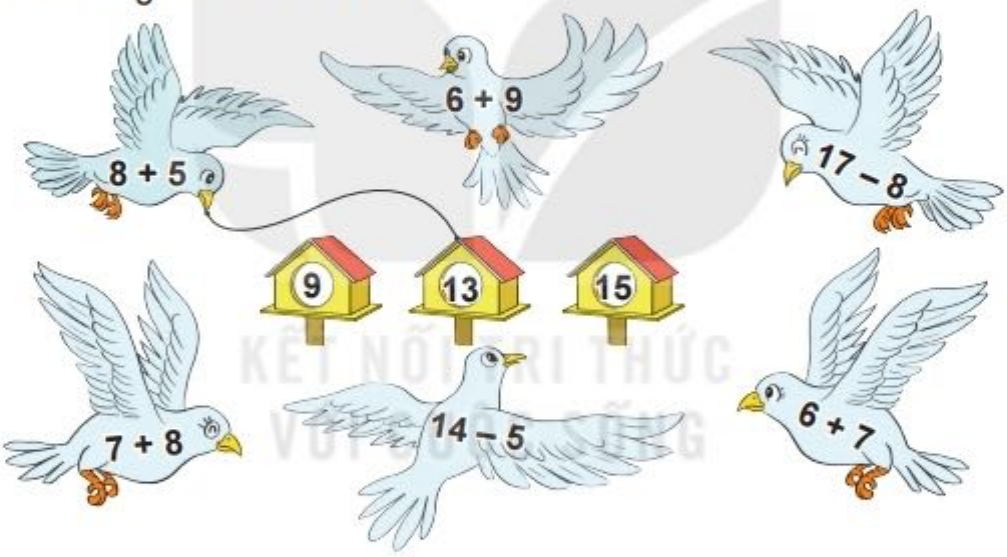

3 Trên giá có 9 quyển sách và 8 quyển vở. Hỏi trên giá có tất cả bao nhiêu quyển sách và vở?

4 Số ?

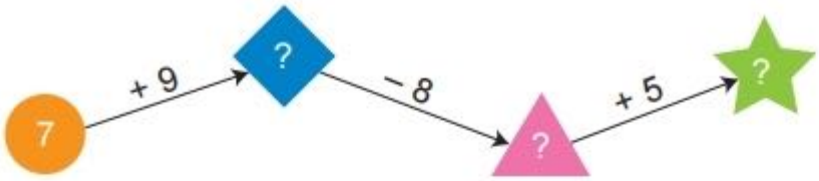

Luyện tập

1 Tính nhẩm.

7 + 6	8 + 4	6 + 8	9 + 7
13 – 7	12 – 8	14 – 6	16 – 9
13 – 6	12 – 4	14 – 8	16 – 7

2 Tính.

a) 9 + 7 – 8

b) 6 + 5 + 4

3 Trong đợt đi trại hè, Nam vẽ được 11 bức tranh, Mai vẽ được ít hơn Nam 3 bức tranh. Hỏi Mai vẽ được bao nhiêu bức tranh?

4 Đ, S ?

a) 9 + 6 = 14 ?

b) 8 + 4 = 4 + 8 ?

c) 15 – 8 > 6 ?

d) 13 – 4 < 17 – 9 ?

luyện tập

1 Tính rồi tìm thức ăn cho mỗi con vật.

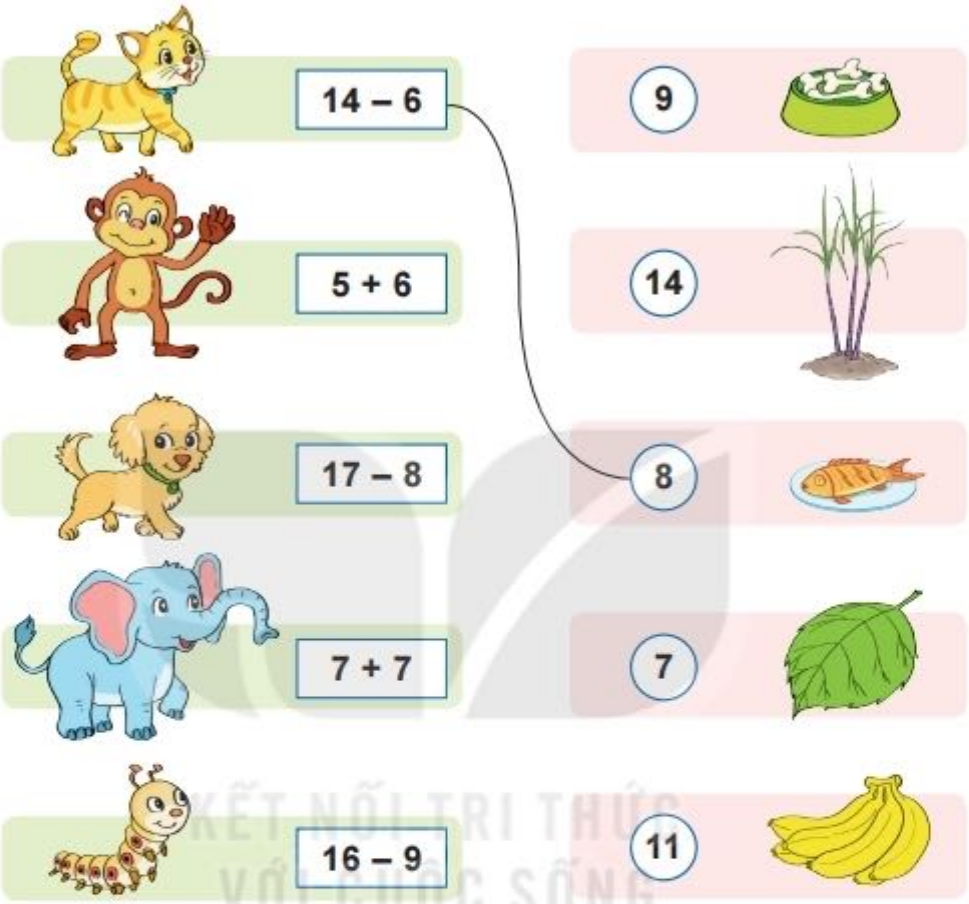

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Chọn câu trả lời đúng.

a) Phép tính nào dưới đây có kết quả bé nhất?

A. 15 – 9 B. 13 – 8 C. 12 – 5

b) Phép tính nào dưới đây có kết quả lớn nhất?

A. 7 + 8 B. 9 + 5 C. 8 + 9

3 Tính.

a) 15 – 3 – 6 b) 16 – 8 + 5

trò chơi

CẦU THANG – CẦU TRƯỢT

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Người chơi bắt đầu từ ô **xuất phát**. Khi đến lượt, người chơi gieo xúc xắc. Đếm số chấm ở mặt trên xúc xắc rồi di chuyển số ô bằng số chấm đó. Nêu kết quả phép tính tại ô đi đến, nếu nêu sai kết quả thì phải quay về ô xuất phát trước đó. Khi đến chân cầu thang, em leo lên; khi đến đỉnh cầu trượt, em trượt xuống.
- Trò chơi kết thúc khi có người về **đích**.

5 + 6	3 + 9	8 + 4	7 + 8	ĐÍCH
8 + 9	6 + 7	9 + 5	17 – 8	16 – 7
15 – 8	14 – 5	13 – 9	12 – 7	11 – 5
4 + 9	5 + 7	6 + 9	7 + 7	8 + 5
9 + 3	18 – 9	17 – 9	16 – 8	15 – 6
14 – 8	13 – 6	12 – 4	11 – 2	XUẤT PHÁT

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Chủ đề 3

LÀM QUEN VỚI KHỐI LƯỢNG, DUNG TÍCH

Bài 15

KI-LÔ-GAM

Khám phá

Nặng hơn, nhẹ hơn

a)

- Túi quả **nặng hơn** túi rau.
- Túi rau **nhẹ hơn** túi quả.

b)

- Quả dưa hấu **nặng bằng** 2 quả bưởi.

hoạt động

1 Quan sát tranh rồi chọn câu đúng.

A. Con gấu nặng hơn 3 con chó.

B. Con gấu nhẹ hơn 3 con chó.

C. Con gấu nặng bằng 3 con chó.

2 Quan sát tranh rồi trả lời câu hỏi.

a) Mèo và chó, con nào nặng hơn?

b) Mèo và thỏ, con nào nặng hơn?

c) Mèo, chó và thỏ, con nào nặng nhất, con nào nhẹ nhất?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Quan sát tranh rồi trả lời câu hỏi.

a) Quả cam nặng bằng mấy quả chanh?

b) Quả táo nặng bằng mấy quả chanh?

c) Quả bưởi nặng bằng mấy quả chanh?

khám phá

Ki-lô-gam

a)

Con sóc cân nặng bằng 1 quả bưởi.

b)

Đây là quả cân 1 ki-lô-gam:

Ki-lô-gam viết tắt là kg.

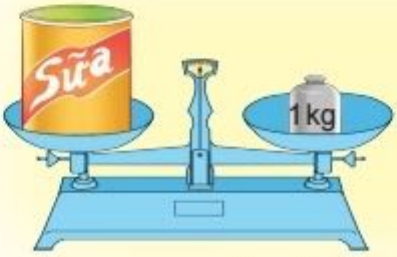

Hộp sữa cân nặng 1 kg.

Túi gạo cân nặng 2 kg.

hoạt động

1 Đ, S ?

a) Quả bóng nhẹ hơn 1 kg. ?

b) Nải chuối nặng hơn 1 kg. ?

c) Quả bưởi cân nặng 1 kg. ?

d) Quả bóng nặng bằng quả bưởi. ?

e) Nải chuối nặng hơn quả bưởi. ?

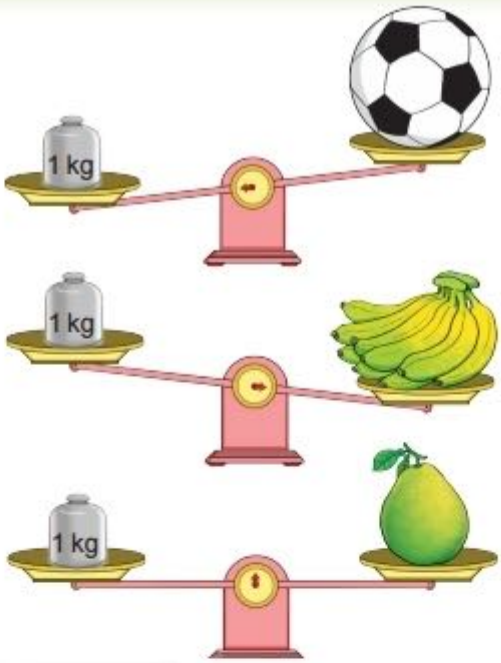

2 Đọc cân nặng của mỗi quả hoặc đồ vật dưới đây.

3 Quan sát tranh rồi trả lời.

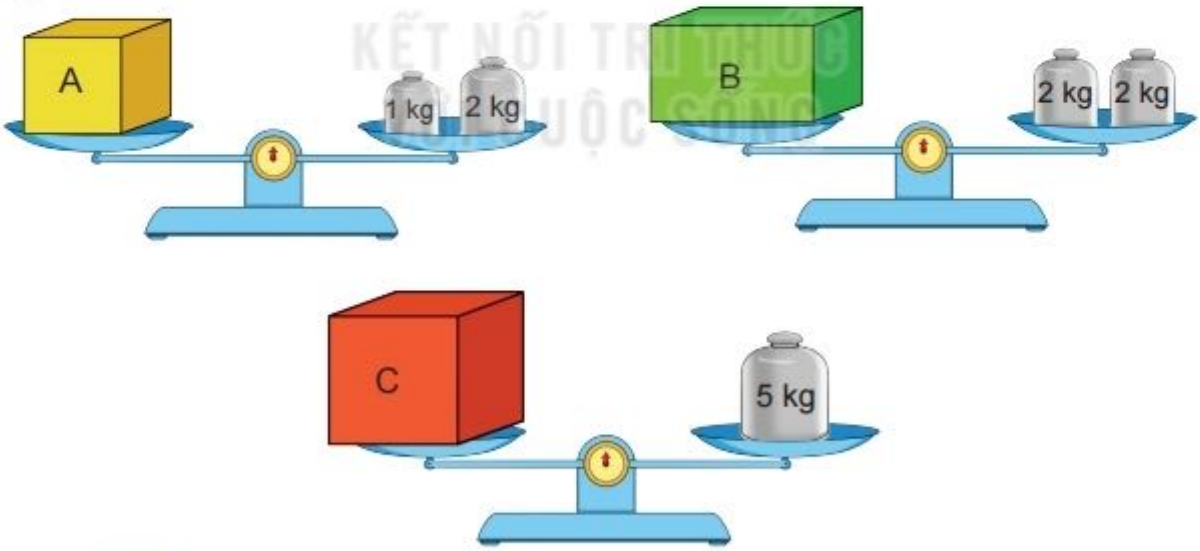

a) Số ?

Hộp A cân nặng ? kg. Hộp B cân nặng ? kg. Hộp C cân nặng ? kg.

b) Hộp nào nặng nhất? Hộp nào nhẹ nhất?

Luyện tập

1 Tính (theo mẫu).

Mẫu: 5 kg + 4 kg = 9 kg; 10 kg – 3 kg = 7 kg

a) 12 kg + 23 kg 45 kg + 20 kg 9 kg + 7 kg

b) 42 kg – 30 kg 13 kg – 9 kg 60 kg – 40 kg

2 Số ?

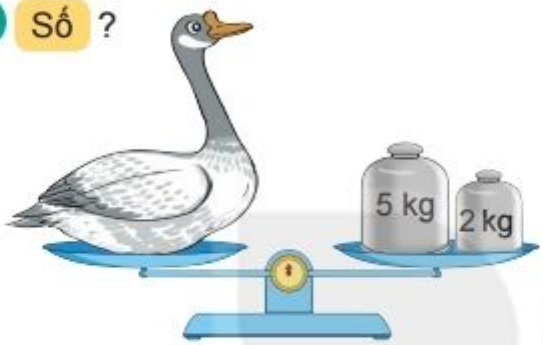

a) Con ngỗng cân nặng ? kg.

b) Con gà cân nặng ? kg.

3 Tìm tổng số ki-lô-gam thóc của hai bao thóc.

4 Ba chú rô-bốt rủ nhau đi cân. Rô-bốt A cân nặng 32 kg, rô-bốt B nặng hơn rô-bốt A là 2 kg, rô-bốt C nhẹ hơn rô-bốt A là 2 kg. Hỏi:

a) Rô-bốt B cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

b) Rô-bốt C cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

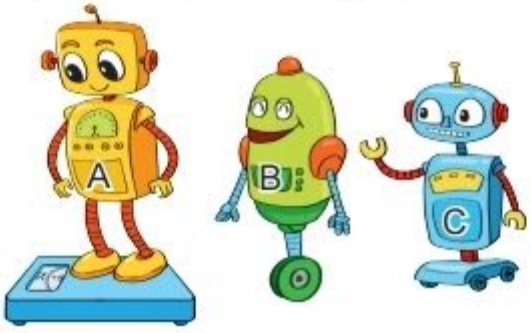

Bài 16

LÍT

Khám phá

a)

- Bình đựng nhiều nước hơn cốc.
- Cốc đựng ít nước hơn bình.

- Rót hết nước từ bình sang 4 cốc.
- Lượng nước trong bình bằng lượng nước ở cả 4 cốc.

b)

Đây là ca một lít, chai một lít:

Lít viết tắt là *l*.

Rót nước đầy hai ca 1 *l*, ta được 2 *l* nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Quan sát tranh rồi chọn câu đúng.

Đổ hết nước từ ca 1 *l* được đầy một chai và một cốc (như hình vẽ).

A. Chai đựng 1 *l* nước.

B. Chai đựng ít hơn 1 *l* nước.

C. Chai đựng nhiều hơn 1 *l* nước.

2 Số ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?

Rót hết nước từ bình A và bình B được các cốc nước (như hình vẽ).

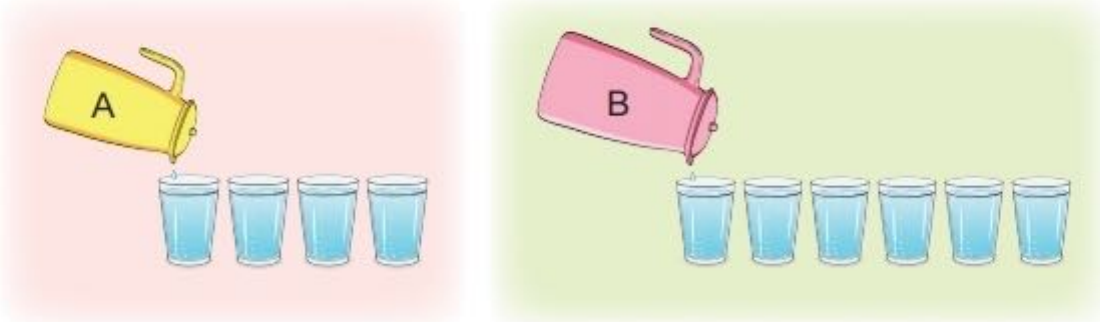

a) Lượng nước ở bình A là ? cốc. Lượng nước ở bình B là ? cốc.

b) Lượng nước ở bình B nhiều hơn lượng nước ở bình A là ? cốc.

Luyện tập

1 Tính (theo mẫu).

Mẫu: 8 *l* + 6 *l* = 14 *l* ; 12 *l* – 7 *l* = 5 *l*

a) 5 *l* + 4 *l*

12 *l* + 20 *l*

7 *l* + 6 *l*

b) 9 *l* – 3 *l*

19 *l* – 10 *l*

11 *l* – 2 *l*

2 Số ?

a)

3 *l* ? *l* ? *l*

b)

? *l*

3 Số ?

Trong can còn lại bao nhiêu lít nước?

3 *l* ? *l* ? *l*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Mỗi đồ vật đựng số lít nước bằng tổng số lít nước ở các ca bên cạnh (như hình vẽ).

a) Số ?

Đồ vật	Bình	Ấm	Xô	Can
Số lít nước	2	?	?	?

b) Đồ vật nào đựng nhiều nước nhất? Đồ vật nào đựng ít nước nhất?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

5 Trong can có 15 *l* nước mắm. Mẹ đã rót 7 *l* nước mắm vào các chai. Hỏi trong can còn lại bao nhiêu lít nước mắm?

Bài 17

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM VỚI CÁC ĐƠN VỊ KI-LÔ-GAM, LÍT

khám phá

a) Giới thiệu một số loại cân và cách cân.

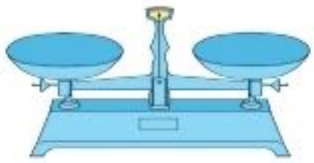

Cân đĩa

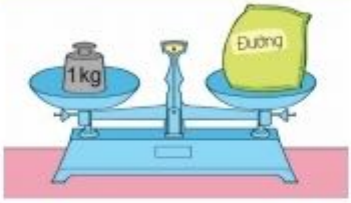

Gói đường cân nặng 1 kg.

Cân đồng hồ

Con vịt cân nặng 2 kg.

Cân bàn đồng hồ

Mi cân nặng 18 kg.

b) Em thực hành đo lượng nước bằng các ca 1 *l*, chai 1 *l* hoặc các cốc nhỏ.

hoạt động

1 Em đoán xem đồ vật nào nặng hơn, đồ vật nào nhẹ hơn.

a)

Quyển vở

Cái bút chì

b)

Quả bóng bay

Quả bóng đá

2 Quan sát tranh rồi trả lời.

a) Em đoán xem quả bưởi và quả cam, quả nào nặng hơn.

b) Quả bưởi cân nặng mấy ki-lô-gam?

c) Quả cam nặng hơn hay nhẹ hơn 1 kg?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Quan sát tranh rồi trả lời câu hỏi.

a) Mỗi túi cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

b) Túi gạo nặng hơn túi muối mấy ki-lô-gam?

hoạt động

1 Bốn bạn Mai, Nam, Việt và Rô-bốt cân kiểm tra sức khoẻ được kết quả như sau:

a) Số ?

Tên	Việt	Rô-bốt	Nam	Mai
Cân nặng	24 kg	? kg	? kg	? kg

b) Bạn nào cân nặng nhất? Bạn nào cân nhẹ nhất?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Bằng cái cân đĩa, cân đồng hồ, cân bàn đồng hồ, hãy tập cân một số đồ vật xung quanh em.

3 Rót hết nước từ bình của Việt và Mai được các cốc nước (như hình vẽ). Bình nước của bạn nào chứa được nhiều nước hơn và nhiều hơn mấy cốc?

4

Lượng nước ở bình A bằng 9 cốc.

Lượng nước ở bình B bằng 7 cốc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

a) Lượng nước ở cả hai bình bằng bao nhiêu cốc?

b) Lượng nước ở bình nào ít hơn và ít hơn bao nhiêu cốc?

5 Dùng ca 1 *l*, múc nước ở trong thùng đổ 3 ca đầy vào xô màu vàng và 5 ca đầy vào xô màu đỏ. Hỏi cả hai xô có bao nhiêu lít nước?

Bài 18

LUYỆN TẬP CHUNG

Luyện tập

1 Tính.

a) 40 kg + 20 kg 8 kg + 5 kg 25 kg + 31 kg

60 kg – 40 kg 13 kg – 8 kg 56 kg – 31 kg

b) 30 *l* + 10 *l* 7 *l* + 6 *l* 45 *l* + 23 *l*

40 *l* – 10 *l* 13 *l* – 7 *l* 68 *l* – 23 *l*

2 Số ?

Thỏ, gà, chó chơi cầu thăng bằng. Biết cả hai trường hợp dưới đây cầu đều thăng bằng.

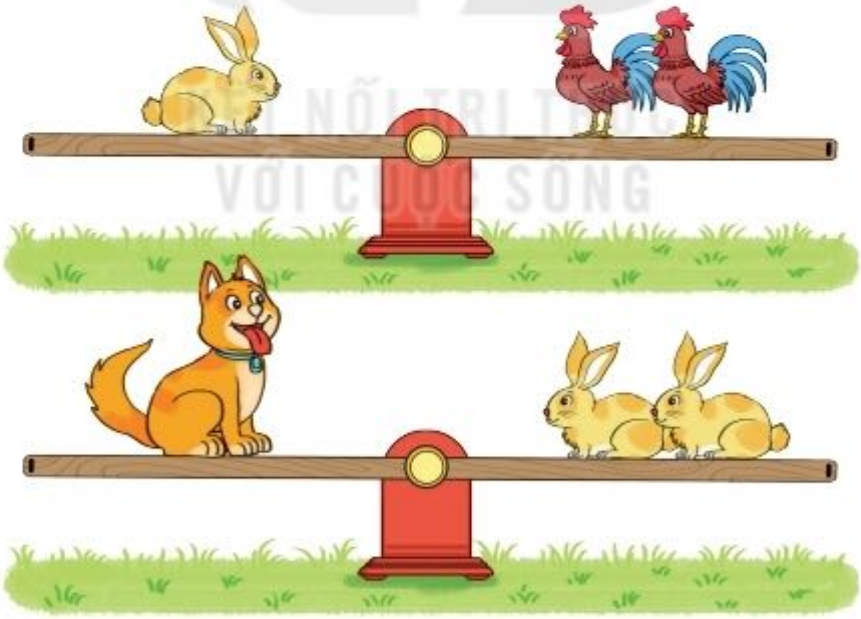

a) Con thỏ nặng bằng ? con gà.

b) Con chó nặng bằng ? con gà.

3 Tại cửa hàng xăng dầu, một người đi ô tô vào mua 25 *l* xăng, một người đi xe máy vào mua 3 *l* xăng. Hỏi cả hai người mua bao nhiêu lít xăng?

4 Có năm túi gạo sau:

a) Muốn lấy hai túi để được 13 kg gạo thì phải lấy ra hai túi gạo nào?

b) Muốn lấy ba túi để được 9 kg gạo thì phải lấy ra ba túi gạo nào?

Chủ đề 4

PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (có nhớ) TRONG PHẠM VI 100

Bài 19

PHÉP CỘNG (có nhớ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Khám phá

Tôi có 35 hạt gạo.

Chị Kiến ơi, tôi trả cho chị 7 hạt gạo.

Vậy kiến có bao nhiêu hạt gạo?

35 + 7 = ?

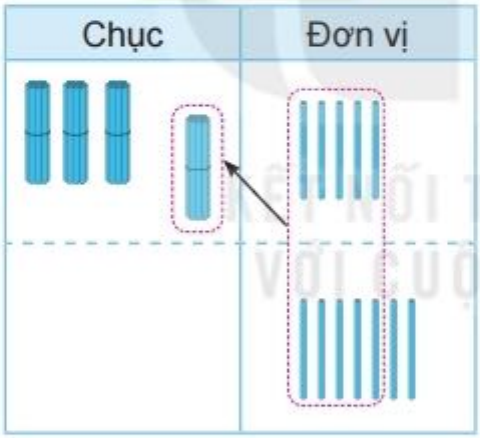

$$\begin{array}{r} 35 \\ +\ 7 \\ \hline 42 \end{array}$$

- 5 cộng 7 bằng 12, viết 2, nhớ 1.
- 3 thêm 1 bằng 4, viết 4.

35 + 7 = 42

Hoạt động

1 Tính.

$$\begin{array}{r} 28 \\ +\ 3 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 78 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 57 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 13 \\ +\ 7 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính.

35 + 6 47 + 8 89 + 2 63 + 9

3 Mỗi chum đựng số lít nước là kết quả của phép tính ghi trên chum. Hỏi chum nào đựng nhiều nước nhất?

1 a) Số ?

b) Đặt tính rồi tính.

35 + 5 | 69 + 4 | 19 + 3 | 29 + 6

2 Tính rồi tìm lá của mỗi loại quả.

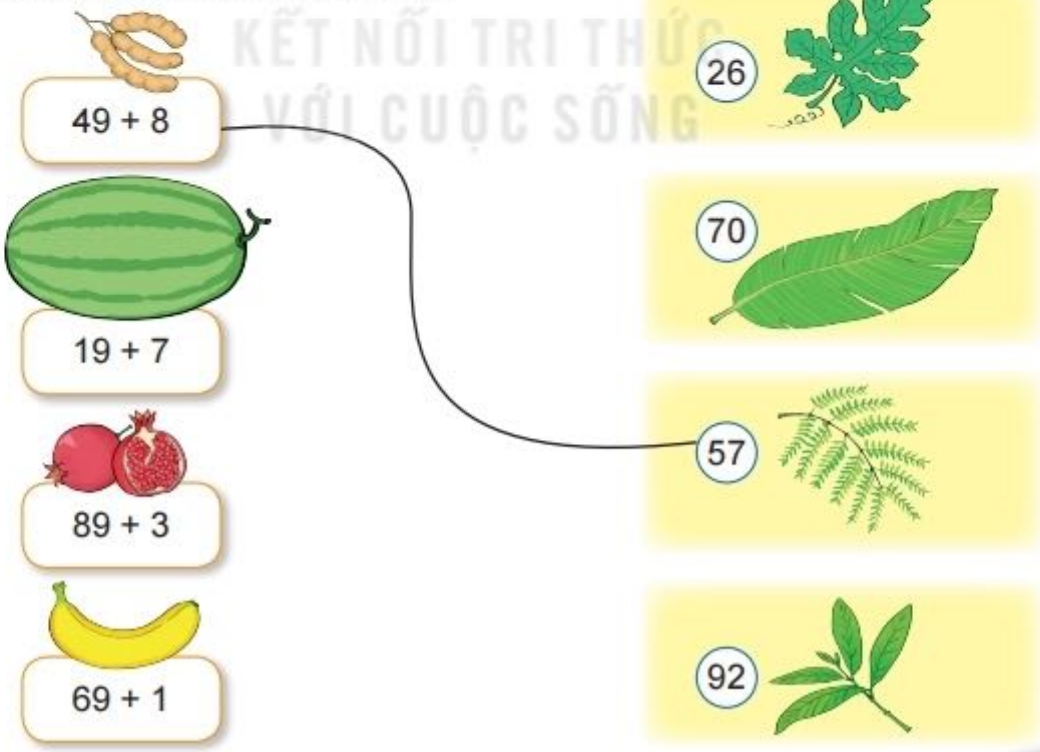

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Trên bàn có 18 vỏ ốc màu trắng và 5 vỏ ốc màu xanh. Hỏi trên bàn có tất cả bao nhiêu vỏ ốc?

4 Số ?

VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

83 + 9	57 + 4	62 + 8	39 + 5

2 Buổi sáng, bác Mạnh thu hoạch được 87 bao thóc. Buổi chiều, bác Mạnh thu hoạch được nhiều hơn buổi sáng 6 bao thóc. Hỏi buổi chiều bác Mạnh thu hoạch được bao nhiêu bao thóc?

3 Chú gà bới đất làm mất kết quả của các phép tính mà Việt vừa viết. Hãy tìm lại kết quả giúp bạn Việt nhé!

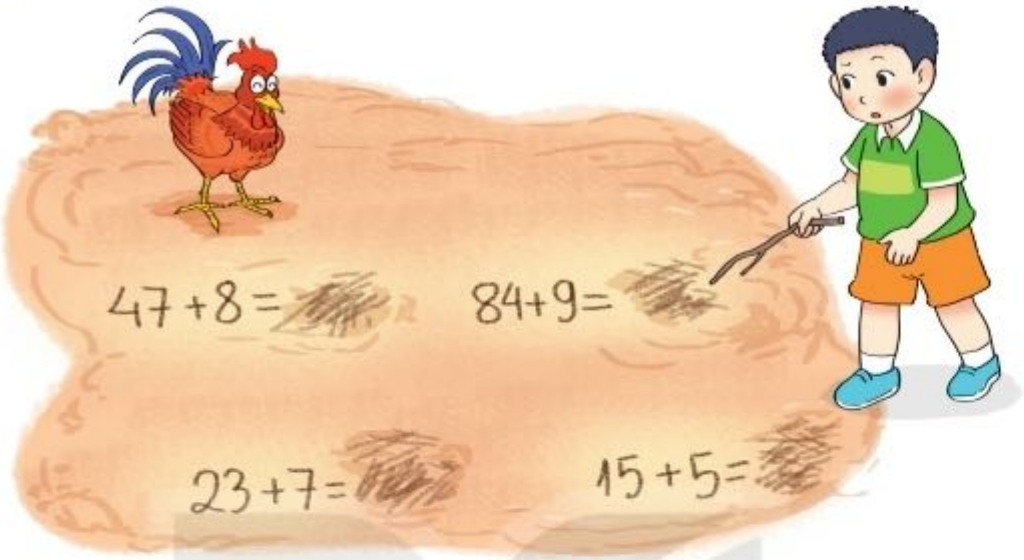

4 Chọn kết quả đúng.

a) 28 + 9 + 2 = ?

A. 37 B. 39 C. 30

b) 45 + 5 + 8 = ?

A. 58 B. 48 C. 68

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Tính tổng các số trên những hạt dẻ mà chú sóc nhặt được trên đường về nhà.

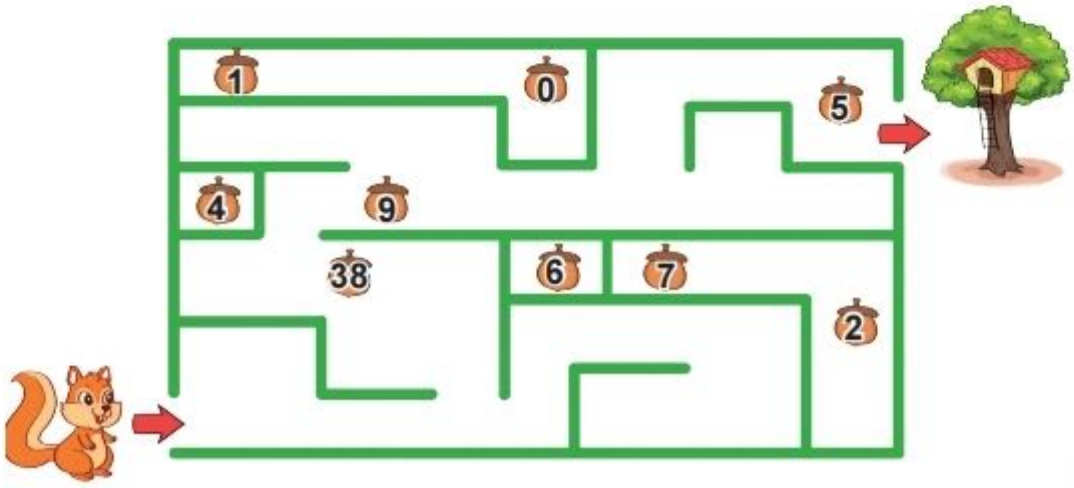

Bài 20

PHÉP CỘNG (có nhớ)
SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ VỚI SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

khám phá

36 + 17 = ?

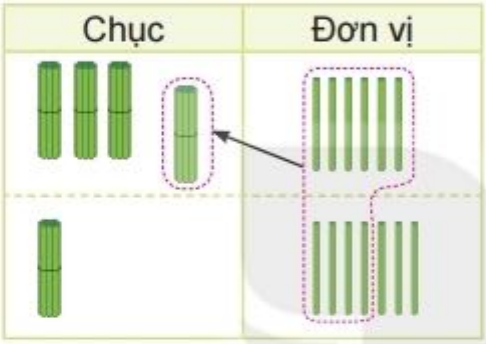

$$\begin{array}{r} 36 \\ +\ 17 \\ \hline 53 \end{array}$$

- 6 cộng 7 bằng 13, viết 3, nhớ 1.
- 3 thêm 1 bằng 4, 4 cộng 1 bằng 5, viết 5.

36 + 17 = 53

hoạt động

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1 Tính.

$$\begin{array}{r} 17 \\ +\ 24 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 37 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 42 \\ +\ 48 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 59 \\ +\ 25 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính.

23 + 67 46 + 18 59 + 21 64 + 19

3 Mỗi hình có 1 que tính đặt sai vị trí. Em hãy đặt lại cho đúng. Biết rằng:

a) Que tính ở kết quả đặt sai.

b) Que tính ở số hạng thứ hai đặt sai.

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

36 + 36 | 73 + 17 | 28 + 53 | 25 + 35

2 Con tàu nào ghi phép tính đúng?

3 Tính rồi tìm thùng hoặc bao hàng thích hợp.

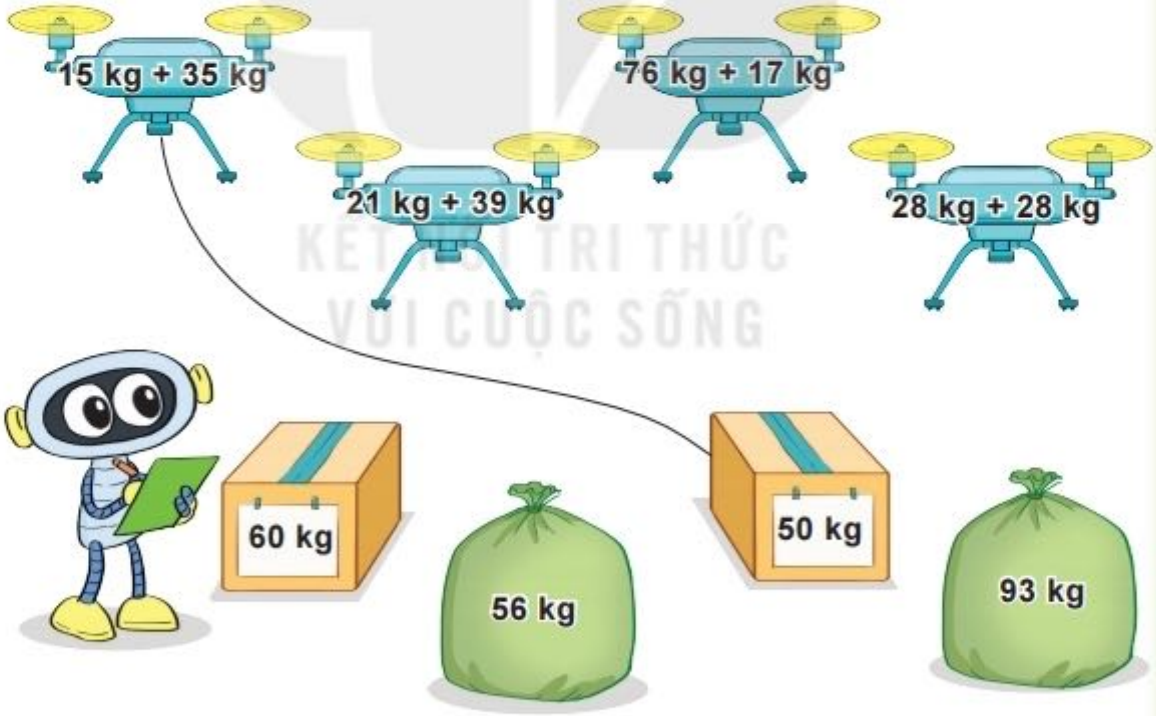

4 Ngày thứ nhất, Mai làm được 29 tấm bưu thiếp. Ngày thứ hai, Mai làm được 31 tấm bưu thiếp. Hỏi cả hai ngày Mai làm được bao nhiêu tấm bưu thiếp?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Số ?

Kiến đỏ phải bò qua bụi cỏ để đến cái kẹo.

Kiến đỏ phải bò ? cm.

Luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

47 + 43	43 + 47	65 + 28	28 + 65

2 Nêu tên các tàu ngầm theo thứ tự kết quả của phép tính từ bé đến lớn.

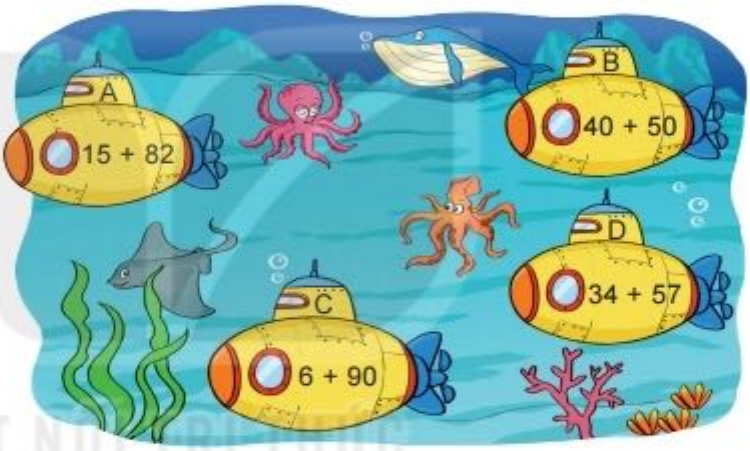

3 Chọn câu trả lời đúng.

Con đường nào ngắn nhất để kiến vàng bò đến hạt gạo?

A. Đường màu đỏ

B. Đường màu xanh

C. Đường màu đen

4 Tính.

23 + 27 + 1	45 + 45 + 2	58 + 12 + 3	69 + 11 + 4

Luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

38 + 52 | 15 + 15 | 67 + 17 | 72 + 19

2 Đ, S ?

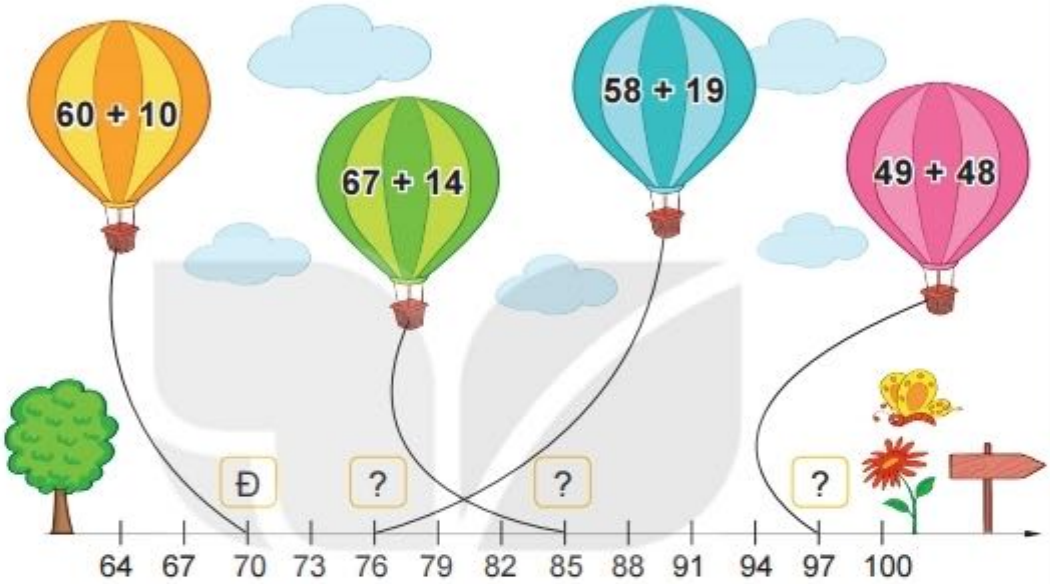

3 Số ?

a) 45 —(+ 27)→ ? —(+ 19)→ ?

b) 45 —(+ 19)→ ? —(+ 27)→ ?

4 Nam có 57 viên bi. Mai cho Nam thêm 15 viên bi. Hỏi lúc này Nam có bao nhiêu viên bi?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 21

LUYỆN TẬP CHUNG

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

45 + 6 81 + 9 26 + 66

2 Con bê cân nặng 47 kg. Con nghé nặng hơn con bê 18 kg. Hỏi con nghé cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

3 Con lợn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Số ?

Mỗi bạn xách bao nhiêu lít nước?

52 l

? l

? l

5 Số ?

Chuột túi tham gia một cuộc thi nhảy xa. Lần thứ nhất, từ tảng đá màu đỏ, chuột túi nhảy qua 4 tảng đá và được 25 điểm (như hình vẽ). Lần thứ hai, từ tảng đá màu đỏ, chuột túi nhảy qua 6 tảng đá.

a) Lần thứ hai, chuột túi được ? điểm.

b) Cả hai lần nhảy, chuột túi được ? điểm.

Luyện tập

1 Tính.

41 + 19 67 + 3 76 + 14

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Đường bay của bạn nào dài nhất?

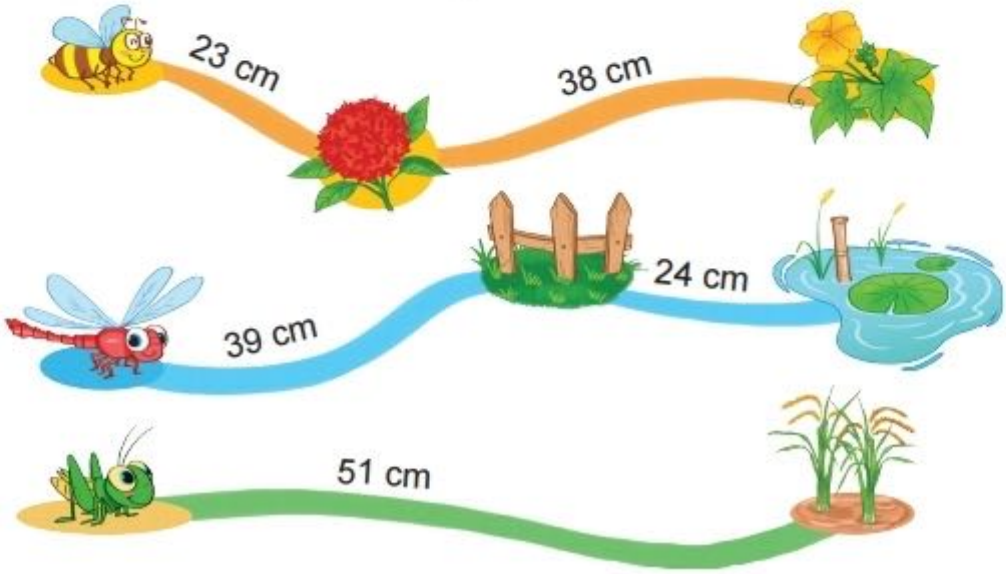

3 Nam có 38 viên bi. Rô-bốt có 34 viên bi. Hỏi Nam và Rô-bốt có tất cả bao nhiêu viên bi?

4 Ba bể cá A, B, C có mực nước khác nhau như hình vẽ dưới đây:

A B C

a) Mực nước ở bể B cao hơn mực nước ở bể A bao nhiêu xăng-ti-mét?

b) Mực nước ở bể C cao hơn mực nước ở bể A bao nhiêu xăng-ti-mét?

c) Sau khi bạn Nam bỏ thêm một số hòn đá cảnh vào bể B thì mực nước ở bể B tăng thêm 5 cm. Hỏi lúc này mực nước ở bể B cao hơn mực nước ở bể A bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài 22

PHÉP TRỪ (có nhớ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Khám phá

32 – 7 = ?

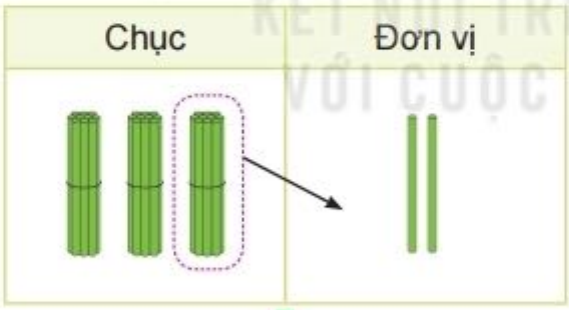

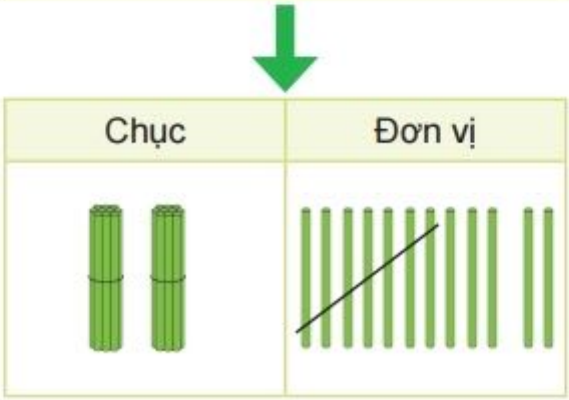

$$\begin{array}{r} 32 \\ -\ 7 \\ \hline 25 \end{array}$$

- 2 không trừ được 7, lấy 12 trừ 7 bằng 5, viết 5, nhớ 1.
- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

32 – 7 = 25

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính.

42	56	60	75
– 8	– 9	– 5	– 6
___	___	___	___

2 Đặt tính rồi tính.

64 – 8	70 – 7	83 – 4	41 – 5

3 Ngày thứ nhất, Mai An Tiêm thả 34 quả dưa hấu xuống biển. Ngày thứ hai, Mai An Tiêm thả ít hơn ngày thứ nhất 7 quả. Hỏi ngày thứ hai Mai An Tiêm thả bao nhiêu quả dưa hấu xuống biển?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

42 – 5	51 – 9	63 – 7	86 – 8

2 Cắm hoa vào lọ thích hợp.

3 Đường về nhà sóc đi qua ba phép tính có kết quả bằng nhau. Tìm nhà cho sóc.

4 Trong vườn có 30 cây hoa hồng và hoa cúc. Mi đếm được có 9 cây hoa cúc. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây hoa hồng?

Luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

63 – 8 38 – 9 40 – 2 92 – 4

2 Số ?

a) 56 $\xrightarrow{+\,4}$? $\xrightarrow{-\,5}$?

b) 35 $\xrightarrow{-\,8}$? $\xrightarrow{+\,38}$?

3 Con mèo nấp sau cánh cửa ghi phép tính có kết quả lớn nhất. Hỏi con mèo nấp sau cánh cửa nào?

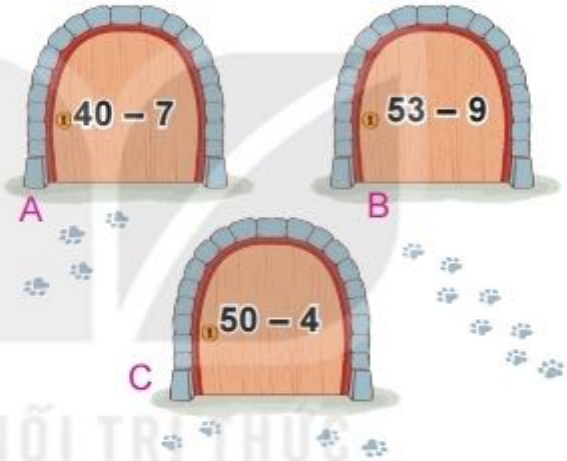

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Ba ô tô đang che ba số là 10, 20 và 40.

Hỏi mỗi ô tô đang che số nào?

5 Mai cân nặng 23 kg. Mi nhẹ hơn Mai 5 kg. Hỏi Mi cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Luyện tập

1 Số ?

Số bị trừ	57	70	25	53	60
Số trừ	8	7	9	4	30
Hiệu	49	?	?	?	?

2 Mỗi chú lùn sẽ ngồi lên chiếc ghế ghi phép tính có kết quả là số trên áo của mình. Tìm ghế cho các chú lùn.

3 Chọn kết quả đúng.

a) 40 + 20 – 6 = ?

A. 60 B. 54 C. 64

b) 43 – 8 + 17 = ?

A. 35 B. 62 C. 52

4 Việt vẽ một bức tranh có 35 bông hoa. Mèo làm đổ mực vào bức tranh nên chỉ còn nhìn thấy 9 bông hoa. Hỏi có bao nhiêu bông hoa bị mực che khuất?

5 Rô-bốt đi theo thứ tự các số là kết quả của các phép tính dưới đây. Rô-bốt sẽ đến được tàu hoả, ô tô hay máy bay?

25 – 8 → 30 – 2 → 20 – 3 → 30 – 7 → 33 – 5

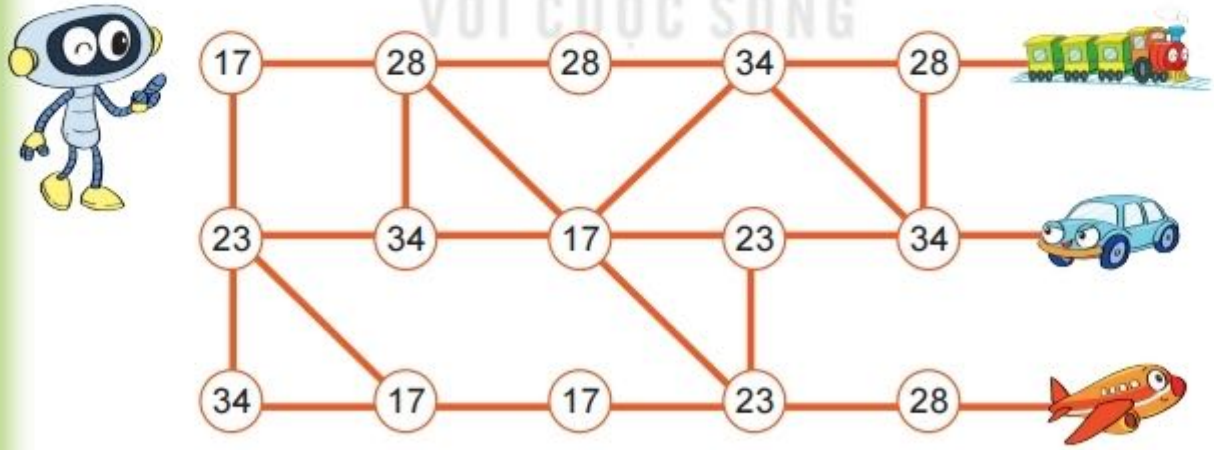

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 23 PHÉP TRỪ (có nhớ) SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ

Khám phá

42 – 15 = ?

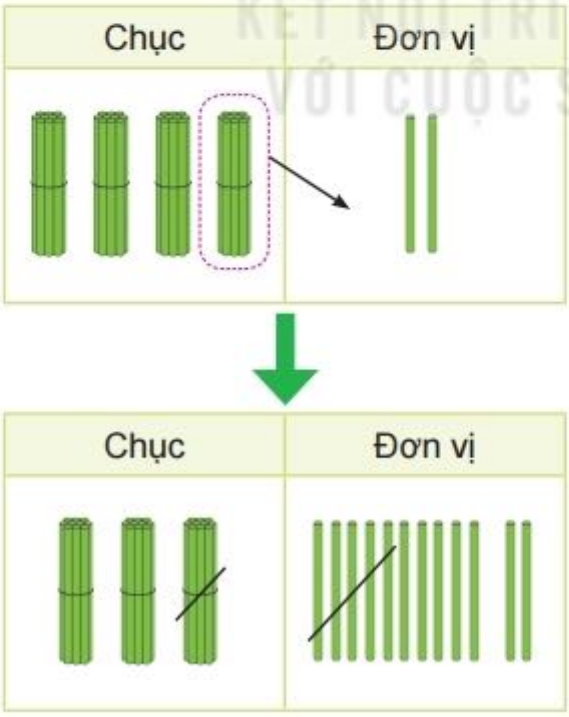

$$\begin{array}{r} 42 \\ -\ 15 \\ \hline 27 \end{array}$$

- 2 không trừ được 5, lấy 12 trừ 5 bằng 7, viết 7, nhớ 1.
- 4 trừ 1 bằng 3, 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

42 – 15 = 27

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

hoạt động

1 Tính.

72	60	93	41
− 19	− 28	− 46	− 32

2 Đặt tính rồi tính.

63 – 36 | 72 – 27 | 54 – 16 | 80 – 43

3 Trên cây khế có 90 quả. Chim thần đã ăn mất 24 quả. Hỏi trên cây còn lại bao nhiêu quả khế?

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

35 – 28 | 53 – 34 | 80 – 27 | 90 – 52

2 Bạn rô-bốt nào cầm bảng ghi phép tính đúng?

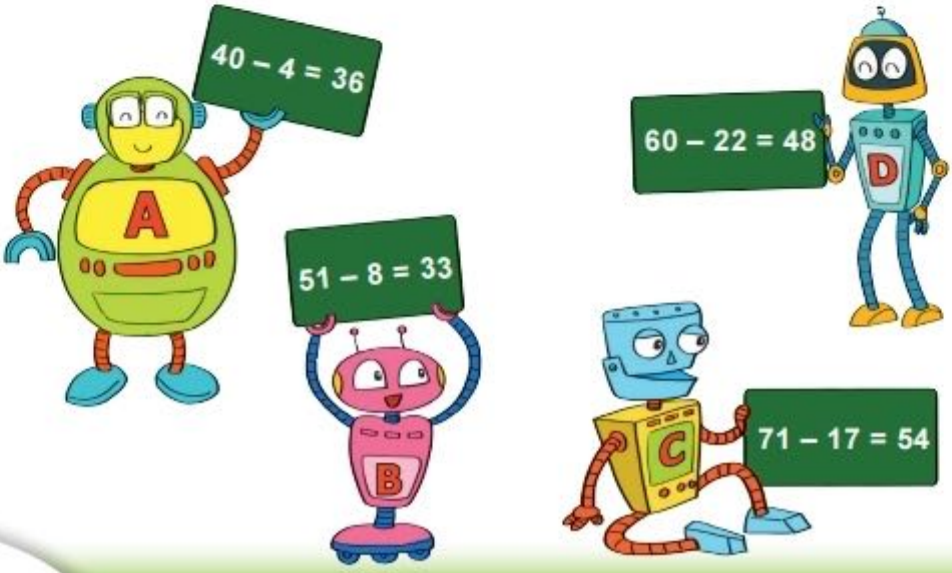

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Rô-bốt A cân nặng 33 kg. Rô-bốt D nhẹ hơn rô-bốt A 16 kg. Hỏi rô-bốt D cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

4 >; <; = ?

a) 42 – 13 ? 30

70 – 25 ? 45

b) 52 – 15 ? 60 – 15

54 – 17 ? 45 – 17

5 Tại mỗi ngã rẽ, bạn nhím sẽ đi theo con đường ghi phép tính có kết quả lớn hơn. Bạn nhím sẽ đến chỗ món ăn nào?

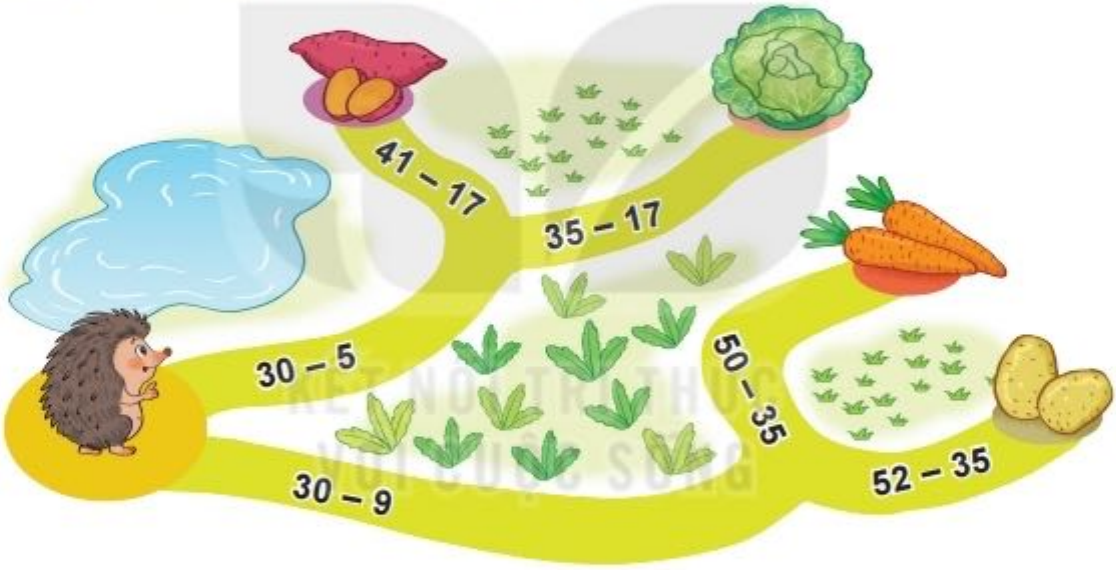

luyện tập

1 Tính nhẩm.

100 – 40 100 – 70 100 – 90

2 Bình xăng của một ô tô có 42 *l* xăng. Ô tô đã đi một quãng đường hết 15 *l* xăng. Hỏi bình xăng của ô tô còn lại bao nhiêu lít xăng?

3

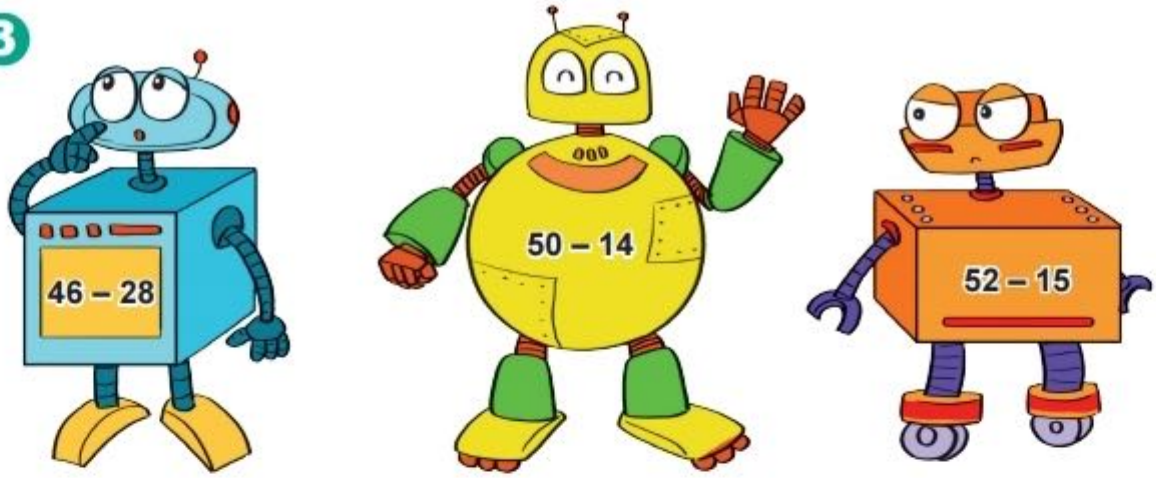

a) Rô-bốt có thân dạng khối lập phương ghi phép tính có kết quả bằng bao nhiêu?

b) Rô-bốt nào ghi phép tính có kết quả lớn nhất?

4 Tìm quần phù hợp với áo.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

54 – 27 72 – 36 50 – 25 95 – 48

2 Tìm chữ số thích hợp.

$$\begin{array}{r} 4\,\boxed{?} \\ -\ 1\ 7 \\ \hline 2\ 4 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 8\ 3 \\ -\ \boxed{?}\ 9 \\ \hline 2\ \boxed{?} \end{array} \qquad \begin{array}{r} \boxed{?}\ 1 \\ -\ 2\ 5 \\ \hline 4\ \boxed{?} \end{array}$$

3 Toà nhà có 60 căn phòng. Có 35 căn phòng đã bật đèn. Hỏi còn bao nhiêu căn phòng chưa bật đèn?

4 Chọn kết quả đúng.

a) 32 + 48 – 16 = ?

A. 54 B. 64 C. 74

b) 33 – 16 + 53 = ?

A. 70 B. 60 C. 50

5 Mỗi con mèo sẽ câu con cá ghi phép tính có kết quả là số ghi trên xô.

Tìm cá cho mỗi con mèo.

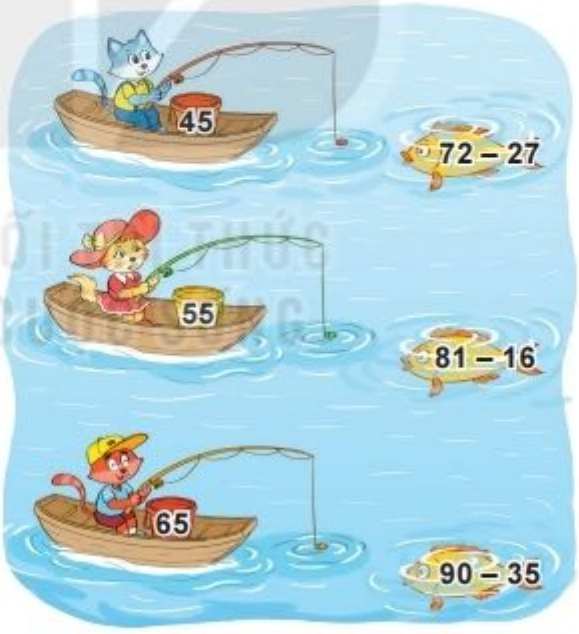

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Luyện tập

1 Số ?

Số bị trừ	83	70	47	80	50
Số trừ	38	25	28	52	30
Hiệu	45	?	?	?	?

2 Biết:

– Hộp quà đựng vở là hộp quà ghi phép tính có kết quả lớn nhất.

– Hộp quà đựng bút là hộp quà ghi phép tính có kết quả bé nhất.

Hỏi hộp quà nào đựng vở, hộp quà nào đựng bút?

3 Chìa khoá mở được chiếc hòm ghi phép tính đúng nhưng không mở được chiếc hòm màu xanh. Chìa khoá mở được chiếc hòm nào?

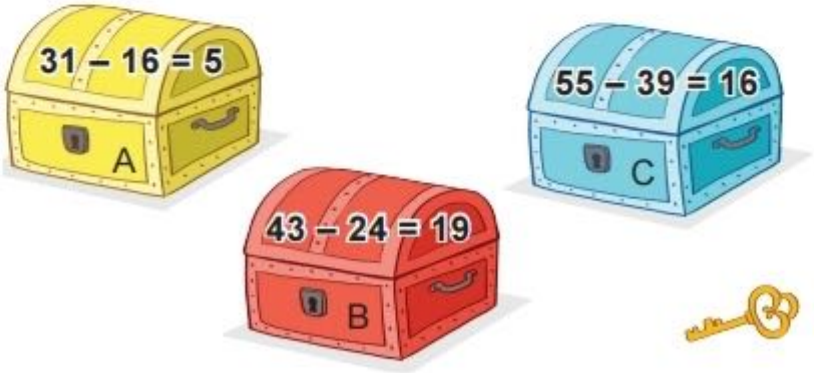

4 Một đàn gà có 32 con gồm gà trống và gà mái, trong đó có 26 con gà mái. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con gà trống?

Bài 24

LUYỆN TẬP CHUNG

luyện tập

1 Đặt tính rồi tính.

34 – 7 | 45 – 8 | 60 – 12 | 51 – 19

2 Số ?

88 $\xrightarrow{+\,4}$? $\xrightarrow{-\,7}$? $\xrightarrow{-\,26}$?

3 Cầu thang lên nhà sóc có tất cả 32 bậc thang. Sóc đã leo được 9 bậc thang. Hỏi sóc cần leo thêm bao nhiêu bậc thang nữa để vào nhà?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Chọn câu trả lời đúng.

Kết quả của phép tính nào sau đây là số nhãn vở của Rô-bốt?

A. 32 – 17

B. 62 – 42

C. 51 – 33

5 Ghép hai trong ba thẻ số bên được các số có hai chữ số. Số bé nhất trong các số đó là số nào? Số lớn nhất trong các số đó là số nào?

luyện tập

1 Tính.

25 + 65 – 30 90 – 40 – 26

2 Chú ong bay về tổ theo đường hình sợi dây dưới đây, xuất phát từ mũi tên.

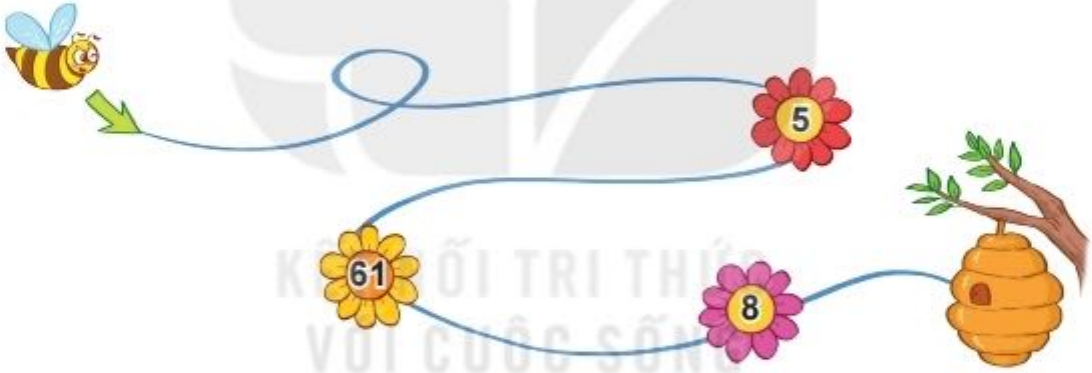

Tính tổng các số trên ba bông hoa mà chú ong đã gặp.

3 Anh Khoai đốn được hai cây tre. Cây thứ nhất có 43 đốt, cây thứ hai có 50 đốt. Hỏi hai cây tre có tất cả bao nhiêu đốt tre?

4 Tìm chữ số thích hợp.

a) $60 - 9 > 5\,?$

b) $42 - 4 < 3\,?$

Trò chơi

CẶP TẤM THẺ ANH EM

Cách chơi:

- Chơi theo nhóm.
- Úp các tấm thẻ có các phép trừ dưới đây thành một nhóm theo thứ tự bất kì.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- Úp các tấm thẻ có các số dưới đây thành một nhóm theo thứ tự bất kì.

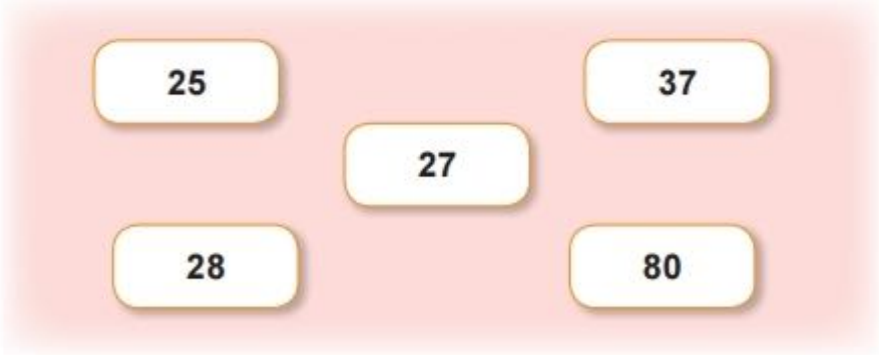

- Khi đến lượt, người chơi lấy ở mỗi nhóm một tấm thẻ. Nếu là cặp tấm thẻ anh em (cặp tấm thẻ ghi phép tính và kết quả của phép tính đó) thì người chơi được giữ lấy, nếu không thì xếp trả lại.
- Trò chơi kết thúc khi có người lấy được 2 cặp tấm thẻ anh em.

Chủ đề 5

LÀM QUEN VỚI HÌNH PHẲNG

Bài 25 ĐIỂM, ĐOẠN THẲNG, ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG, BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

khám phá

Điểm, đoạn thẳng

hoạt động

1

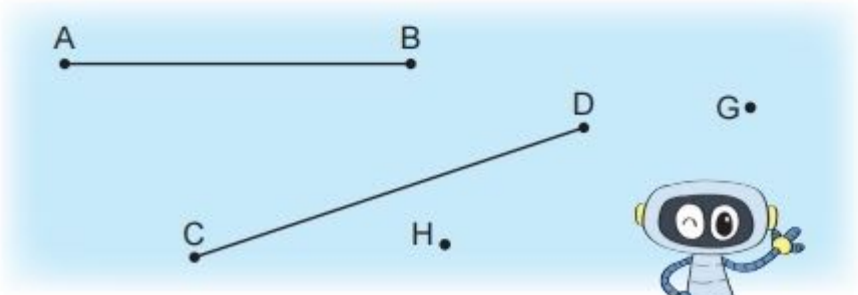

a) Kể tên các điểm trong hình vẽ.

b) Kể tên các đoạn thẳng trong hình vẽ.

2 Kể tên các đoạn thẳng trong mỗi hình vẽ sau:

a)

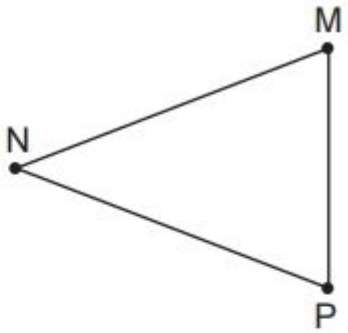

b)

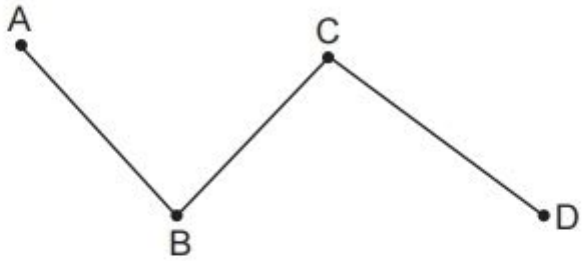

3 Số ?

Dùng thước đo độ dài đoạn thẳng (theo mẫu).

a) Mẫu:

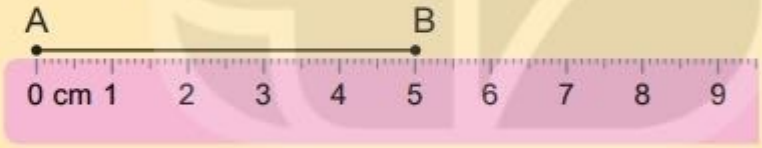

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Đoạn thẳng AB dài 5 cm.

b)

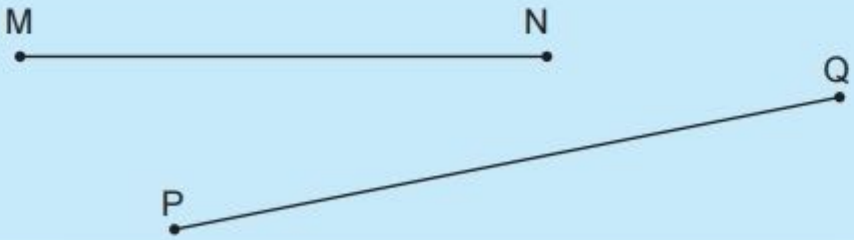

Đoạn thẳng MN dài ? cm.

Đoạn thẳng PQ dài ? cm.

khám phá

Đường thẳng, đường cong, ba điểm thẳng hàng

hoạt động

1

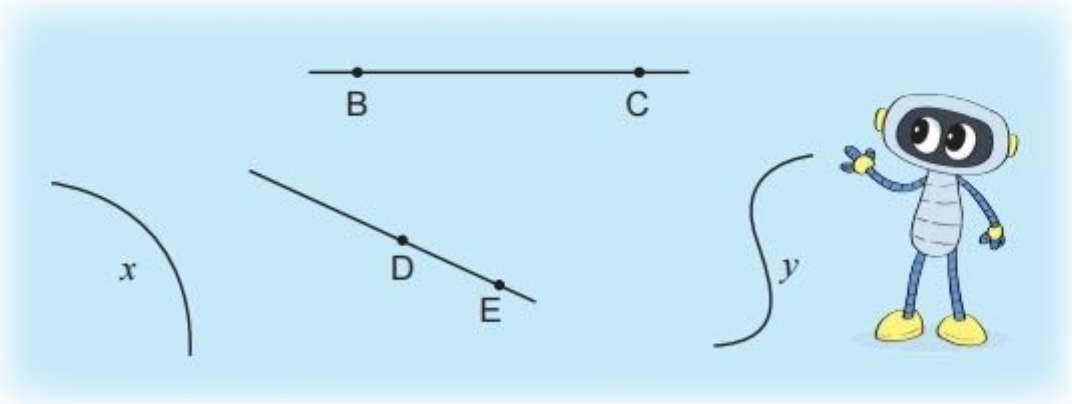

a) Kể tên các đường thẳng trong hình vẽ.

b) Kể tên các đường cong trong hình vẽ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 Đ, S ?

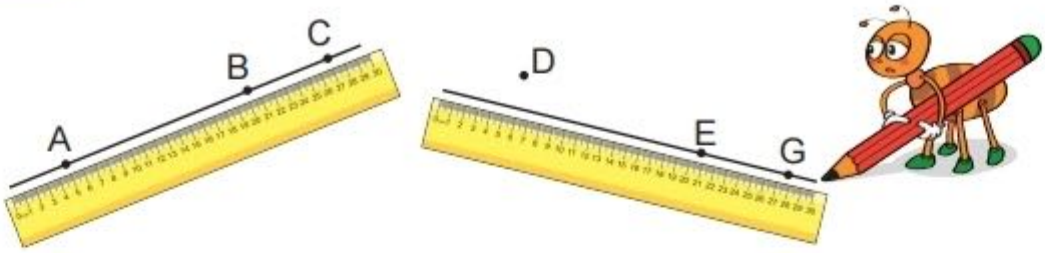

Trong hình vẽ trên:

a) Ba điểm A, B, C thẳng hàng. ?

b) Ba điểm D, E, G thẳng hàng. ?

3 Kể tên ba điểm thẳng hàng có trong hình vẽ.

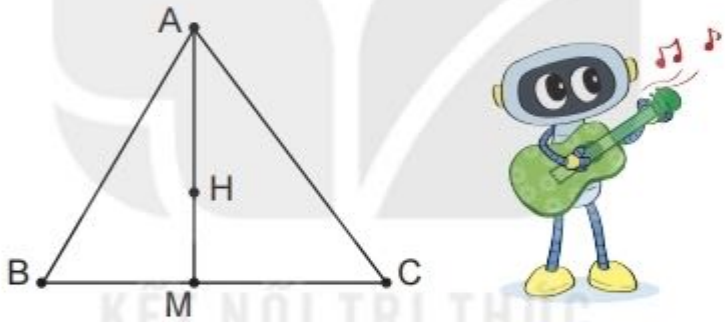

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Tìm một đường thẳng, một đường cong và ba cây thẳng hàng có trong hình dưới đây.

Bài 26

ĐƯỜNG GẤP KHÚC. HÌNH TỨ GIÁC

khám phá

a) Đường gấp khúc. Độ dài đường gấp khúc

Đường gấp khúc MNPQ.

Đường gấp khúc MNPQ gồm ba đoạn thẳng: MN, NP, PQ.

Độ dài đường gấp khúc MNPQ là tổng độ dài các đoạn thẳng MN, NP và PQ:

2 cm + 5 cm + 3 cm = 10 cm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b) Hình tứ giác

hoạt động

1 Kể tên các đường gấp khúc trong mỗi hình vẽ sau:

a)

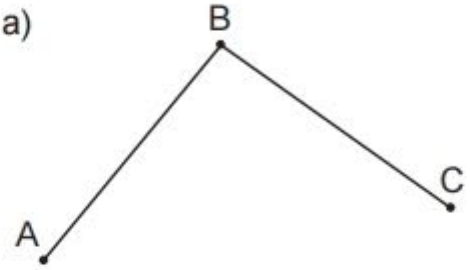

b)

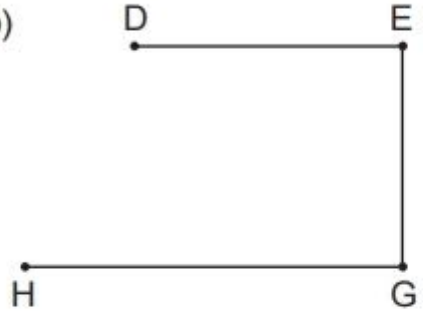

2 Có mấy hình tứ giác?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.

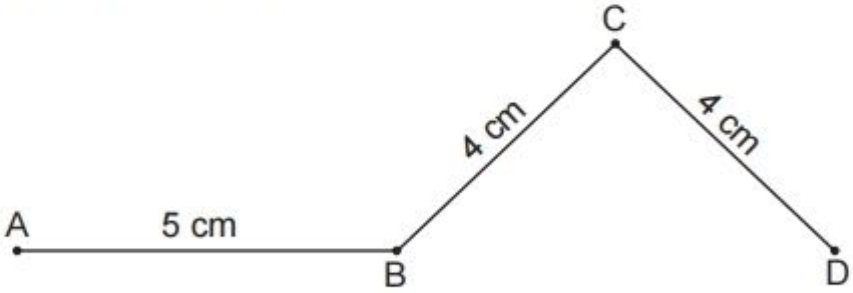

Bài giải

Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

? + ? + ? = ? (cm)

Đáp số: ? cm.

luyện tập

1 a) Tìm hai đồ vật có dạng đường gấp khúc.

b) Tìm hai đồ vật có dạng hình tứ giác.

2 Trong mỗi hình dưới đây có mấy hình tứ giác?

a)

b)

c)

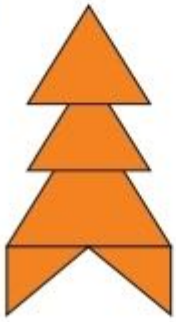

3 Rô-bốt, Việt và Mai chạy qua một bãi cỏ theo ba đường như hình vẽ.

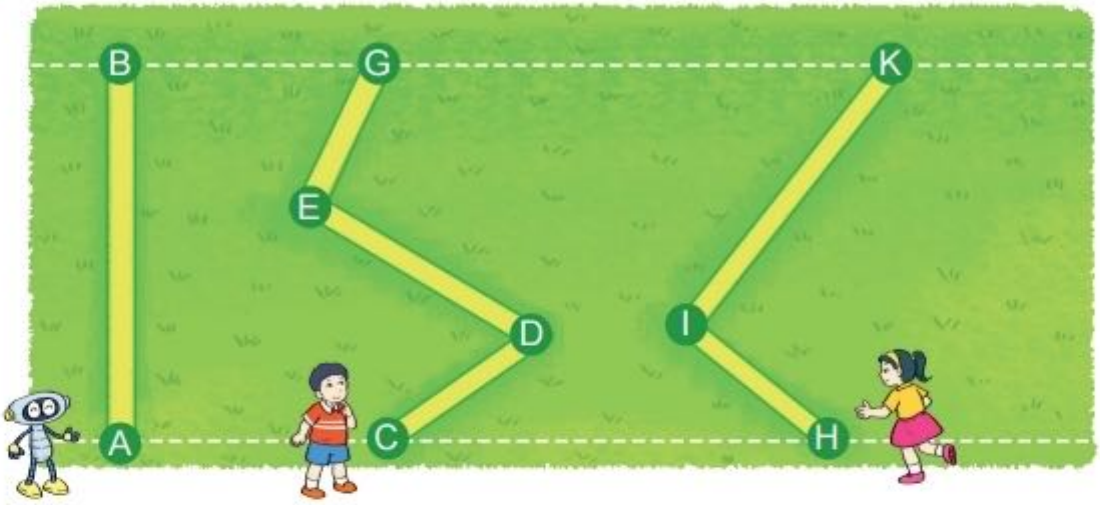

a) Đọc tên đường chạy của mỗi bạn.

b) Bạn nào chạy qua bãi cỏ theo đường gấp khúc?

c) Đường chạy của bạn nào gồm hai đoạn thẳng?
Đường chạy của bạn nào gồm ba đoạn thẳng?

4 Tính độ dài đường gấp khúc ABC và MNPQ.

a)

b)

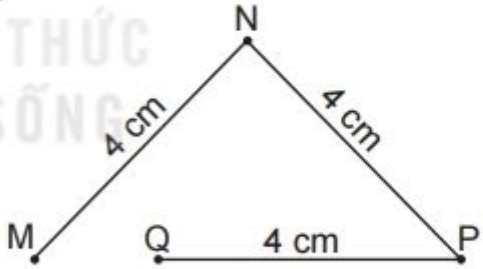

5 Đường gấp khúc nào dài hơn?

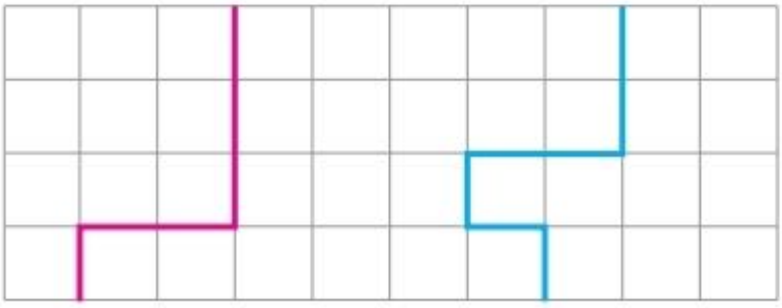

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 27

THỰC HÀNH GẤP, CẮT, GHÉP, XẾP HÌNH. VẼ ĐOẠN THẲNG

hoạt động

Thực hành gấp, cắt, ghép, xếp hình

1 Dùng một tờ giấy hình chữ nhật, gấp rồi cắt thành một hình vuông và một hình chữ nhật (theo mẫu).

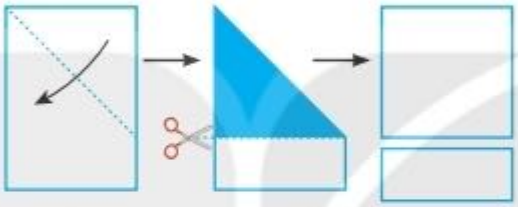

2 Gấp rồi cắt một hình vuông thành bốn hình tam giác.

Dùng bốn hình tam giác vừa cắt được để xếp thành mỗi hình sau:

a) 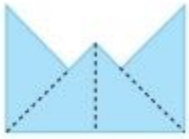

b)

c)

d)

3 Cắt hình đã cho thành hai phần để ghép lại được một hình vuông (theo mẫu).

Mẫu:

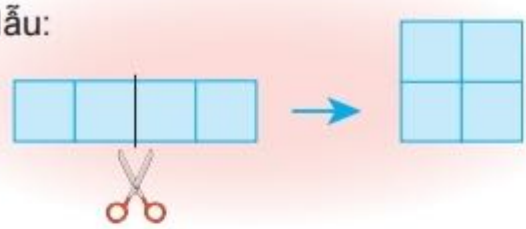

a)

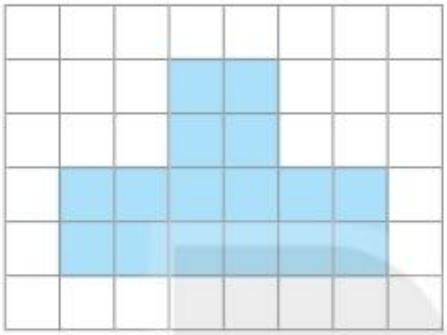

b)

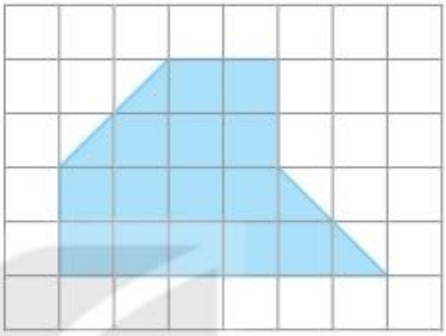

4 Hai hình nào ở cột bên trái ghép được hình ở cột bên phải?

a)

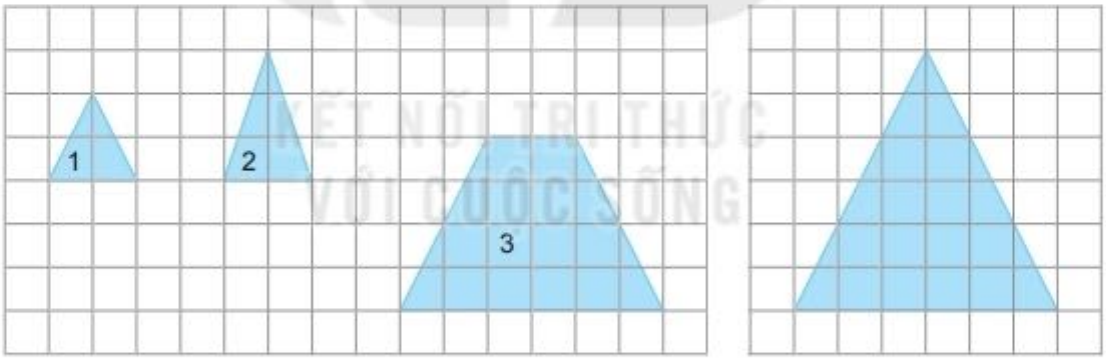

b)

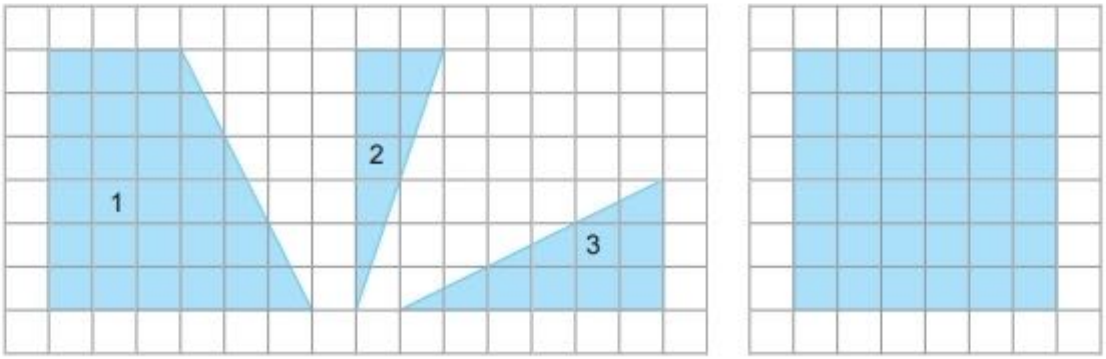

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

khám phá

Vẽ đoạn thẳng

Vẽ đoạn thẳng dài 7 cm.

Bước 1: Chấm một điểm.

Bước 2: Đặt thước để vạch số 0 của thước trùng với điểm vừa chấm.

Bước 3: Chấm một điểm tại vị trí 7 cm.

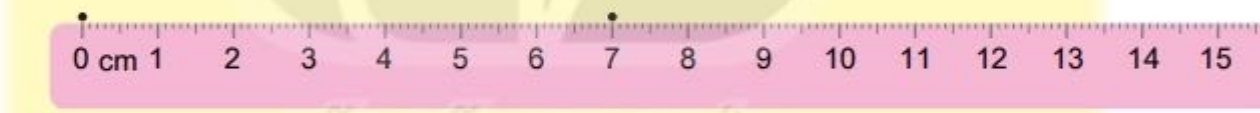

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bước 4: Nối hai điểm đó ta được một đoạn thẳng dài 7 cm.

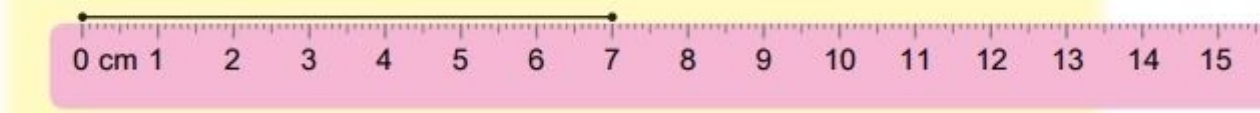

hoạt động

1 Vẽ đoạn thẳng:

a) AB có độ dài 9 cm.

b) CD có độ dài 12 cm.

2 Đo độ dài mỗi đoạn thẳng dưới đây.

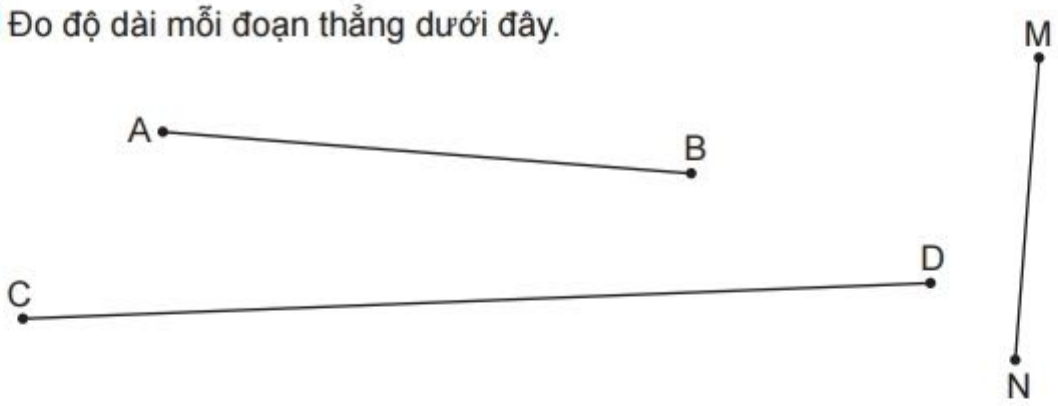

3 Đo độ dài các đoạn thẳng: AB, CD, GH, MN, NP.

Vẽ các đoạn thẳng có độ dài như vậy vào vở.

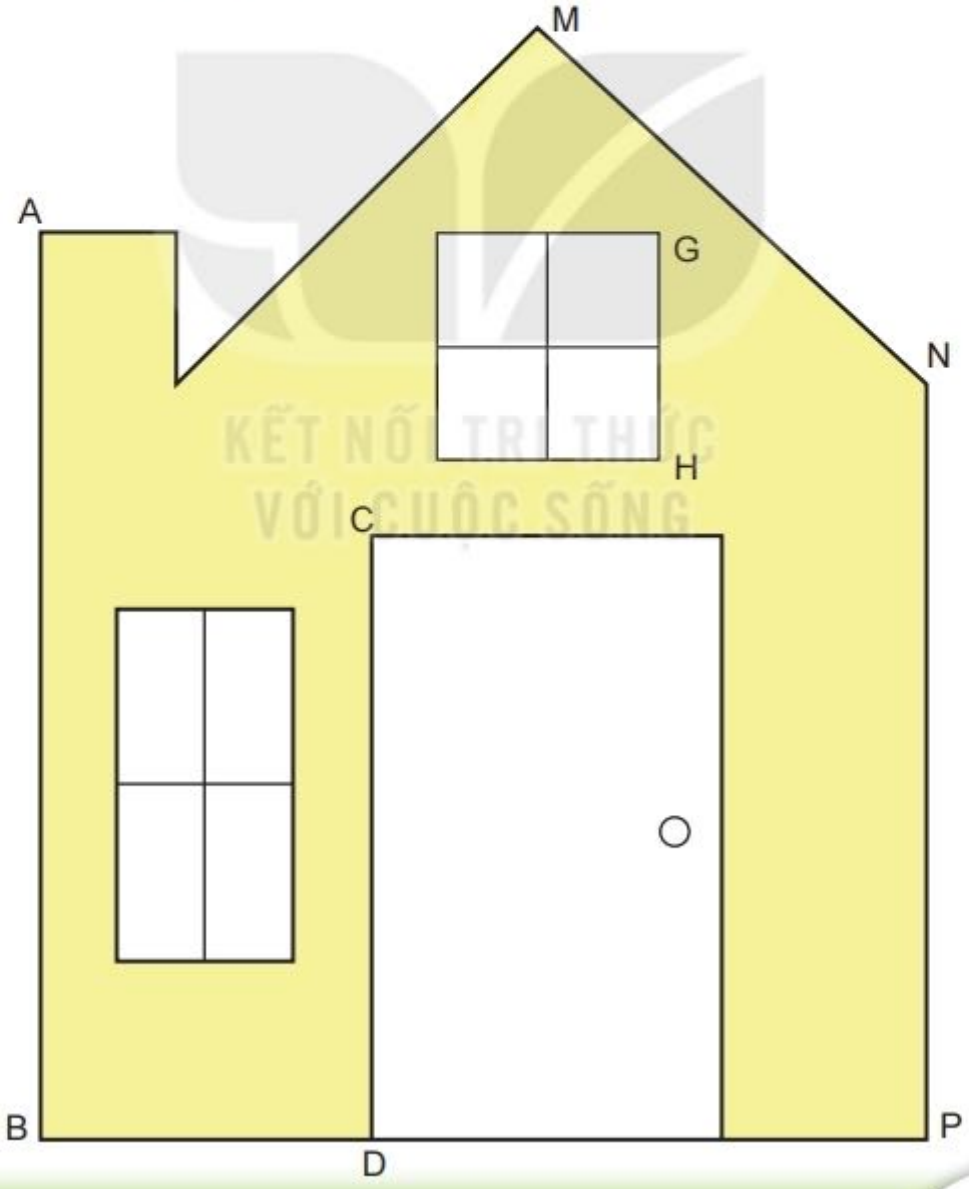

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 28

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Đ, S ?

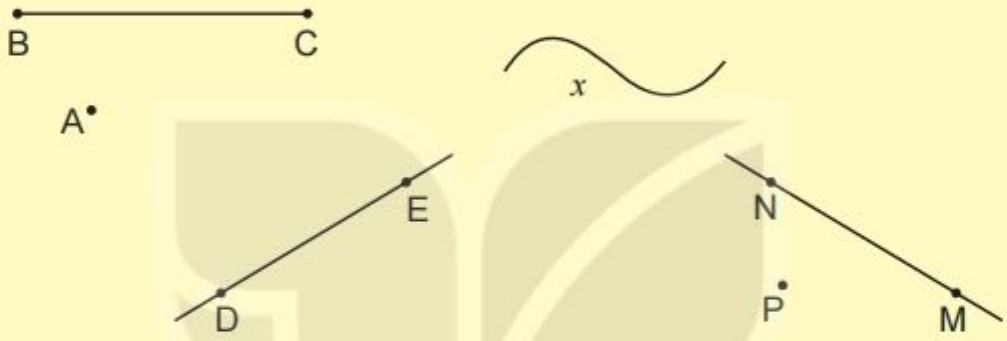

Trong hình vẽ trên có:

a) Đoạn thẳng BC. ?

b) Đường thẳng DE và đường thẳng MN. ?

c) Ba điểm M, N, P thẳng hàng. ?

d) Đường cong x. ?

2 Cho ba điểm M, N, P thẳng hàng.

Kể tên các đoạn thẳng trong hình vẽ sau.

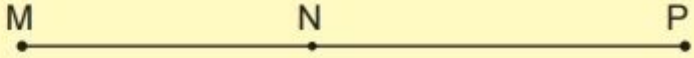

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?

a)

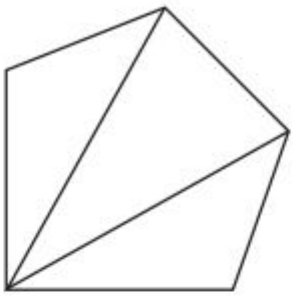

Có ? hình tứ giác.

b)

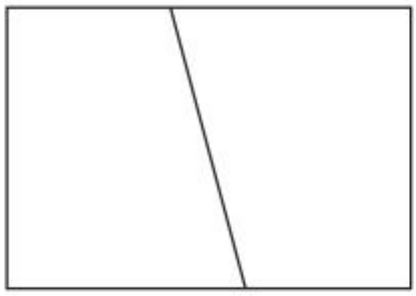

Có ? hình tứ giác.

4 Kể tên các nhóm ba bạn đứng thẳng hàng trong hình vẽ dưới đây.

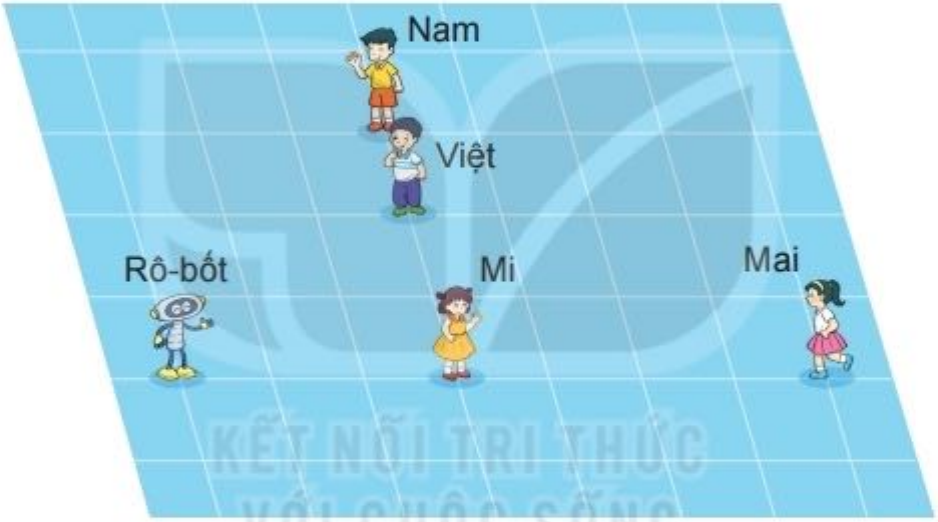

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

5 Hôm nay, chú ốc sên bò từ trường học đến sân bóng, rồi ghé qua thư viện và trở về nhà. Tính độ dài quãng đường mà ốc sên đã bò.

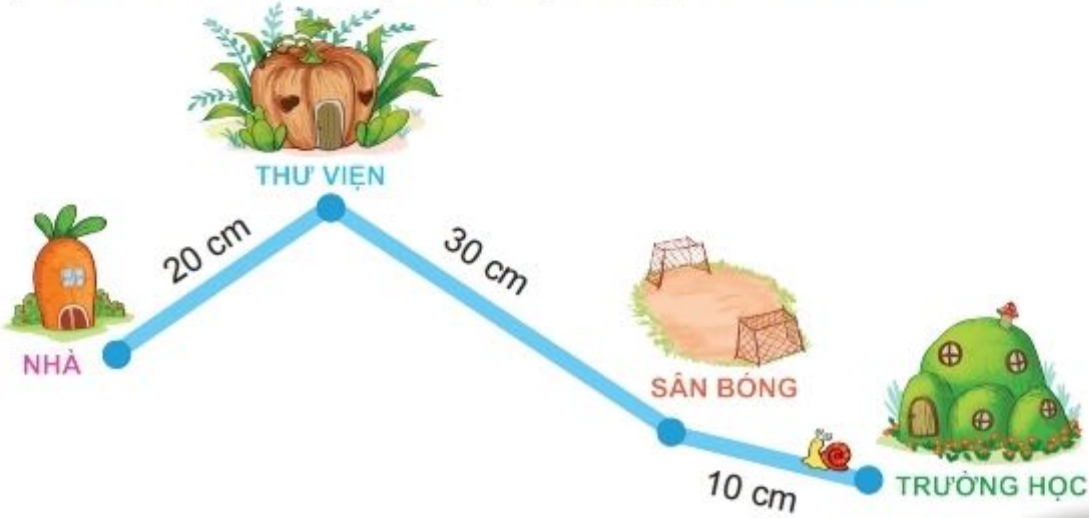

Chủ đề 6

NGÀY – GIỜ, GIỜ – PHÚT, NGÀY – THÁNG

Bài 29

NGÀY – GIỜ, GIỜ – PHÚT

Khám phá

a)

b) 24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.

Buổi	Các giờ đúng
Sáng	1 giờ sáng, 2 giờ sáng, 3 giờ sáng, 4 giờ sáng, 5 giờ sáng, 6 giờ sáng, 7 giờ sáng, 8 giờ sáng, 9 giờ sáng, 10 giờ sáng.
Trưa	11 giờ trưa, 12 giờ trưa.
Chiều	1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (14 giờ), 3 giờ chiều (15 giờ), 4 giờ chiều (16 giờ), 5 giờ chiều (17 giờ), 6 giờ chiều (18 giờ).
Tối	7 giờ tối (19 giờ), 8 giờ tối (20 giờ), 9 giờ tối (21 giờ).
Đêm	10 giờ đêm (22 giờ), 11 giờ đêm (23 giờ), 12 giờ đêm (24 giờ).

hoạt động

1 Số ?

Nam làm gì lúc mấy giờ?

Nam và bố đi câu cá lúc ? giờ chiều.

Nam và bố đọc sách lúc ? giờ tối.

Lúc ? giờ đêm, Nam đang ngủ.

2 Tìm đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với mỗi bức tranh.

Nam đi học lúc 7 giờ sáng.

Việt xem bóng đá lúc 7 giờ tối.

Rô-bốt vẽ tranh lúc 2 giờ chiều.

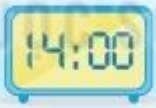

3 Chọn đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với mỗi bức tranh.

a)

A

B

b)

A

B

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

khám phá

Nam vẽ cảnh mặt trời mọc lúc 5 giờ 15 phút sáng.

Mai vẽ cảnh mặt trời lặn lúc 5 giờ 30 phút chiều.

hoạt động

1 Số ?

Mỗi bạn làm gì lúc mấy giờ?

Việt học bài
lúc ? giờ ? phút sáng.

Nam làm bài tập
lúc ? giờ ? phút chiều.

Mi ăn tối
lúc ? giờ ? phút.

Lúc ? giờ ? phút đêm,
Rô-bốt đang ngủ.

2 Tìm hai đồng hồ chỉ cùng thời gian vào buổi chiều, tối hoặc đêm.

3 Số ?

Nam làm gì lúc mấy giờ?

Nam học bài
lúc ? giờ ? phút sáng.

Nam ở thư viện
lúc ? giờ ? phút chiều.

Nam tan học lúc ? giờ chiều.

Nam rửa bát lúc ? giờ ? phút tối.

Bài 30

NGÀY – THÁNG

khám phá

THÁNG MƯỜI MỘT

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

– Tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 8, tháng 10, tháng 12 có 31 ngày.

– Tháng 4, tháng 6, tháng 9, tháng 11 có 30 ngày.

– Tháng 2 có 28 hoặc 29 ngày.

hoạt động

1 Tìm hai con vật có cùng ngày sinh.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 a) Nêu các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 12 dưới đây.

b) Xem tờ lịch tháng 12 rồi trả lời câu hỏi.

– Tháng 12 có bao nhiêu ngày?

– Ngày đầu tiên của tháng 12 là thứ mấy?

– Ngày cuối cùng của tháng 12 là thứ mấy?

THÁNG MƯỜI HAI

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	?	11	12
13	?	15	?	17	18	19
?	21	?	23	24	25	?
27	?	29	30	31		

3 Xem tờ lịch tháng 1 dưới đây rồi trả lời câu hỏi.

– Tháng 1 có bao nhiêu ngày?

– Ngày tết Dương lịch 1 tháng 1 là thứ mấy?

– Ngày 1 tháng 2 cùng năm là thứ mấy?

THÁNG MỘT

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
10	11	12	13	14	15	16
17	18	19	20	21	22	23
24	25	26	27	28	29	30
31						

Luyện tập

1 Mỗi hình dưới đây ứng với ô chữ nào?

Ngày hai mươi tháng Mười một

Ngày một tháng Một

Ngày một tháng Sáu

Ngày hai tháng Chín

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2 a) Nêu các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 2 dưới đây.

b) Xem tờ lịch bên rồi trả lời câu hỏi.

– Tháng 2 có bao nhiêu ngày?

– Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27 tháng 2 là thứ mấy?

THÁNG HAI

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	?	20
21	22	?	?	25	26	27
28						

3 Xem tờ lịch tháng 3 dưới đây rồi trả lời câu hỏi.

– Tháng 3 có bao nhiêu ngày?

– Ngày thứ Hai đầu tiên của tháng 3 là ngày nào?

– Ngày Quốc tế Phụ nữ 8 tháng 3 là thứ mấy?

THÁNG BA

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
	1	2	3	4	5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Xem tờ lịch tháng 4 dưới đây rồi trả lời câu hỏi.

– Tháng 4 có bao nhiêu ngày?

– Nếu thứ Bảy tuần này là ngày Giải phóng miền Nam 30 tháng 4 thì thứ Bảy tuần trước là ngày nào?

THÁNG TƯ

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

Bài 31

THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM XEM ĐỒNG HỒ, XEM LỊCH

hoạt động

1 Quay kim đồng hồ để đồng hồ chỉ:

a) 2 giờ.

b) 9 giờ 30 phút.

c) 7 giờ 15 phút.

2 Xem thời khoá biểu hôm nay của em rồi trả lời câu hỏi.

a) Lúc 9 giờ 15 phút, em học môn gì?

b) Em học môn gì vào lúc 15 giờ 15 phút?

3 Đồng hồ chỉ mấy giờ?

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 a) Vào ngày nghỉ cuối tuần, Nam làm gì lúc mấy giờ?

b) Hằng ngày em thực hiện những hoạt động nào trong các hoạt động trên và em thực hiện mỗi hoạt động đó vào lúc mấy giờ?

VỚI CUỘC SỐNG

5 Đồng hồ trong hình vẽ cho biết thời gian đến lớp học của mỗi bạn.

Biết lớp học bắt đầu lúc 2 giờ chiều. Hỏi bạn nào đi học muộn?

hoạt động

1 Em xem tờ lịch tháng này rồi trả lời câu hỏi.

a) Hôm nay là thứ mấy, ngày mấy, tháng mấy?

b) Hôm qua là thứ mấy, ngày mấy, tháng mấy?

c) Ngày mai là thứ mấy, ngày mấy, tháng mấy?

2 Xem tờ lịch tháng 5 dưới đây rồi trả lời câu hỏi.

– Tháng 5 có bao nhiêu ngày?

– Tháng 5 có bao nhiêu ngày thứ Ba, đó là những ngày nào?

– Ngày 19 tháng 5 là sinh nhật Bác Hồ. Ngày đó là thứ mấy?

THÁNG NĂM

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
						1
2	3	4	5	6	7	8
9	10	11	12	13	14	15
16	17	18	19	20	21	22
23	24	25	26	27	28	29
30	31					

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3

THÁNG SÁU

THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
		?	2	3	4	5
?	?	?	9	10	11	12
13	14	15	16	17	?	19
20	21	22	23	24	25	?
27	28	29	30			

a) Nêu các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 6 ở bên.

b) Xem tờ lịch bên rồi trả lời câu hỏi.

– Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1 tháng 6 là thứ mấy?

– Nếu hôm nay là thứ Năm ngày 16 tháng 6 thì thứ Năm tuần trước là ngày nào, thứ Năm tuần sau là ngày nào?

Bài 32

LUYỆN TẬP CHUNG

luyện tập

1 Xem hình vẽ rồi chọn câu trả lời đúng.

Trong đồng hồ bên, khi kim dài chạy qua số 4, số 5, đến số 6 thì lúc này đồng hồ chỉ:

A. 3 giờ 30 phút.

B. 4 giờ 15 phút.

C. 4 giờ 30 phút.

2 Xem tờ lịch và các ảnh chụp của Rô-bốt rồi trả lời câu hỏi (theo mẫu).

Mẫu: Rô-bốt ghé thăm Tây Nguyên vào ngày 2 tháng 8.

– Rô-bốt ghé thăm Mù Cang Chải vào ngày nào?

– Rô-bốt ghé thăm chợ nổi Năm Căn vào ngày nào?

– Rô-bốt ghé thăm Huế vào ngày nào?

3 Cho biết thời gian đến thăm Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam của mỗi bạn như sau:

Biết bảo tàng mở cửa từ 8 giờ đến 16 giờ 30 phút. Hỏi những bạn nào được vào thăm bảo tàng?

4 Cho biết giờ học các môn năng khiếu vào sáng ngày thứ Bảy của Rô-bốt như sau:

Trước giờ học bóng rổ, Rô-bốt đã học những môn nào?

Chủ đề 7

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Bài 33 ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20, 100

Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20

1 Tính nhẩm.

7 + 7	9 + 6	8 + 4	5 + 7
6 + 9	4 + 8	14 – 5	15 – 6
12 – 4	11 – 7	15 – 9	13 – 8

2 Mỗi số 7, 5, 11, 13 là kết quả của những phép tính nào?

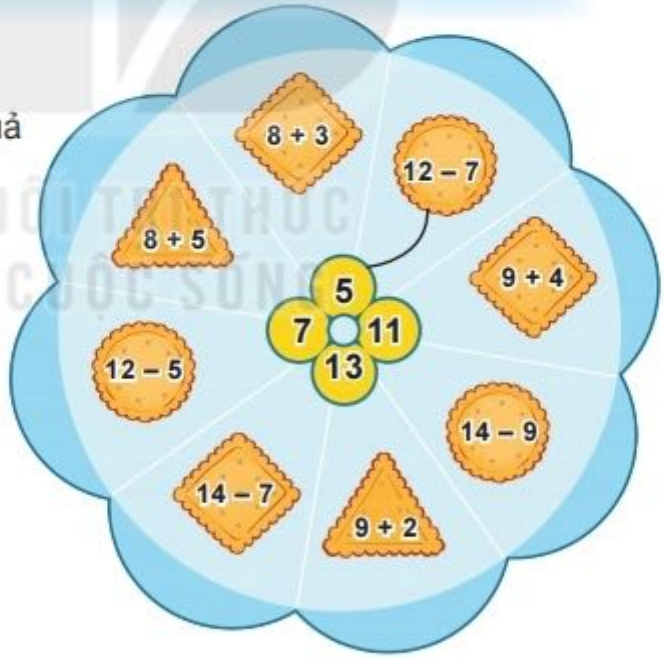

3 Số ?

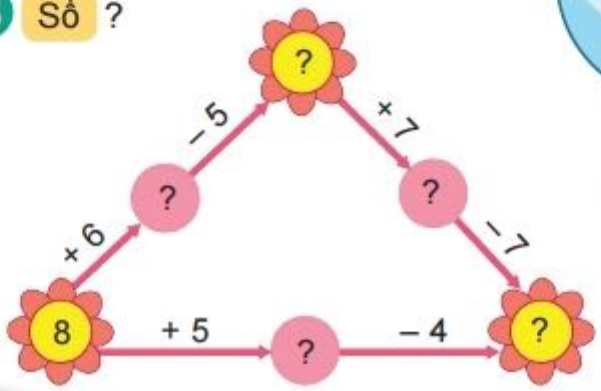

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Lớp 2A có 8 bạn học hát. Số bạn học võ nhiều hơn số bạn học hát là 5 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu bạn học võ?

Luyện tập

1 Mỗi sọt sẽ đựng những quả bưởi có ghi số là kết quả của phép tính ghi trên sọt đó.

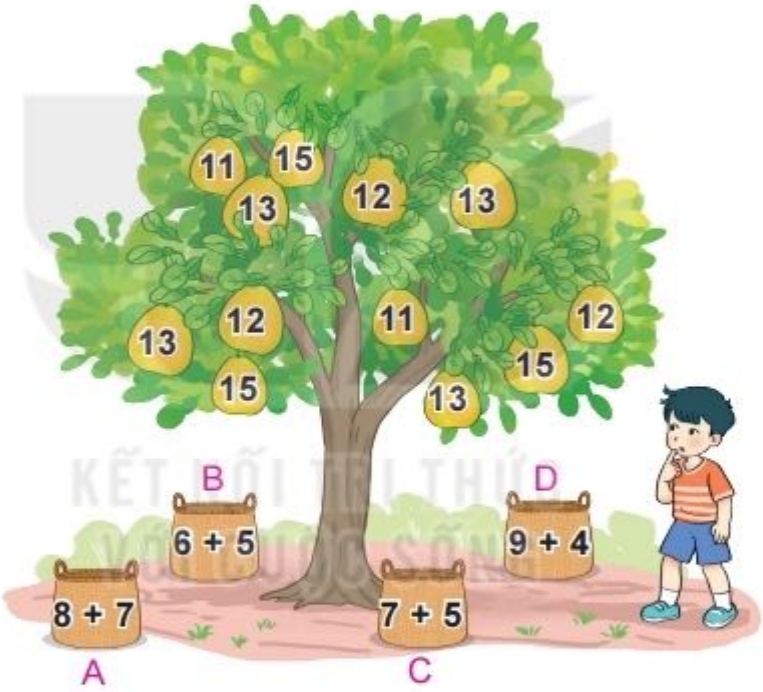

Số ?

Sọt	A	B	C	D
Số quả bưởi	3	?	?	?

2 >; <; = ?

a) 5 + 7 ? 12 6 + 7 ? 12 4 + 7 ? 12

b) 8 + 3 ? 3 + 8 6 + 5 ? 6 + 6

3 Lấy hai trong ba túi gạo nào đặt lên đĩa bên phải để cân thăng bằng?

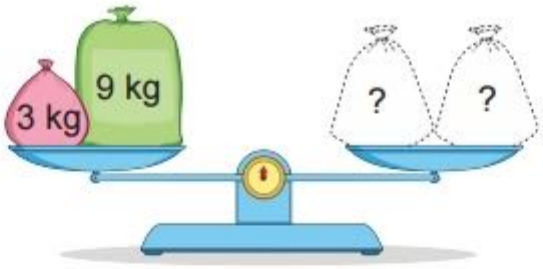

4 Một cửa hàng điện máy, buổi sáng bán được 11 máy tính, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 3 máy tính. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu máy tính?

luyện tập

Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100

1

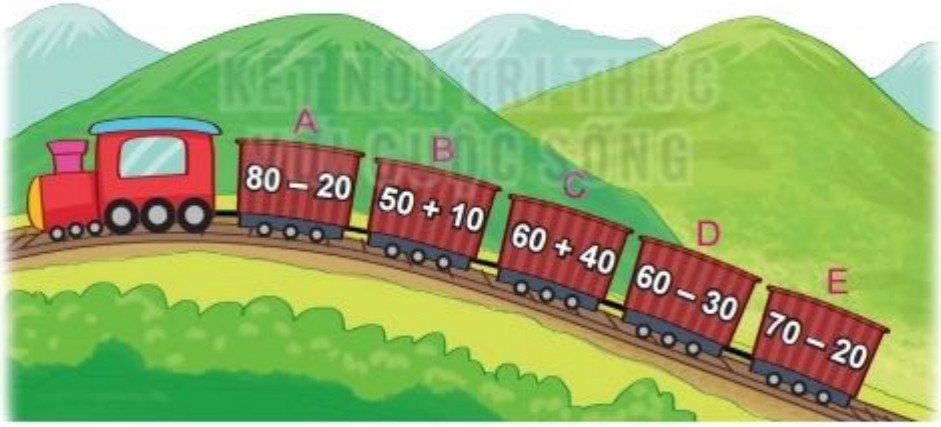

a) Số ?

Toa	A	B	C	D	E
Kết quả phép tính	60	?	?	?	?

b) Những toa nào ghi phép tính có kết quả bé hơn 60?

c) Những toa nào ghi phép tính có kết quả lớn hơn 50 và bé hơn 100?

2 Đặt tính rồi tính.

a) 28 + 35
63 – 28
63 – 35

b) 42 + 49
91 – 42
91 – 49

3 Tìm chỗ đỗ cho ô tô.

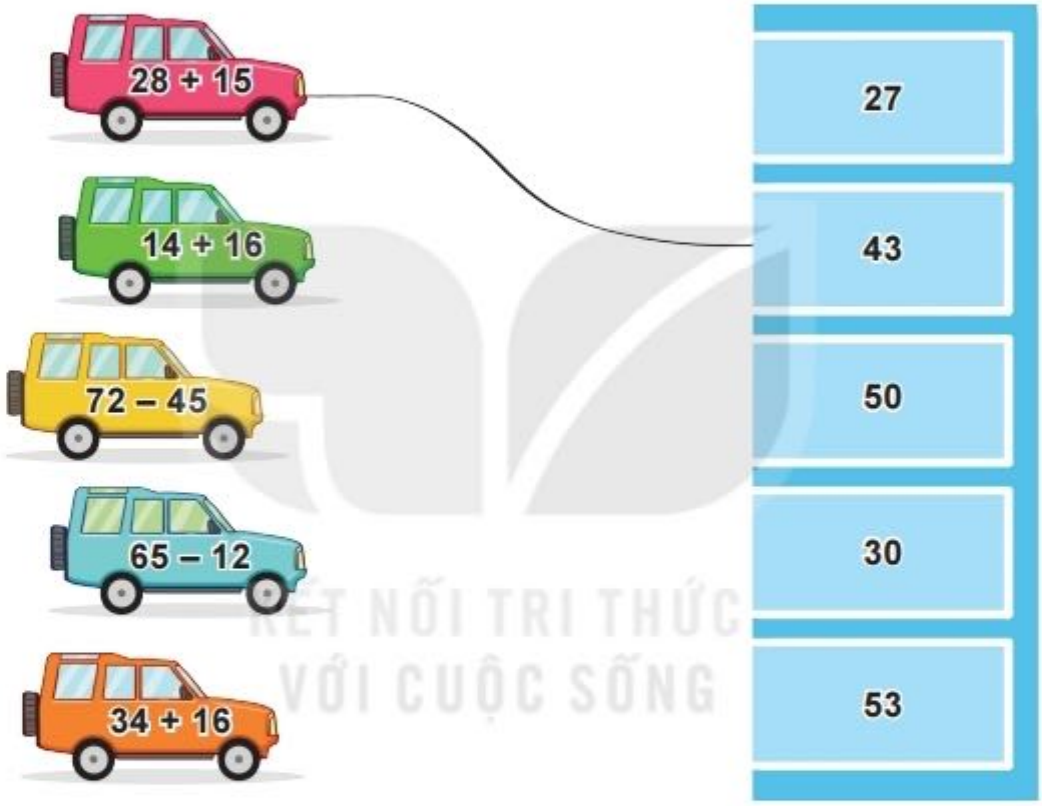

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

4 Một đội đồng diễn thể dục thể thao gồm có 56 người mặc áo đỏ và 28 người mặc áo vàng. Hỏi đội đồng diễn đó có tất cả bao nhiêu người?

Luyện tập

1 a) Số ?

b) Tính tổng các số hạng bằng nhau.

24 + 24 + 24

2 + 2 + 2 + 2 + 2

2 Cho bảng sau:

11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31
32	33	34	35	36	37	38
39	40	41	42	43	44	45

a) Tính tổng của ba số tròn chục có trong bảng.

b) Hai số nào trong bảng có tổng là 23?

c) Hai số nào trong bảng có tổng lớn nhất?

3 Một thanh gỗ dài 92 cm. Bác thợ mộc đã cưa đi một đoạn dài 27 cm. Hỏi thanh gỗ còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

4 Số ?

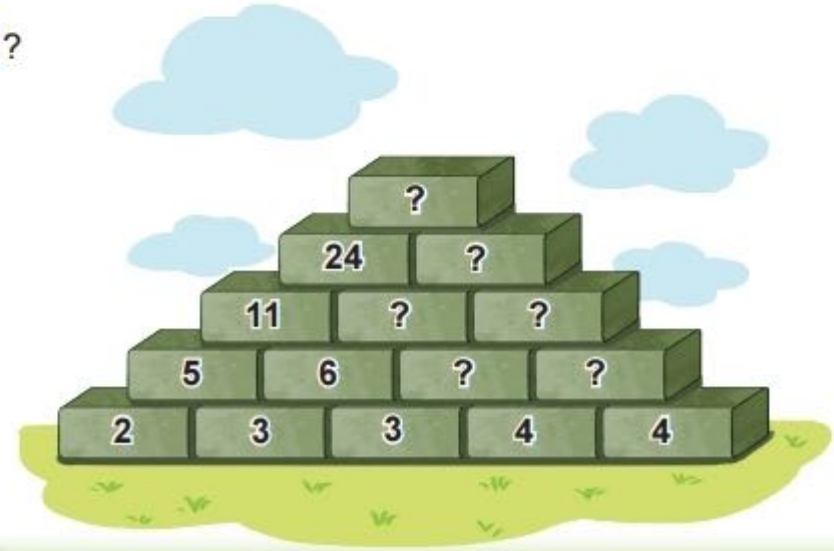

Bài 34

ÔN TẬP HÌNH PHẲNG

Luyện tập

1 Số ?

a)

Có ? đoạn thẳng.

b)

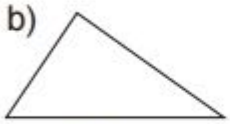

Có ? đoạn thẳng.

c)

Có ? đoạn thẳng.

d)

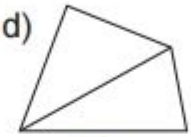

Có ? đoạn thẳng.

2 Cho các đoạn thẳng sau:

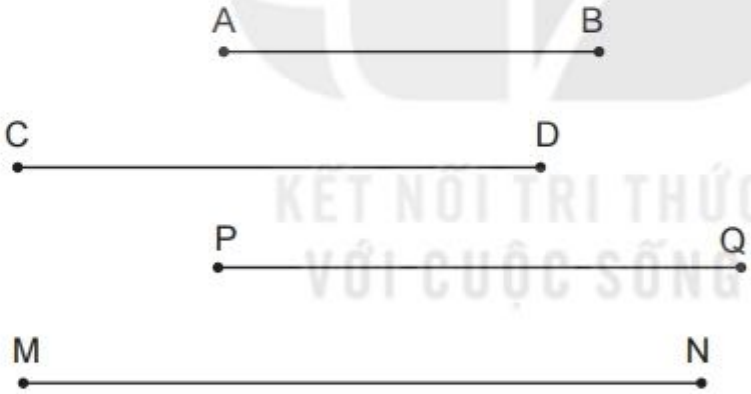

a) Đo độ dài mỗi đoạn thẳng.

b) Hai đoạn thẳng nào dài bằng nhau?

c) Đoạn thẳng nào dài nhất, đoạn thẳng nào ngắn nhất?

3 Những hình nào dưới đây là hình tứ giác?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4 Tìm ba điểm thẳng hàng có trong hình dưới đây.

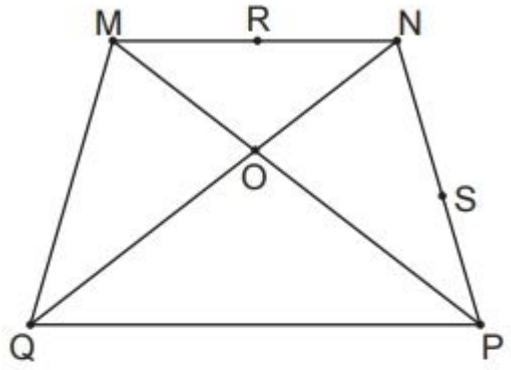

5 Vẽ (theo mẫu).

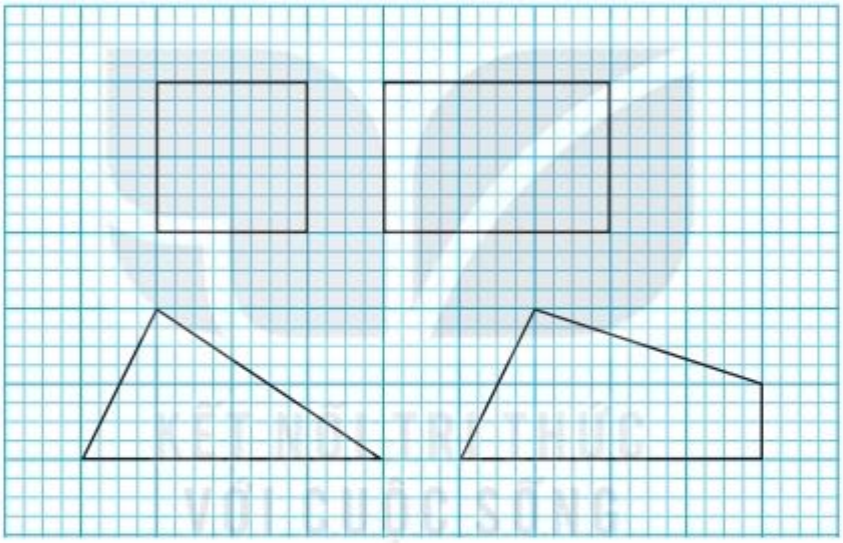

Luyện tập

1 a) Vẽ đoạn thẳng AB dài 5 cm.

b) Vẽ đoạn thẳng CD dài 7 cm.

2 a) Tính độ dài đoạn thẳng BC.

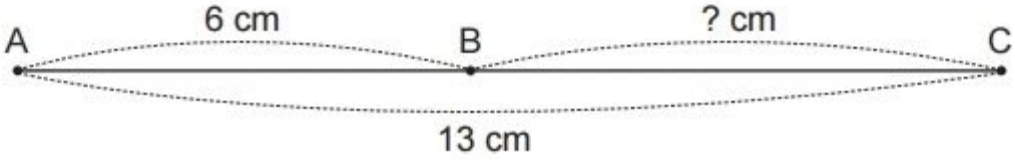

b) Đo rồi tính độ dài đường gấp khúc MNPQ.

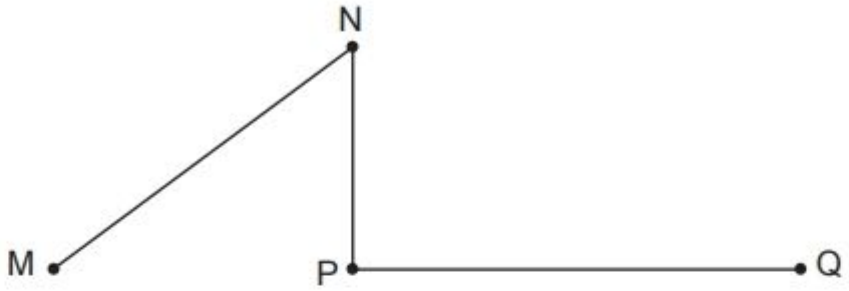

3 Chọn hình thích hợp đặt vào dấu "?".

A. B. C. D.

4 Dùng bao nhiêu hình A để xếp thành hình B?

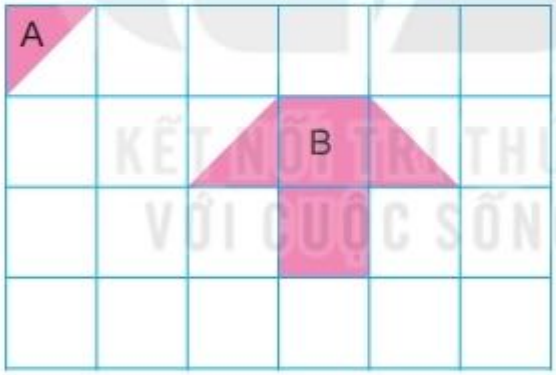

5 Chọn câu trả lời đúng.

Số hình tam giác có trong hình sau là:

A. 3 B. 4

C. 5 D. 6

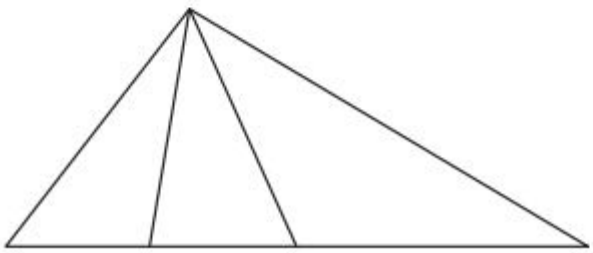

Bài 35

ÔN TẬP ĐO LƯỜNG

Luyện tập

1 Đ, S ?

a) Gấu bông nặng hơn thỏ bông. ?

b) Thỏ bông nhẹ hơn sóc bông. ?

c) Sóc bông nhẹ hơn gấu bông. ?

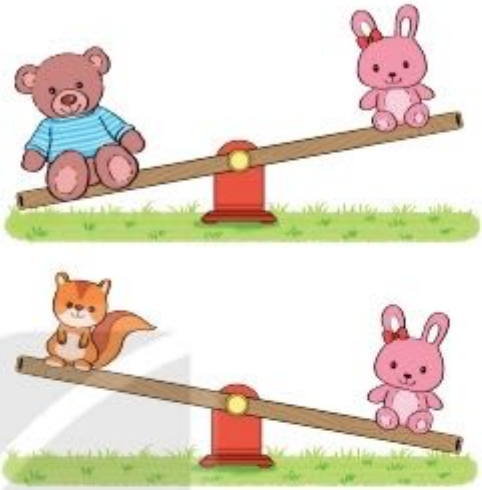

2 Tính.

19 kg + 25 kg	35 kg + 28 kg	44 kg – 19 kg
63 kg – 28 kg	44 kg – 25 kg	63 kg – 35 kg

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

3 Số ?

a)

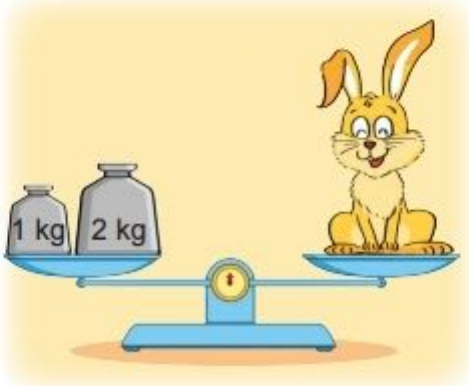

? kg + ? kg = ? kg

Con thỏ cân nặng ? kg.

b)

? kg – ? kg = ? kg

Túi gạo cân nặng ? kg.

4 Mẹ mua con lợn cân nặng 25 kg về nuôi. Sau một thời gian, con lợn tăng thêm 18 kg. Hỏi lúc này, con lợn cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

5 Có ba con dê cân nặng 14 kg, 18 kg, 16 kg muốn sang sông để ăn cỏ. Rô-bốt nói: "Thuyền chỉ chở thêm được nhiều nhất là 31 kg". Hỏi hai con dê nào có thể cùng nhau sang sông?

Luyện tập

1 Số ?

Có hai bình chứa đầy nước. Bạn Mai đã rót hết nước ở bình A sang đầy các ca 1 *l* thì được 8 ca, rót hết nước ở bình B sang đầy các ca 1 *l* thì được 5 ca.

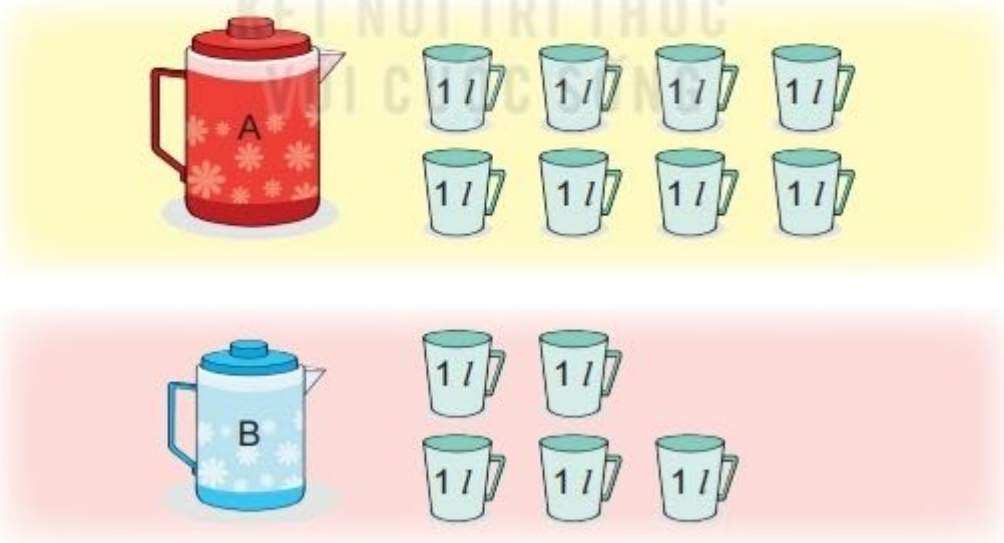

a) – Bình A chứa được ? *l* nước.

– Bình B chứa được ? *l* nước.

b) Cả hai bình chứa được ? *l* nước.

2 Tính.

a)

25 *l* + 8 *l*	44 *l* + 19 *l*
33 *l* – 8 *l*	63 *l* – 44 *l*
33 *l* – 25 *l*	63 *l* – 19 *l*

b)

15 *l* + 8 *l* + 30 *l*	42 *l* – 7 *l* + 16 *l*

3 Chọn câu trả lời đúng.

Trong thùng có 15 *l* nước. Múc hết nước từ thùng rót vào đầy các can. Có thể rót vào đầy ba can nào trong các phương án sau?

A.

B.

C.

4 Giải bài toán theo tóm tắt sau:

Tóm tắt

Có: 18 thùng nước mắm

Thêm: 4 thùng nước mắm

Có tất cả: ... thùng nước mắm?

Bài 36

ÔN TẬP CHUNG

luyện tập

1 Chọn câu trả lời đúng.

a)

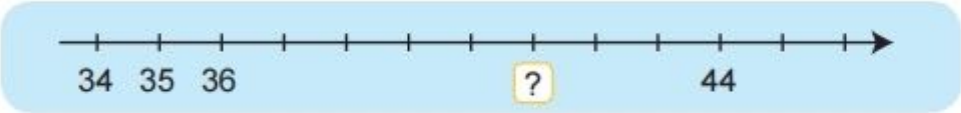

Số thích hợp với ? là:

A. 39 B. 40 C. 41

b) Nếu ngày 19 tháng 12 là thứ Hai thì ngày 22 tháng 12 là:

A. Thứ Tư B. Thứ Năm C. Thứ Sáu

2 Tìm đồng hồ chỉ thời gian thích hợp với mỗi bức tranh.

Nam đi học
lúc 7 giờ 15 phút.

Nam chơi đá bóng
lúc 4 giờ 30 phút chiều.

Nam tập vẽ
lúc 2 giờ chiều.

Nam xem
phim hoạt hình
lúc 8 giờ tối.

3 Đặt tính rồi tính.

a) 36 + 7 5 + 48 29 + 64

b) 73 – 6 82 – 57 91 – 85

4 Rô-bốt cao 89 cm, Mi cao hơn Rô-bốt 9 cm. Hỏi Mi cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

5 Có hai đường đi để kiến đến chỗ miếng bánh như hình dưới đây.

a) Số ?

– Đường đi ABC dài ? cm.

– Đường đi MNPQ dài ? cm.

b) Đường đi nào ngắn hơn?

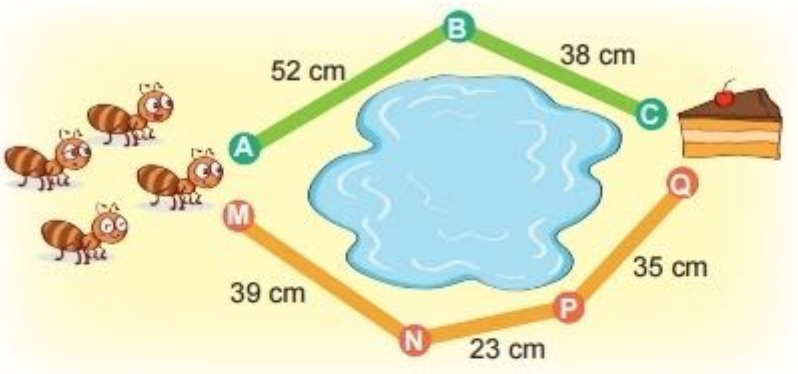

luyện tập

1 Chọn câu trả lời đúng.

a)

M N E G

Hai đồng hồ chỉ cùng giờ vào buổi chiều là:

A. M và E B. M và G C. N và G

b)

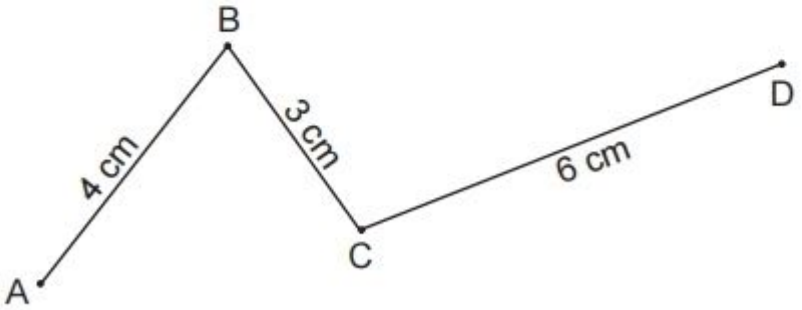

Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

A. 7 cm B. 12 cm C. 13 cm

2 Số ?

a)

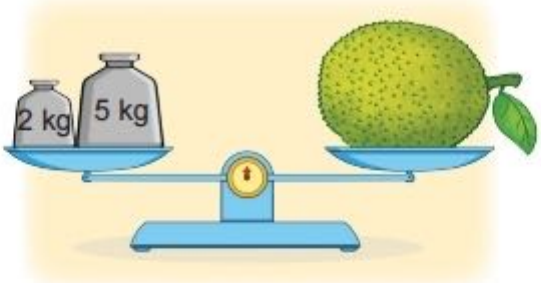

Quả mít cân nặng ? kg.

b) Rót đầy hai ca từ một can chứa đầy nước.

Trong can còn lại ? l nước.

3 Để ủng hộ các bạn vùng lũ lụt, lớp 2A quyên góp được 83 quyển sách, lớp 2B quyên góp được ít hơn lớp 2A là 18 quyển sách. Hỏi lớp 2B quyên góp được bao nhiêu quyển sách?

4 Số ?

a)

b)

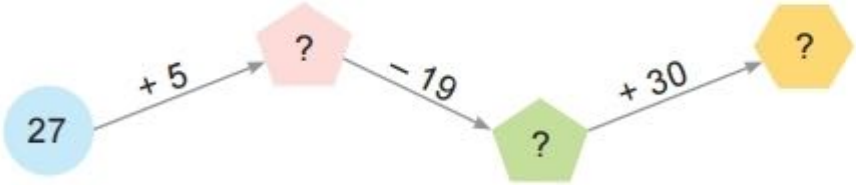

5 Chọn câu trả lời đúng.

Số hình tứ giác có trong hình sau là:

A. 2 B. 3

C. 4 D. 5

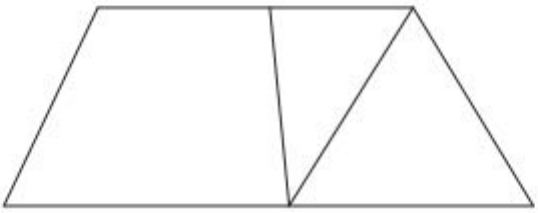

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Trang
B	
ba điểm thẳng hàng	100
bảng cộng	33
bảng trừ	47
C	
cắt	106
Đ	
điểm	98
đoạn thẳng	98
đường cong	100
đường gấp khúc	102
đường thẳng	100
G	
gấp	106
ghép	106
giờ	112
H	
hiệu	14
hình tứ giác	102

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thuật ngữ	Trang
K	
ki-lô-gam	59
L	
lít	62
N	
ngày	112
P	
phút	112
S	
số bị trừ	14
số hạng	13
số liền sau	10
số liền trước	10
số trừ	14
T	
tháng	116
tia số	10
tổng	13

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: VŨ MINH HẢI – LƯU THẾ SƠN
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: THÁI THANH VÂN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN THỊ HUẾ
Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TOÁN 2 - TẬP MỘT
Mã số: G1HH2T001H21
In ..... bản, (QĐ ....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ..... địa chỉ .....
Cơ sở in: ..... địa chỉ .....
Số ĐKXB: 93-2021/CXBIPH/40-31/GD.
Số QĐXB: /QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-25141-1
Tập hai: 978-604-0-25142-8